

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**Mẫu 5**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Giáo dục tiểu học**

**Mã số: 52 14 02 02**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Giáo dục tiểu học**  
**Mã số: 52 14 02 02**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT  
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....</b>	<b>4</b>
1.1. Mục tiêu chung.....	4
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra.....	4
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức .....	4
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ .....	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp .....	6
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp .....	6
1.5. Các chương trình đã tham khảo .....	6
1.5.1. Các chương trình trong nước .....	6
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	6
<b>PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>7</b>
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	7
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	7
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo .....	7
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	7
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo .....	8
2.2. Khung chương trình đào tạo.....	9
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành .....	12
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ .....	13
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành.....	16
<b>PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN .....</b>	<b>17</b>
Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học .....	18
Tâm lý học lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm .....	22
Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục đào tạo (GDTH) .....	26
Đại cương văn học Việt Nam.....	31
Lý luận văn học.....	34
Ứng dụng xác suất thống kê ở trường tiểu học .....	38
Giáo dục môi trường .....	41
Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn tự nhiên-xã hội.....	44
Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	48
Dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	51
Giới thiệu danh nhân văn hóa cho học sinh tiểu học .....	54
Giới thiệu danh nhân văn hóa Nam Bộ.....	58

Phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học trên bình diện trường từ vựng ngữ nghĩa .....	61
Phát triển năng lực viết câu cho học sinh tiểu học bằng phép cải biến.....	64
Tập hợp - lôgic .....	67
Kiểm tra – đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học.....	70
Cấu trúc đại số.....	74
Số học.....	77
Tiếng Việt 1.....	80
Tiếng Việt 2.....	87
Tiếng Việt 3.....	91
Văn học thiếu nhi .....	95
Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 1.....	99
Cơ sở Tự nhiên - Xã hội 2.....	104
Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học .....	110
Âm nhạc .....	114
Mỹ thuật .....	118
Phương pháp dạy học âm nhạc .....	121
Phương pháp dạy học mỹ thuật.....	124
Thực tế giáo dục và dạy học 1 .....	128
Thực tế giáo dục và dạy học 2 .....	131
Thực tế giáo dục và dạy học 3 .....	134
Thực tế giáo dục và dạy học 4 .....	137
Dạy học tiếng việt theo hình thức giao tiếp .....	140
Sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong trường tiểu học .....	143
Dạy học truyện dân gian ở trường tiểu học .....	146
Ứng dụng sơ đồ tư duy vào dạy học tập đọc.....	149
Thực tế bộ môn .....	152
Một số vấn đề thi pháp học .....	155
Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng việt .....	158
Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán .....	162
Cơ sở đại số ở tiểu học .....	166
Cơ sở hình học ở tiểu học.....	170
Vận dụng ngữ pháp văn bản vào dạy học Tập làm văn cho học sinh Tiểu học.....	173
Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật bậc Tiểu học.....	177

Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh Tiểu học .....	180
Phát triển khả năng tư duy toán học cho học sinh Tiểu học .....	183
Lí luận về đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học .....	186
Lí luận về đổi mới phương pháp dạy học Toán ở tiểu học .....	189
Dạy học từ hán việt cho học sinh tiểu học .....	193
Từ Hán Việt.....	196
Phương pháp dạy học Toán 1 .....	199
Phương pháp dạy học Toán 2.....	203
Phương pháp dạy học Toán 3.....	207
Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng Việt .....	210
Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 .....	213
Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2.....	217
Phương pháp dạy học Tiếng Việt 3.....	221
Phương pháp dạy học Tự nhiên -Xã hội 1 .....	224
Phương pháp dạy học Tự nhiên -Xã hội 2 .....	228
Thủ công – Kỹ thuật và PPDH thủ công – Kỹ thuật.....	231
Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức .....	235
Thực hành sự phạm 1 .....	238
Thực hành sự phạm 2 .....	242
Thực hành sự phạm 3 .....	245
Thực hành sự phạm 4 .....	249

## PHẦN 1

### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo Cử nhân sư phạm ngành Giáo dục tiểu học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có tinh thần trách nhiệm với xã hội. Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ sư phạm, về giáo dục hiện đại, những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về dạy học và giáo dục ở trường phổ thông; và có khả năng hoạch định, lập kế hoạch tổ chức giáo dục và dạy học; có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức và phát triển tư duy sáng tạo.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

###### ▪ Kiến thức chung:

- Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin.
- Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Pháp luật đại cương.
- Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành; giáo dục môi trường; giáo dục dân số; giáo dục an ninh quốc phòng; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục quyền và bổn phận của trẻ em; hiểu biết về y tế học đường, phòng chống ma túy và tệ nạn xã hội.

###### ▪ Kiến thức chuyên ngành:

- Về khoa học cơ bản: Văn – Tiếng Việt, Toán, Cơ sở tự nhiên – xã hội, Thủ công - Kỹ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học.
- Về nghiệp vụ sư phạm: tâm lý học lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm; phương pháp giáo dục và quản lý học sinh tiểu học; nội dung và phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học; phương pháp kiểm tra đánh giá học sinh; giáo dục hòa nhập học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.
- Một số kiến thức nâng cao về khoa học cơ bản và nghiệp vụ sư phạm: các vấn đề chuyên sâu về tiếng Việt, toán liên quan đến giáo dục học sinh tiểu học; lý luận đổi mới phương pháp dạy học.

##### 1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức cơ sở tiếng Việt để dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

- Vận dụng kiến thức cơ sở toán để dạy học Toán ở tiểu học.
- Thực hiện và hướng dẫn thực hiện được các sản phẩm thủ công – kỹ thuật trong nhà trường tiểu học.
- Vận dụng kiến thức và kỹ năng sống vào dạy học tích hợp kỹ năng sống trong các môn học và trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Phân tích chương trình, nội dung sách giáo khoa tiểu học; lập kế hoạch giảng dạy theo tuần, theo tháng, theo năm; lập kế hoạch bài dạy.
- Tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp: vận dụng các phương pháp dạy học tích cực; ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các thiết bị hiện đại trong dạy học; thiết lập môi trường học tập; sử dụng ngôn ngữ, chữ viết nhuần nhuyễn; tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh.
- Phát hiện và bồi dưỡng học sinh tiểu học có năng khiếu Toán, Tiếng Việt.
- Lập kế hoạch công tác chủ nhiệm; tổ chức các giờ chủ nhiệm lớp, sinh hoạt tập thể, sinh hoạt Đội Thiếu niên; phối hợp với phụ huynh để giáo dục học sinh; giáo dục hòa nhập học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.
- Giao tiếp, ứng xử với học sinh, với đồng nghiệp, với phụ huynh và cộng đồng.
- Tạo lập, sử dụng, bảo quản và lưu giữ hồ sơ: hồ sơ giáo dục và giảng dạy; hồ sơ về học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh; các hồ sơ, sổ sách khác.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ**

- Chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện nghĩa vụ công dân ở địa phương và các quy định của Nhà trường.
- Có các phẩm chất đạo đức, tác phong của người giáo viên: tinh thần trách nhiệm; yêu nghề, tận tụy với nghề; ý thức tổ chức kỷ luật tốt; giữ gìn uy tín, danh dự của nhà giáo.
- Tôn trọng, thương yêu và đối xử công bằng với học sinh; quan tâm giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi của học sinh.
- Đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; hợp tác tốt với cha mẹ học sinh và cộng đồng trong công tác giáo dục.
- Cầu tiến, tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.
- Có đủ sức khỏe để công tác và phục vụ cộng đồng.

### **1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

Có đủ khả năng thực hiện các nhiệm vụ của người giáo viên tiểu học ở tất cả các khối lớp trong Trường tiểu học.

### **1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Có thể học cao học để đạt trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục Tiểu học. Có khả năng tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học; sáng tạo và vận dụng những đổi mới về giáo dục tiểu học vào trong công tác.

### **1.5. Các chương trình đã tham khảo**

#### **1.5.1. Các chương trình trong nước**

- Trường Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh
- Trường Đại học Tây Nguyên
- Trường Đại học Sư phạm Huế
- Trường Đại học Vinh
- Trường Đại học Tây Bắc
- Trường Đại học Đồng Tháp

#### **1.5.2. Các chương trình nước ngoài**

Không có.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**



## PHẦN 2

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát chương trình đào tạo

##### 2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm.

##### 2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: 132 tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 132 tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: 19 tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: 29 tín chỉ (bắt buộc: 21 tín chỉ; tự chọn 08 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: 34 tín chỉ (bắt buộc: 26 tín chỉ; tự chọn 08 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ (bắt buộc: 30 tín chỉ; 00 tín chỉ)
- Thực tập nghề nghiệp, thực tế: 10 tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10 tín chỉ

##### 2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

**2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo**

- Có đủ số lượng và chất lượng giảng viên theo qui định mở ngành đào tạo.
- Có đủ tài liệu, giáo trình chuyên môn được liệt kê trong ĐC chi tiết các môn học, đảm bảo cung cấp cho sinh viên.
- Các phòng học, giảng đường thoáng mát, đủ bàn ghế, bảng và các phương tiện dạy học cần thiết.

## 2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 19/19 tín chỉ</b>										
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	30				30	1	861002
4	Tiếng Anh I	866101	2	30				30	1	Điểm KS $\geq 50$
5	Tiếng Anh II	866102	2	30				30	1	866101
6	Tiếng Anh III	866103	3	45					1	866102
7	Giáo dục thể chất (I)	862101	1	30				30	0.5	
8	Giáo dục thể chất (II)	862102	1	30				30	0.5	862101
9	Giáo dục thể chất (III)	862103	1	30				30	0.5	862101
10	Giáo dục quốc phòng (I)	862106	3	45				45	1	861003
11	Giáo dục quốc phòng (II)	862107	2	30				30	1	
12	Giáo dục quốc phòng (III)	862108	3	45				45	1	
13	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
<b>II Khối kiến thức cơ sở: 29/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 21/29 tín chỉ</b>										
14	Phương pháp NCKHGD	863009	2	30				30	1	
15	Giáo dục học đại cương	863005	2	30				30	1	
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
17	Tâm lí học đại cương	865001	2	30				30	1	
18	Công tác đội TNTP hồ chí minh	863013	1	30				30	1	
19	Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học	815022	2	30				30	1	
20	Tâm lí học lứa tuổi tiểu học và tâm lí học sư phạm	863003	2	30				30	1	865001
21	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD – ĐT	863011	2	30				30	1	863007
22	Đại cương văn học Việt Nam	815059	2	30				30	1	
23	Lí luận văn học	815058	2	30				30	1	
24	Ứng dụng xác suất thống kê ở trường tiểu học	815103	2	30				30	1	
<b>Tự chọn: 08/29 tín chỉ</b>										
25	Giáo dục môi trường	815021	2	30				30	1	
26	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội	815301	2	30				30	1	
27	Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học	815302	2	30				30	1	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
28	Dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	815303	2	30				30	1	
29	Giới thiệu danh nhân văn hóa cho học sinh tiểu học	815102	2	30				30	1	
30	Giới thiệu danh nhân văn hóa Nam bộ	815304	2	30				30	1	
31	Phát triển ngôn ngữ cho HSTH trên bình diện trường từ vựng ngữ nghĩa	815107	2	30				30	1	
32	Phát triển năng lực viết câu cho HSTH bằng phép cải biến	815305	2	30				30	1	
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức ngành: 34/132 tín chỉ</b>									
	<b>Bắt buộc: 26/34 tín chỉ</b>									
33	Tập hợp logic	815020	2	30				30	1	
34	Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học	815023	2	30				30	1	
35	Cấu trúc đại số	815053	2	30				30	1	
36	Số học	815054	3	45				45	1	
37	Tiếng Việt 1	815050	3	45				45	1	
38	Tiếng Việt 2	815051	2	30				30	1	815050
39	Tiếng Việt 3	815052	2	30				30	1	815050
40	Văn học thiếu nhi	815119	3	45				45	1	815058
41	Cơ sở Tự nhiên – Xã hội 1	815065	2	30				30	1	
42	Cơ sở Tự nhiên – Xã hội 2	815066	2	30				30	1	
43	Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học	863007	3	45				45	1	
	<b>Tự chọn: 08/34 tín chỉ</b>									
44	Âm nhạc	815105	2	30				30	1	
45	Mỹ thuật	815106	2	30				30	1	
46	PPDH Âm nhạc	815075	2	30				30	1	815105
47	PPDH Mỹ thuật	815078	2	30				30	1	815106
48	Thực tế giáo dục và dạy học 1	815306	2		10	10	10	30	1	
49	Thực tế giáo dục và dạy học 2	815307	2		10	10	10	30	1	
50	Thực tế giáo dục và dạy học 3	815308	2		10	10	10	30	1	
51	Thực tế giáo dục và dạy học 4	815309	2		10	10	10	30	1	
52	Dạy học Tiếng Việt theo hình thức giao tiếp	815310	2	30				30	1	
53	Sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong trường tiểu học	815116	2	30				30	1	
54	Dạy học truyện dân gian ở trường tiểu học	815311	2	30				30	1	
55	Ứng dụng sơ đồ tư duy vào dạy học tập đọc	815312	2	30	30	30	30	30	1	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>IV</b>	<b>Khởi kiến thức chuyên ngành: 30/132 tín chỉ</b>									
	Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3									
<b>V</b>	<b>Thực tập, thực tế: 10/132 tín chỉ</b>									
56	Thực tập sư phạm 1	863115	3						1	
57	Thực tập sư phạm 2	863014	6						1	
58	Thực tế bộ môn	815108	1						0.5	
<b>VI</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10/132 tín chỉ</b>									
59	Khóa luận tốt nghiệp	815313	10							
	<b>Các học phần thay thế KLTN</b>		<b>10</b>							
60	Một số vấn đề thi pháp học	815109	2	30				30	1	815058
61	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt	815110	2	30				30	1	815062
62	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Toán	815111	2	30				30	1	815057
63	Cơ sở đại số ở tiểu học	815112	2	30				30	1	
64	Cơ sở hình học ở tiểu học	815113	2	30				30	1	
65	Vận dụng ngữ pháp văn bản vào dạy học Tập làm văn cho học sinh tiểu học	815114	2	30				30	1	
66	Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật bậc tiểu học	815086	2	30				30	1	
67	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	815087	2	30				30	1	815058
68	Phát triển khả năng tư duy toán học cho học sinh tiểu học	815115	2	30				30	1	
69	Lí luận về đổi mới PPDH Tiếng Việt ở tiểu học	815117	2	30				30	1	
70	Lí luận về đổi mới PPDH Toán ở tiểu học	815118	2	30				30	1	
71	Dạy học từ Hán Việt cho học sinh tiểu học	815314	2	30				30	1	
72	Từ Hán Việt	815079	2	30				30	1	815050
	<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>		<b>132 tín chỉ/ 156 tín chỉ</b>							

### 2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I</b>	<b>Chuyên ngành: (30/132 tín chỉ)</b>									
	<b>Bắt buộc: 30/30 tín chỉ</b>									
73	PPDH Toán 1	815055	2	30				30	1	
74	PPDH Toán 2	815315	3	45				45	1	815055
75	PPDH Toán 3	815057	2	30				30	1	815055
76	Rèn kĩ năng sử dụng Tiếng việt	815095	2	30				30	1	
77	PPDH Tiếng Việt 1	815062	2	30				30	1	815050
78	PPDH Tiếng Việt 2	815316	3	45				45	1	815062
79	PPDH Tiếng việt 3	815064	2	30				30	1	815062
80	PPDH Tự nhiên – Xã hội 1	815067	2	30				30	1	815065
81	PPDH Tự nhiên – Xã hội 2	815068	2	30				30	1	815066
82	Thủ công – Kỹ thuật và PPDH Thủ công – Kỹ thuật	815317	3	45				45	1	
83	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức	815104	3	45				45	1	
84	Thực hành sư phạm 1	815090	1				30	30	0.5	
85	Thực hành sư phạm 2	815091	1				30	30	0.5	
86	Thực hành sư phạm 3	815092	1				30	30	0.5	
87	Thực hành sư phạm 4	815093	1				30	30	0.5	

## 2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 28/132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 19/19 tín chỉ</b>											
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	x	x							
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x	x						
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x	x					
4	Tiếng Anh I	866101	2		x	x	x					
5	Tiếng Anh II	866102	2			x	x	x				
6	Tiếng Anh III	866103	3				x	x	x			
7	Giáo dục thể chất (I)	862101										
8	Giáo dục thể chất (II)	862102										
9	Giáo dục thể chất (III)	862103										
10	Giáo dục quốc phòng (I)	862106										
11	Giáo dục quốc phòng (II)	862107										
12	Giáo dục quốc phòng (III)	862108										
13	Pháp luật đại cương	865006	2	x	x							
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở: 29/132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 21/29 tín chỉ</b>											
14	Phương pháp NCKH/NCKHGD	863009	2					x	x	x		
15	Giáo dục học đại cương	863005	2									
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2									
17	Tâm lí học đại cương	865002	2									
18	Công tác đội TNTP hồ chí minh	863013	1									
19	Sinh lí trẻ em lứa tuổi tiểu học	815022	2	x								
20	Tâm lí học lứa tuổi tiểu học và tâm lí học sư phạm	863003	2			x						
21	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD – ĐT	863011	2							x		
22	Đại cương văn học Việt Nam	815059	2		x							
23	Lí luận văn học	815058	2			x						
24	Ứng dụng xác suất thống kê ở trường tiểu học	815103	2		x							
	<b>Tự chọn: 08/29 tín chỉ</b>											
25	Giáo dục môi trường	815021	2	x								
26	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội	815301	2	x								
27	Giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học	815302	2							x		
28	Dạy học tích hợp kĩ năng sống cho học sinh tiểu học	815303	2							x		
29	Giới thiệu danh nhân văn hóa cho HSTH	815102	2							x		
30	Giới thiệu danh nhân văn hóa Nam bộ	815304	2							x		
31	Phát triển ngôn ngữ cho HSTH trên bình diện trường từ vựng ngữ nghĩa	815107	2							x		





TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9		
61	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt	815110	2										x	
62	Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Toán	815111	2										x	
63	Cơ sở đại số ở tiểu học	815112	2										x	
64	Cơ sở hình học ở tiểu học	815113	2										x	
65	Vận dụng ngữ pháp văn bản vào dạy học tập làm văn cho học sinh tiểu học	815114	2										x	
66	Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật bậc tiểu học	815086	2										x	
67	Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	815087	2										x	
68	Phát triển khả năng tư duy toán học cho học sinh tiểu học	815115	2										x	
69	Lí luận về đổi mới PPDH Tiếng Việt ở tiểu học	815117	2										x	
70	Lí luận về đổi mới PPDH Toán ở tiểu học	815118	2										x	
71	Dạy học từ Hán Việt cho học sinh tiểu học	815314	2										x	
72	Từ Hán Việt	815079	2										x	
<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>			<b>132 tín chỉ/ 156 tín chỉ</b>											

## 2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Chuyên ngành: (30/132 tín chỉ)</b>											
	<b>Bắt buộc: 30/30 tín chỉ</b>											
73	PPDH Toán 1	815055	2				x					
74	PPDH Toán 2	815315	3					x				
75	PPDH Toán 3	815057	2						x			
76	Rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	815095	2	x								
77	PPDH Tiếng Việt 1	815062	2				x					
78	PPDH Tiếng Việt 2	815316	3					x				
79	PPDH Tiếng Việt 3	815064	2						x			
80	PPDH Tự nhiên – Xã hội 1	815067	2					x				
81	PPDH Tự nhiên – Xã hội 2	815068	2						x			
82	Thủ công – Kỹ thuật và PPDH Thủ công – Kỹ thuật	815317	3						x			
83	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức	815104	3						x			
84	Thực hành sư phạm 1	815090	1				x					
85	Thực hành sư phạm 2	815091	1					x				
86	Thực hành sư phạm 3	815092	1					x				
87	Thực hành sư phạm 4	815093	1						x			

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**PHẦN 3**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

**HỌC PHẦN**  
**SINH LÝ TRẺ EM LỨA TUỔI TIỂU HỌC****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: SINH LÝ TRẺ EM LỨA TUỔI TIỂU HỌC
- Mã học phần: 815022
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học**3. Mô tả học phần**

Người học sẽ tìm hiểu về cấu tạo và hoạt động của các hệ cơ quan, các cơ quan có trong cơ thể người nói chung và những đặc điểm khác biệt ở cơ thể trẻ em, đặc biệt là lứa tuổi Tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

## 4.1. Về kiến thức

Cung cấp kiến thức về cấu tạo và hoạt động của các hệ cơ quan, các cơ quan trong cơ thể người nói chung và ở trẻ em lứa tuổi Tiểu học nói riêng để người học có thể dạy những bài liên quan đến chủ đề con người và sức khỏe trong chương trình Tiểu học.

## 4.2. Về kỹ năng

Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân và người khác.

Áp dụng những kiến thức đã học trong dạy học ở cấp Tiểu học.

Làm việc nhóm và thuyết trình về vấn đề đã được giao.

## 4.3. Về thái độ

Người học yêu quý bản thân và có ý thức giữ gìn sức khỏe. Có ý thức trong việc chăm sóc sức khỏe cho các học sinh trong tương lai của mình.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Khái quát về sinh lý học trẻ em</b> <b>1.1. Mở đầu</b> 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.1.3. Phương pháp nghiên cứu <b>1.2. Đặc điểm chung của cơ thể trẻ em</b> <b>1.3. Các quy luật chung của tăng trưởng và phát triển</b> 1.3.1. Cơ thể trẻ em là một thể thống nhất 1.3.2. Các quy luật chung của tăng trưởng và phát triển 1.3.3. Các giai đoạn phát triển sinh lý theo lứa tuổi <b>1.4. Mối quan hệ giữa sinh lý và tâm lý trong hoạt động của cơ thể</b>	<b>3</b>	GV đưa ra từng vấn đề chính và cho người học thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả.
<b>Chương 2: Sinh lý hệ thần kinh</b> <b>2.1. Đặc điểm cấu tạo và phát triển của hệ thần kinh của người</b> 2.1.1. Vai trò và cấu tạo của hệ thần kinh của người 2.1.2. Đặc điểm phát triển của hệ thần kinh ở trẻ em Tiểu học <b>2.2. Hoạt động thần kinh cấp cao</b> 2.2.1. Học thuyết hoạt động thần kinh cấp cao của I.P.Pavlov 2.2.2. Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện 2.2.3. Các quy luật cơ bản của hoạt động TK cấp cao 2.2.4. Hệ thống tín hiệu thứ 2 2.2.5. Đặc điểm hoạt động thần kinh cấp cao ở trẻ em lứa tuổi Tiểu học 2.2.6. Các kiểu hoạt động thần kinh cấp cao ở trẻ em	<b>6</b>	GV đưa ra từng vấn đề chính và cho người học thảo luận theo nhóm và trình bày kết quả.
<b>Chương 3: Sinh lý các cơ quan phân tích</b> <b>3.1. Đại cương về cơ quan phân tích</b> 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Các quy luật chung của cơ quan phân tích <b>3.2. Các cơ quan phân tích cơ bản</b> 3.2.1. Cơ quan phân tích thị giác 3.2.2. Cơ quan phân tích thính giác <b>3.3. Đặc điểm phát triển các cơ quan phân tích ở trẻ em lứa tuổi Tiểu học</b>	<b>3</b>	Nhóm được phân công trình bày nội dung. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính.
<b>Chương 4: Sinh lý hệ vận động</b>	<b>3</b>	Nhóm được phân công

<b>4.1. Sinh lý hệ xương</b>		trình bày nội dung. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính.
4.1.1. Chức năng của xương		
4.1.2. Cấu tạo của xương		
<b>4.2. Sinh lý hệ cơ</b>		
4.2.1. Chức năng của cơ		
4.2.2. Cấu tạo của cơ		
<b>4.3. Đặc điểm phát triển hệ vận động ở trẻ em lứa tuổi Tiểu học</b>		
<b>4.4. Các biện pháp phòng ngừa bệnh sai lệch tư thế của trẻ em.</b>		
<b>Chương 5: Các hệ dinh dưỡng của cơ thể</b>	<b>4</b>	Nhóm được phân công trình bày nội dung. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính.
<b>5.1. Sinh lý hệ tuần hoàn</b>		
5.1.1. Cấu tạo và chức năng của hệ tuần hoàn		
5.1.2. Máu và sự tuần hoàn máu		
5.1.3. Đặc điểm tuần hoàn máu ở học sinh lứa tuổi Tiểu học		
<b>KIỂM TRA GIỮA KỲ</b>	<b>1</b>	
<b>5.2. Sinh lý hệ hô hấp</b>	<b>2</b>	Nhóm được phân công trình bày nội dung. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính.
5.2.1. Cấu tạo và chức năng của hệ hô hấp		
5.2.2. Đặc điểm hô hấp của trẻ em lứa tuổi Tiểu học		
<b>5.3. Sinh lý hệ tiêu hóa</b>	<b>2</b>	Nhóm được phân công trình bày nội dung. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính.
5.3.1. Cấu tạo và chức năng của hệ tiêu hóa		
5.3.2. Đặc điểm tiêu hóa của trẻ em lứa tuổi Tiểu học		
<b>Chương 6: Hệ bài tiết</b>	<b>2</b>	Nhóm được phân công trình bày nội dung. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính.
<b>6.1. Cấu tạo và chức năng của hệ tiết niệu</b>		
6.1.1. Cấu tạo của hệ tiết niệu		
6.1.2. Chức năng của hệ tiết niệu		
<b>6.2. Một số dạng bài tiết khác</b>		
<b>6.3. Đặc điểm bài tiết của trẻ em lứa tuổi Tiểu học</b>		
<b>Chương 7: Sinh lý hệ nội tiết và sinh dục</b>	<b>3</b>	Nhóm được phân công trình bày nội dung. Nhóm khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét và chốt lại nội dung chính.
<b>7.1. Sinh lý hệ nội tiết</b>		
7.1.1. Vai trò chung của hệ nội tiết		
7.1.2. Hócmon		
7.1.3. Chức năng của các tuyến nội tiết		
<b>7.2. Hệ sinh dục</b>		

7.2.1. Sinh lý sinh dục nam		
7.2.2. Sinh lý sinh dục nữ		
7.2.3. Sự phát triển giới tính ở trẻ em		
7.2.4. Giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học		
7.2.5. Sinh đẻ có kế hoạch		
<b>ÔN TẬP</b>	<b>1</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Tạ Thúy Lan (chủ biên), Trần Thị Loan (2007), Giáo trình Sinh lý học trẻ em, NXB Đại học Sư phạm.
2. Lê Thanh Vân (2004), Giáo trình sinh lý học trẻ em, NXB Đại học Sư phạm.
3. Hoàng Quý Tĩnh (chủ biên), Nguyễn Hữu Nhân (2012), Giáo trình Sinh học phát triển cơ thể người, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Tạ Thúy Lan (chủ biên), Trần Thị Loan (2004), Giải phẫu sinh lý người, NXB Đại học Sư phạm.
5. Quách Văn Tĩnh (chủ biên), Trần Hạnh Dung, Hoàng Văn Lương, Nguyễn Văn Thêm (2004), Giáo trình Giải phẫu học, NXB Đại học Sư phạm.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận, thuyết trình trên lớp: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt

**HỌC PHẦN**  
**TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI TIỂU HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần:  
TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI TIỂU HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC SƯ PHẠM
- Mã học phần: 863003
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30 (20, 10)
- Trình độ đào tạo: đại học & cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: *Tâm lí học đại cương (865001)*,
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: *Không*
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 40

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Tâm lý học

**3. Mô tả học phần**

Học phần gồm 5 chương và nội dung các chương như sau: Chương 1 là khái quát về Tâm lý học lứa tuổi tiểu học và Tâm lý học sư phạm; chương 2 là tâm lý học lứa tuổi học sinh tiểu học; chương 3 là tâm lý học dạy học; chương 4 là tâm lý học giáo dục đạo đức và chương 5 là tâm lý học nhân cách người giáo viên tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nhận biết được những giai đoạn lứa tuổi và hiểu các đặc điểm, quy luật tâm lý của lứa tuổi học sinh tiểu học.
- Nhận biết bản chất của hoạt động dạy, hoạt động học và vận dụng được chúng vào quá trình học và dạy sau này.
- Phân biệt hành vi đạo đức, hành vi phi đạo đức và hành vi vô đạo đức.
- Phân biệt được nghề sư phạm với các nghề khác.
- Hiểu cấu trúc nhân cách của người giáo viên tiểu học và vận dụng chúng vào quá trình rèn luyện, tu dưỡng bản thân.

4.2. Về kỹ năng:

- Biết cách nhận ra các hiện tượng tâm lý lứa tuổi qua các biểu hiện của học sinh tiểu học.
- Biết cách hiểu đúng, đánh giá đúng học sinh tiểu học.
- Có khả năng lập kế hoạch giáo dục học sinh tiểu học.



- Có khả năng tự rèn luyện bản thân để trở thành giáo viên tốt.

### 3.3. Về thái độ

- Có ý thức vận dụng kiến thức Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm vào công tác giảng dạy và giáo dục.
- Có thái độ tích cực trong việc rèn luyện những phẩm chất và năng lực cần thiết của một người giáo viên tiểu học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá		
<b>Chương 1. Nhập môn tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, vấn đáp.</li> <li>- Kiểm tra bằng trắc nghiệm và giải quyết tình huống.</li> <li>- Nghiên cứu tài liệu, thảo luận cặp đôi và tọa đàm cả lớp.</li> </ul>		
<b>1.1. Khái quát về tâm lý học lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm</b>				
1.1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của TLH lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm				
1.1.2. Quan hệ giữa TLH lứa tuổi tiểu học và TLH sư phạm				
1.1.3. Vài nét lịch sử hình thành và phát triển TLH lứa tuổi tiểu học và tâm lý học sư phạm				
1.1.4. Phương pháp nghiên cứu TLH lứa tuổi tiểu học và TLH sư phạm				
<b>1.2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em</b>				
1.2.1. Quan niệm về trẻ em				
1.2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em				
1.2.3. Quy luật cơ bản phát triển tâm lý trẻ em				
<b>1.3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em.</b>				
1.3.1. Quan niệm về giai đoạn phát triển tâm lý và hoạt động chủ đạo				
1.3.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em				
<b>Chương 2: Tâm lý học lứa tuổi học sinh tiểu học</b>			8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, thuyết trình, vấn đáp.</li> <li>- Thảo luận nhóm, thuyết trình, xem phim và làm bài tập tình huống.</li> <li>- Kiểm tra lấy điểm cá nhân.</li> </ul>
<b>2.1. Tiền đề của sự phát triển tâm lý của lứa tuổi học sinh tiểu học</b>				
2.1.1. Đặc điểm thể chất				
2.1.2. Đặc điểm cuộc sống nhà trường tiểu học				
2.1.3. Tâm lý sẵn sàng đi học của trẻ em vào học lớp Một.				
<b>2.2. Đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học</b>				
2.2.1. Những đặc điểm cơ bản của hoạt động nhận thức				
2.2.2. Đặc điểm xúc cảm – tình cảm và ý chí				
2.2.3. Đặc điểm nhân cách học sinh tiểu học				
<b>2.3. Hoạt động của học sinh tiểu học</b>				
2.3.1. Hoạt động học tập				
2.3.2. Một số hoạt động khác				

<b>Chương 3: Tâm lý học dạy học</b>	6	Nghiên cứu tài liệu, diễn giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.
<b>3.1. Khái niệm hoạt động dạy</b>		
<b>3.2. Khái niệm hoạt động học</b>		
<b>3.3.Sự thống nhất giữa hoạt động dạy và hoạt động học</b>		
<b>3.4.Sự hình thành khái niệm trong dạy học</b>		
3.4.1.Khái niệm về khái niệm		
3.4.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm		
3.4.3.Điều khiển sự hình thành khái niệm trong dạy học		
<b>3.3.Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo trong học tập</b>		
3.3.1.Sự hình thành kỹ năng		
3.3.2.Sự hình thành kỹ xảo		
<b>3.4. Dạy học và sự phát triển trí tuệ</b>		
3.4.1.Khái niệm về sự phát triển trí tuệ		
3.4.2.Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ		
3.4.3.Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ		
<b>Chương 4: Tâm lý học giáo dục đạo đức</b>		
<b>4.1.Đạo đức và hành vi đạo đức</b>		
4.1.1.Đạo đức		
4.1.2.Hành vi đạo đức		
<b>4.2.Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức</b>		
4.2.1.Tri thức và niềm tin đạo đức		
4.2.2. Tình cảm và động cơ đạo đức		
4.2.3.Thiện chí, nghị lực và thói quen đạo đức		
4.2.4. Mọi quan hệ giữa các yếu tố tâm lý trong cấu trúc hành vi đạo đức		
<b>4.3.Vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học</b>		
4.3.1.Tổ chức giáo dục của nhà trường		
4.3.2.Không khí đạo đức của tập thể		
4.3.3. Nề nếp sinh hoạt và tổ chức giáo dục gia đình		
4.3.4.Tự tu dưỡng của cá nhân		
<b>Chương 5: Tâm lý học nhân cách người thầy giáo</b>	6	- Nghiên cứu tài liệu, xem phim, tọa đàm về nghề dạy học, về người thầy giáo - Thực hiện đề án: “xây dựng mô hình nhân cách người giáo viên tiểu học tương lai”.
<b>5.1.Đặc điểm lao động của người thầy giáo</b>		
5.1.1.Nhà giáo và sự trau dồi nhân cách		
5.1.2.Đặc điểm của lao động sư phạm		
<b>5.2.Cấu trúc nhân cách của người giáo viên tiểu học</b>		
5.2.1.Phẩm chất của người giáo viên tiểu học		
5.2.2.Năng lực của người giáo viên tiểu học		
<b>5.3.Uy tín người giáo viên tiểu học</b>		
5.3.1. Khái niệm		
5.3.2. Phân loại		
5.3.3. Sự hình thành		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Thị Bích Hạnh – Trần Thị Thu Mai (2008), *Giáo trình Tâm lý học tiểu học và Tâm lý học sư phạm tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

### 6.2. Tài liệu khác:

- Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (1997), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm (dùng cho các trường ĐHSP và CĐSP)*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên) (2008), *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Sư phạm.
- Nhóm nhân văn tuyển chọn và biên dịch (2001), *Những câu chuyện về người Thầy*, NXB Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- |   |            |
|---|------------|
| - Điểm chuyên cần:                                | hệ số 0.1; |
| - Điểm thực hành/bài tập:                         | hệ số 0.2; |
| - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: | hệ số 0.1; |
| - Điểm thi kết thúc học phần:                     | hệ số 0.6  |

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**ThS. Nguyễn Thị Ngọc**

**HỌC PHẦN**  
**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH**  
**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (GDTH)**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần:

QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (GDTH)

- Mã học phần: 863011

- Số tín chỉ: 2

- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30(30, 5, 5, 0)

- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục (863007)

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 80

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Bộ môn Tâm – Giáo dục

**3. Mô tả học phần**

Nội dung môn học bao gồm 5 chương

Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và quản lý hành chính nhà nước

Chương 2: Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức

Chương 3: Quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục – đào tạo

Chương 4: Luật giáo dục và Luật trẻ em

Chương 5: Điều lệ nhà trường và những quy chế, qui định của Bộ giáo dục – đào tạo đối với giáo dục tiểu học

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được những kiến thức cơ bản về nhà nước và quản lý hành chính nhà nước, Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức, Luật giáo dục và Luật trẻ em, Điều lệ, quy chế, qui định của Bộ giáo dục – đào tạo đối với trường tiểu học.

4.2. Về kỹ năng

- Biết vận dụng hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo vào thực tế công tác.

- Hình thành kỹ năng giao tiếp của viên chức ngành giáo dục tương lai.

#### 4.3. Về thái độ

- Thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo.

- Thực hiện đúng các văn bản của Bộ Giáo dục – Đào tạo đối với trường tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b>	<b>3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Hướng dẫn đọc tài liệu</li> <li>- Hướng dẫn tự học</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>
<b>1.1. Một số vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</b>		
1.1.1. Khái quát chung về nhà nước - Bản chất của nhà nước - Đặc trưng của nhà nước		
1.1.2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Khái quát về hệ thống chính trị Việt Nam - Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		
<b>1.2. Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước</b>		
1.2.1. Khái niệm quản lý hành chính nhà nước		
1.2.2. Các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước		
1.2.3. Công cụ, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước		
<b>1.3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo</b>		
1.3.1. Khái niệm quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo		
1.3.2. Nguyên tắc quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo		
<b>Chương 2. LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ LUẬT VIÊN CHỨC</b>	<b>6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thuyết trình có điểm</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Hướng dẫn đọc tài liệu</li> <li>- Hướng dẫn tự học</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>
<b>2.1. Những nội dung cơ bản của Luật cán bộ, công chức</b>		
2.1.1. Khái quát về Luật cán bộ, công chức		
2.1.2. Những nội dung cơ bản của Luật cán bộ, công chức - Những quy định chung - Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức		

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những việc cán bộ, công chức không được làm</li> <li>- Qui định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức</li> </ul>		
<b>2.2. Những nội dung cơ bản của Luật viên chức</b>		
2.2.1. Khái quát về Luật viên chức		
2.2.2. Những nội dung cơ bản của Luật viên chức <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những quy định chung</li> <li>- Quyền, nghĩa vụ của viên chức</li> <li>- Những việc viên chức không được làm</li> <li>- Tuyển dụng, sử dụng viên chức</li> </ul>		
<b>Chương 3. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>		
<b>3.1. Thực trạng và những vấn đề đặt ra cần giải quyết của giáo dục và đào tạo Việt Nam</b>		
3.1.1. Thực trạng của giáo dục Việt Nam		
3.1.2. Bối cảnh và thời cơ, thách thức đối với giáo dục nước ta trong giai đoạn hiện nay		
<b>3.2. Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục và đào tạo</b>		
3.2.1. Giáo dục là quốc sách hàng đầu		
3.2.2. Xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa		
3.2.3. Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học – công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh		
3.2.4. Giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân		
<b>3.3. Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011 – 2020</b>		
<b>Chương 4. LUẬT GIÁO DỤC VÀ LUẬT TRẺ EM</b>		
<b>4.1. Luật giáo dục</b>		
4.1.1. Khái quát về Luật giáo dục		
4.1.2. Những nội dung cơ bản của Luật giáo dục <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những quy định chung</li> <li>- Nhà giáo</li> <li>- Người học</li> <li>- Nhà trường, gia đình và xã hội</li> <li>- Khen thưởng và xử lý vi phạm</li> </ul>		
<b>4.2. Luật trẻ em</b>		
<b>8</b>	<b>8</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Hướng dẫn đọc tài liệu</li> <li>- Kiểm tra</li> <li>- Hướng dẫn tự học</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>
<b>8</b>	<b>8</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thuyết trình có điểm</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Hướng dẫn đọc tài liệu</li> <li>- Hướng dẫn tự học</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>

4.2.1. Khái quát về Luật trẻ em		
4.2.2. Những nội dung cơ bản của Luật trẻ em - Những qui định chung - Các quyền cơ bản của trẻ em		
<b>Chương 5. ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG VÀ NHỮNG QUY CHẾ, QUY ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI GIÁO DỤC TIỂU HỌC</b>	<b>5</b>	
<b>5.1. Điều lệ trường tiểu học</b>		- Diễn giảng - Vấn đáp - Thuyết trình có điểm - Thảo luận - Hướng dẫn đọc tài liệu - Hướng dẫn tự học
5.1.1. Khái quát về Điều lệ trường tiểu học		
5.1.2. Những nội dung cơ bản của Điều lệ trường tiểu học - Những quy định chung - Giáo viên - Học sinh		
<b>5.2. Quy định về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học</b>		
<b>5.3. Quy định về đánh giá học sinh tiểu học</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Phan Minh Tiên (2013), *Giáo trình quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo (Tái bản lần thứ 2)*, NXB Đại học Huế.
2. Phạm Viết Vượng (2007), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo (Giáo trình dành cho sinh viên các trường sư phạm)*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo(2010), *Điều lệ trường tiểu học* (Ban hành kèm theo thông tư số 41/2010/TT – BGDDT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
4. Bộ giáo dục và Đào tạo(2014), *Quy định đánh giá học sinh tiểu học*, thông tư số 30/2014/ TT – BGDDT, ban hành ngày 28 tháng 08 năm 2014 .
5. *Luật Cán bộ, Công chức - Luật Viên chức* (2011), NXB Lao Động, Hà Nội.
6. *Luật Giáo dục* (2009), NXB Chính trị quốc gia.
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam(2016), *Luật trẻ em*, Luật số 102/2016/QH13, ban hành ngày 05 tháng 04 năm 2016.

### 6.2. Tài liệu khác

8. Bộ giáo dục và Đào tạo(2007), *Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học*, Quyết định số 14/2007/ QĐ – BGDDT, ban hành ngày 04 tháng 05 năm 2007 .





**HỌC PHẦN  
ĐẠI CƯƠNG VĂN HỌC VIỆT NAM****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: ĐÀI CƯƠNG VĂN HỌC VIỆT NAM
- Mã học phần: 815059
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30 (30, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Văn-Tiếng Việt và PP dạy học Văn-Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung: khái quát văn học dân gian Việt Nam; giới thiệu các thể loại của văn học dân gian; các đặc điểm cơ bản, quá trình phát triển và thành tựu của văn học viết Việt Nam từ thế kỉ X đến sau 1975.

Vị trí học phần: thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản toàn diện, có tính hệ thống về văn học Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học viết.

**4.2. Về kỹ năng**

Kỹ năng phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

**4.3. Về thái độ**

- Yêu mến, trân trọng giá trị của văn học dân tộc.
- Có ý thức truyền đạt cho học sinh kiến thức và kỹ năng đọc, hiểu, cảm thụ tác phẩm văn học khi dạy học các phân môn Tiếng Việt ở tiểu học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Văn học dân gian Việt Nam</b>	<b>18</b>	
<b><i>1.1. Khái quát về Văn học dân gian Việt Nam</i></b>		
1.1.1. Khái niệm		- Hình thức tổ chức dạy học: Lớp, nhóm, cá nhân - Hình thức chủ yếu: nhóm + Giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học, giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên. + Sinh viên nghiên cứu tài liệu ở nhà; thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình, thuyết trình, tương tác với cả lớp + Giáo viên giải đáp thắc mắc, chốt lại nội dung học tập...
1.1.2. Đặc trưng		
1.1.3. Hệ thống thể loại		
1.1.4. Tiến trình phát triển		
<b><i>1.2. Các thể loại văn xuôi dân gian</i></b>		
1.2.1. Thần thoại		
1.2.2. Truyền thuyết		
1.2.3. Truyện cổ tích		
1.2.4. Truyện ngụ ngôn		
1.2.5. Truyện cười		
<b><i>1.3. Các thể loại văn vần dân gian</i></b>		
1.3.1. Tục ngữ		
1.3.2. Câu đố		
1.3.3. Ca dao		
1.3.4. Đồng dao		
1.3.5. Vè		
Kiểm tra giữa kì	<b>1</b>	Kiểm tra tại lớp
<b>Chương 2. Văn học viết Việt Nam</b>	<b>10</b>	
<b><i>2.1. Các thời kỳ phát triển - Đặc điểm và thành tựu</i></b>		
2.1.1. Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX		
2.1.2. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945		
2.1.3. Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975		
<b><i>2.2. Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong chương trình tiểu học</i></b>		
2.2.1. Nguyễn Trọng Tạo và Dòng sông mặc áo		
2.2.2. Hoàng Trung Thông và Những cánh bướm		
2.2.3. Đỗ Trung Quân và Quê hương		

2.2.4. Nguyễn Đình Thi và <i>Đất nước</i>		
2.2.5. Tạ Duy Anh và <i>Cánh diều tuổi thơ</i>		
Ôn tập	<b>1</b>	

## **6. Tài liệu học tập**

### **6.1. Tài liệu chính**

1. Cao Đức Tiến-Dương Thu Hương (2007), *Văn học*, NXB Đại học sư phạm.
2. Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn (2000), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục.
3. Nhiều tác giả (1988), *Lịch sử văn học Việt Nam, tập 1-5*, NXB Giáo dục.

### **6.2. Tài liệu khác**

1. Đỗ Bình Trị (1995), *Phân tích tác phẩm Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục.
2. Lê Trí Viễn (1984), *Đặc điểm có tính qui luật của lịch sử Văn học Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
3. Hoàng Tiến Tựu (2007), *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy - nghiên cứu Văn học dân gian*, NXB Giáo dục.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH                      TRƯỞNG BỘ MÔN                      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Ngô Thị Ngọc Diệp

**HỌC PHẦN**  
**LÝ LUẬN VĂN HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: LÝ LUẬN VĂN HỌC
- Mã học phần: 815058
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30 (30, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Văn-Tiếng Việt và PP dạy học Văn-Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung: những vấn đề chung về thi pháp học, thi pháp văn học, đặc biệt là thi pháp của các thể loại văn học được giảng dạy trong chương trình Tiểu học.

Vị trí học phần: thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về thi pháp và thi pháp học. Hiểu rõ đặc điểm và nội dung thi pháp của các thể loại văn học dân gian và văn học thiếu nhi trong chương trình Tiểu học.

4.2. Về kỹ năng

Kỹ năng vận dụng lý thuyết thi pháp văn học để tiếp nhận, phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

4.3. Về thái độ

Yêu thích phân tích, cảm thụ văn học dưới góc độ thi pháp học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về Lí luận văn học</b>	<b>10</b>	- Hình thức tổ chức dạy học: Lớp, nhóm, cá nhân - Hình thức chủ yếu: nhóm + Giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học, giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên. + Sinh viên nghiên cứu tài liệu ở nhà; thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình, thuyết trình, tương tác với cả lớp + Giáo viên giải đáp thắc mắc, chốt lại nội dung học tập...
<b>1.1. Văn học và đời sống xã hội</b>		
1.1.1. Nguồn gốc, đối tượng và nội dung của văn học		
1.1.2. Bản chất xã hội của văn học		
1.1.3. Tính hiện thực trong văn học		
<b>1.2. Văn học và văn hóa</b>		
1.2.1. Mối quan hệ giữa Văn học và Văn hóa		
1.2.2. Quan hệ giữa văn học với những bộ phận hợp thành văn hóa		
<b>1.3. Văn học và đời sống thẩm mỹ</b>		
1.3.1. Đặc trưng về phản ánh thẩm mỹ của văn học		
1.3.2. Ý thức thẩm mỹ trong văn học		
1.3.3. Văn học và sự khám phá thẩm mỹ		
1.3.4. Quan hệ giữa văn học và các loại hình nghệ thuật		
<b>1.4. Chức năng của văn học</b>		
1.4.1. Chức năng nhận thức và dự báo		
1.4.2. Chức năng giáo dục		
1.4.3. Chức năng thẩm mỹ		
1.4.4. Chức năng giao tiếp và giải trí		
<b>1.5. Sáng tác và tiếp nhận văn học</b>		
1.5.1. Sáng tác văn học		
1.5.2. Tiếp nhận văn học		
Kiểm tra giữa kì	<b>1</b>	
<b>Chương 2. Tác phẩm văn học</b>	<b>18</b>	
<b>2.1. Khái quát về tác phẩm văn học</b>		
2.1.1. Khái niệm tác phẩm văn học		
2.1.2. Tính chỉnh thể của tác phẩm văn học.		
2.1.3. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học		
<b>2.2. Đề tài, chủ đề, tư tưởng của tác phẩm văn học</b>		
2.2.1. Đề tài		
2.2.2. Chủ đề		

2.2.3. Tư tưởng		
2.2.4. Mối quan hệ giữa đề tài, chủ đề, tư tưởng .		
<b>2.3. Nhân vật trong tác phẩm văn học</b>		
2.3.1. Khái niệm		
2.3.2. Đặc điểm của nhân vật		
2.3.3. Các kiểu loại nhân vật		
2.3.4. Các biện pháp xây dựng nhân vật		
<b>2.4. Cốt truyện và kết cấu của tác phẩm văn học</b>		
2.4.1. Cốt truyện		
2.4.2. Kết cấu		
<b>2.5. Ngôn ngữ trong tác phẩm văn học</b>		
2.5.1. Khái niệm ngôn từ nghệ thuật		
2.5.2. Đặc trưng của ngôn từ nghệ thuật		
2.5.3. Các phương tiện và phương thức tổ chức ngôn từ nghệ thuật		
2.5.4. Ngôn từ văn học trong các thể loại văn học		
<b>2.6. Thể loại văn học</b>		
2.6.1. Khái niệm		
2.6.2. Đặc điểm của thể loại văn học		
2.6.3. Đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của các thể loại thơ, truyện, kí, kịch.		
Ôn tập	<b>1</b>	

## **6. Tài liệu học tập**

### **6.1. Tài liệu chính**

1. Phương Lựu (chủ biên) (2010), *Lí luận văn học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Trần Đình Sử (chủ biên) (2010), *Lí luận văn học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Huỳnh Như Phương (2010), *Lí luận văn học (Nhập môn)*, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

### **6.2. Tài liệu khác**

1. Lê Lưu Oanh - Phạm Đăng Dư (2008), *Giáo trình lí luận văn học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Hà Minh Đức (chủ biên) (1997), *Lí luận Văn học*, NXB Giáo dục.

3. Nguyễn Văn Hạnh - Huỳnh Như Phương (1999), *Lí luận Văn học, vấn đề và suy nghĩ*, NXB Giáo dục.

4. Nhiều tác giả (1996), *Cơ sở Lí luận văn học, tập 1, 2*, NXB Giáo dục.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2016*

**DUYỆT                      TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Ngô Thị Ngọc Diệp

**HỌC PHẦN**  
**ỨNG DỤNG XÁC SUẤT THỐNG KÊ Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: ỨNG DỤNG XÁC SUẤT THỐNG KÊ Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC
- Mã học phần: 815103
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

Sau khi học xong môn này, sinh viên cần đạt được:

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về xác suất, thống kê toán và những yếu tố thống kê ở tiểu học.
- Biết vận dụng những kiến thức xác suất thống kê vào công tác nghiên cứu và quản lí giáo dục.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán.
- Hiểu rõ cơ sở khoa học khi vận dụng những kiến thức về thống kê toán vào thực tiễn đời sống và nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Hiểu rõ cơ sở toán học của nội dung những yếu tố thống kê ở tiểu học, từ đó dạy tốt các nội dung này.

**4.2. Về kĩ năng**

- Giải được các bài toán về xác suất, về thống kê và các vấn đề liên quan.
- Vận dụng những kiến thức về thống kê toán để giải quyết các bài toán liên quan ở tiểu học và các bài toán từ thực tiễn cuộc sống và trong nghiên cứu khoa học đặt ra.



## 4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong học tập.
- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất</b>	<b>12</b>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi đến lớp: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập</li> <li>- Trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần làm sáng tỏ</li> <li>+ Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Kiểm tra, đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tinh thần, thái độ, sự đóng góp khi thảo luận, trao đổi bài học và giải quyết các thắc mắc, các câu hỏi: <b>0.1</b></li> <li>- Sửa chữa những bài tập đã cho: <b>0.1</b></li> <li>- Kiểm tra viết: <b>0.1</b></li> </ul>
<b>1.1. Khái niệm cơ bản về xác suất</b>	3	
1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của xác suất		
1.1.2. Phép thử và biến cố ngẫu nhiên		
1.1.3. Quan hệ giữa các biến cố		
1.1.4. Các phép toán trên các biến cố	4	
<b>1.2. Các định nghĩa về xác suất</b>		
1.2.1. Định nghĩa xác suất cổ điển		
1.2.2. Định nghĩa xác suất theo tần suất		
1.2.3. Định nghĩa xác suất theo hình học	3	
<b>1.3. Các công thức tính xác suất</b>		
1.3.1. Biến cố ngẫu nhiên độc lập		
1.3.2. Xác suất điều kiện		
1.3.3. Một số công thức tính xác suất	2	
<b>1.4. Công thức Bernoulli</b>		
1.4.1. Dãy phép thử Bernoulli	4	
1.4.2. Công thức Bernoulli		
<b>Chương 2: Biến ngẫu nhiên và các đặc trưng của nó</b>	1	
<b>2.1. Biến ngẫu nhiên và hàm phân phối</b>		
2.1.1. Biến ngẫu nhiên	3	
2.1.2. Hàm phân phối		
<b>2.2. Các số đặc trưng</b>		
2.2.1. Kỳ vọng toán học		
2.2.2. Phương sai	11	
2.2.3. Một số phân vị		
2.2.4. Hệ số tương quan		
<b>Chương 3: Đại cương về thống kê toán</b>		
<b>3.1. Mẫu ngẫu nhiên</b>	1	
3.1.1. Mẫu ngẫu nhiên		
3.1.2. Sắp xếp các số liệu “quan sát”		
3.1.3. Mô tả số liệu mẫu	2	
<b>3.2. Các đặc trưng mẫu</b>		
3.2.1. Kỳ vọng (Trung bình) mẫu		
3.2.2. Phương sai mẫu		
3.2.3. Tỷ lệ mẫu		

3.2.4. Hệ số tương quan mẫu		
<b>3.3. Lý thuyết ước lượng</b>		
3.3.1. Ước lượng điểm	2	
3.3.2. Ước lượng khoảng		
<b>3.4. Kiểm định giả thiết thống kê</b>		
3.4.1. Khái niệm về kiểm định	3	
3.4.2. Các bài toán về kiểm định giả thiết thống kê		
<b>3.5. Dạy các yếu tố thống kê ở tiểu học</b>	3	
<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Phạm Văn Kiều, Trần Diên Hiền (2001)*Xác suất thống kê* (Giáo trình đào tạo giáo viên THSP và CĐSP tiểu học), NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đâu Thế Cấp (2008),*Xác suất thống kê Lí thuyết và các bài tập*, NXB Giáo dục.
2. Lê Sỹ Đồng (2009),*Xác suất thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục.
3. Đinh Văn Gắng (2005),*Lí thuyết xác suất và thống kê*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .... tháng .... năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kinh Đức    ThS. Trần Thế Hiền  
ThS. Trần Hòa Hiệp

**HỌC PHẦN  
GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG
- Mã học phần: 815021
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên- Xã hội và PPDH**3. Mô tả học phần:**

- Kiến thức cơ bản về Khoa học Môi trường: Giới thiệu về khoa học Môi trường, giáo dục môi trường trong trường tiểu học (TH), thực hiện giáo dục môi trường(GDMT) ở trường TH.
- Vận dụng những kiến thức trên vào GDMT ở trường TH: tổ chức hoạt động cần thiết cho GDMT ở trường TH, xử lý tình huống sự phạm liên quan đến GDMT cho học sinh TH, sử dụng công cụ đánh giá trong GDMT cho học sinh TH.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản về: khoa học Môi trường, sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên; khái quát về GDMT và GDMT ở trường TH.

**4.2. Về kĩ năng:**

- Trải nghiệm những hoạt động bảo vệ môi trường trong trường học (tuyên truyền, vẽ tranh cổ động, làm sản phẩm tái chế) và xử lý tình huống sự phạm liên quan GDMT cho học sinh TH.
- Sử dụng công cụ đánh giá trong GDMT cho học sinh TH.

4.3. Về thái độ: Bồi dưỡng tình cảm yêu thiên nhiên và môi trường; có tinh thần tự giác tự học, cập nhật thông tin thực tế về môi trường; có trách nhiệm trong công tác GDMT cho học sinh TH;

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Giới thiệu về khoa học Môi trường</b>	<b>10</b>	Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, dạy học dự án
<b>1.1. Khoa học Môi trường, sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường</b>		
1.1.1. Khái niệm khoa học môi trường, tính liên ngành, đa ngành của khoa học môi trường		
1.1.1. Phát triển bền vững		
1.1.2. Bảo vệ môi trường và nguyên lý của việc bảo vệ môi trường		
<b>1.2. Hệ sinh thái</b>		
1.2.1. Sự sống và sự tiến hoá của sinh vật		
1.2.2. Cấu trúc của hệ sinh thái		
1.2.3. Tài nguyên thiên nhiên và liên hệ với tài nguyên Việt Nam		
<b>Chương 2. Giáo dục Môi trường ở trường tiểu học</b>	<b>10</b>	Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm
<b>2.1. Khái quát về Giáo dục Môi trường</b>		
2.1.1. Những vấn đề cơ bản về GDMT: lịch sử xuất hiện, khái niệm GDMT		
2.1.2. Vai trò của giáo dục trong việc giải quyết vấn đề môi trường: bản chất của vấn đề môi trường, vai trò của giáo dục trong việc giải quyết vấn đề môi trường		
2.1.3. Xu hướng phát triển của GDMT trên thế giới		
<b>2.2. Giáo dục môi trường ở trường tiểu học</b>		
2.2.1. Vị trí, vai trò của GDMT ở trường TH		
2.2.2. Nhiệm vụ, mục tiêu và cách tiếp cận GDMT ở trường TH		
2.2.3. Nội dung, phương pháp và hình thức GDMT ở trường TH		
<b>Chương 3. Thực hiện giáo dục môi trường ở trường tiểu học</b>	<b>10</b>	Làm việc nhóm, luyện tập, Giải quyết vấn đề, sắm
<b>3.1. Vận dụng giáo dục môi trường ở trường tiểu học</b>		
3.1.1. Một số cách tổ chức cần thiết về GDMT ở trường TH		
3.1.2. Xử lý tình huống sư phạm về GDMT cho học sinh TH		
3.1.3. Xây dựng một môi trường trường học bền vững		

<b>3.2. Đánh giá trong giáo dục môi trường ở trường tiểu học</b>		vai
3.2.1. Các tiêu chí đánh giá trong GDMT		
3.2.2. Công cụ đánh giá trong GDMT		
3.2.3. Sử dụng công cụ đánh giá trong GDMT cho học sinh TH		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hữu Dực, Nguyễn Thị Vân Hương, Nguyễn Thị Thân(2006), *Giáo dục môi trường trong trường tiểu học*, NXBĐHSP.

2. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2005), *Giáo dục Môi trường*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Kim Hồng (2001), *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục.

2. Lê Văn Khoa (chủ biên), Phan Văn Kha, Phan Thị Lạc, Nguyễn Thị Minh Phương (2011), *Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam.

3. Lê Thanh Vân (2009), *Con người và Môi trường*, NXBĐHSP.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Bùi Thị Kim Trúc

**HỌC PHẦN**  
**TÍCH HỢP GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN TỰ**  
**NHIÊN-XÃ HỘI**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: TÍCH HỢP GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI

- Mã học phần: 815301

- Số tín chỉ: 2

- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0)

- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên- Xã hội và PPDH

**3. Mô tả học phần:**

- Kiến thức cơ bản: dạy học tích hợp, giáo dục môi trường (GDMT), các môn Tự nhiên – Xã hội (TNXH) ở trường tiểu học (TH), tích hợp GDMT trong các môn TNXH.

- Vận dụng những kiến thức trên vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học tích hợp GDMT trong các môn TNXH ở trường TH.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản về dạy học tích hợp, GDMT, các môn TNXH ở trường TH (nội dung, mục tiêu), sự cần thiết, nguyên tắc, phương pháp tích hợp GDMT trong các môn TNXH.

4.2. Về kỹ năng: Vận dụng lý thuyết đã học xây dựng kế hoạch dạy học và tổ chức dạy học tích hợp GDMT trong các môn TNXH ở trường TH

4.3. Về thái độ: Bồi dưỡng tình cảm yêu thiên nhiên và môi trường; yêu nghề và có trách nhiệm trong công tác GDMT cho học sinh TH.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong các môn Tự nhiên-Xã hội</b>	6	Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm
<b>1.1. Dạy học tích hợp</b>		
1.1.1. Khái niệm và đặc trưng của dạy học tích hợp		
1.1.2. Các hình thức dạy học tích hợp		
<b>1.2. Giáo dục Môi trường</b>		
1.2.1. Khái niệm về khoa học môi trường, GDMT		
1.2.2. Các cách tiếp cận GDMT		
<b>1.3. Các môn Tự nhiên – Xã hội ở trường tiểu học</b>		
1.3.1. Nội dung chương trình các môn TNXH ở trường TH		
1.3.2. Mục tiêu các môn TNXH ở trường TH		
<b>Chương 2. Tích hợp giáo dục môi trường trong các môn Tự nhiên – Xã hội</b>	9	Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm
<b>2.1. Giáo dục môi trường trong các môn Tự nhiên- Xã hội</b>		
2.1.1. Mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung GDMT ở trường TH		
2.1.2. Vai trò của các môn TNXH trong GDMT cho học sinh TH		
<b>2.2. Tích hợp giáo dục môi trường trong các môn Tự nhiên – Xã hội</b>		
2.2.1. Sự cần thiết và nguyên tắc dạy học tích hợp GDMT trong các môn TNXH		
2.2.2. Xác định nội dung GDMT có thể tích hợp vào các môn TNXH (Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý)		
<b>2.3. Phương pháp dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong các môn Tự nhiên –Xã hội</b>		
2.3.1. Phương pháp dạy học các dạng bài có tích hợp nội dung GDMT trong môn TNXH.		
2.3.2. Phương pháp dạy học các dạng bài có tích hợp nội dung GDMT trong môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí.		
<b>Chương 3. Vận dụng dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong các môn Tự nhiên - Xã hội</b>	15	Làm việc nhóm, luyện tập,
<b>3.1. Xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục môi trường</b>		

<b>trong các môn Tự nhiên - Xã hội</b>		Giải quyết vấn đề, sắm vai
3.1.1. Xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp GDMT trong các môn TNXH		
3.1.2. Giới thiệu một số giáo án minh họa		
<b>3.2. Dạy học tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn Tự nhiên –Xã hội</b>		
3.2.1. Dạy học tích hợp GDMT trong môn TNXH		
3.2.2. Dạy học tích hợp GDMT trong môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Tài liệu tập huấn: Dạy học tích hợp ở tiểu học*, NXB ĐHSP.
2. Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Thị Vân Hương, Nguyễn Thị Thân(2006), *Giáo dục môi trường trong trường tiểu học*, NXBĐHSP.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Tài liệu tập huấn, hội thảo về giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường (các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ)*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Thiết kế mẫu một số mô đun giáo dục môi trường ở trường phổ thông*.
3. Nguyễn Kim Hồng (2001), *Giáo dục môi trường*, NXBGiáo dục.
4. Lê Văn Khoa (chủ biên), Phan Văn Kha, Phan Thị Lạc, Nguyễn Thị Minh Phương (2011), *Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Lê Thanh Vân (2009), *Con người và Môi trường*, NXBĐHSP.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.



7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Bùi Thị Kim Trúc

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

**HỌC PHẦN**  
**GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
- Mã học phần: 815302
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên- Xã hội và PPDH

**3. Mô tả học phần:** Những vấn đề cơ bản: kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Vận dụng những kiến thức trên vào giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: nắm vững những vấn đề cơ bản: kỹ năng sống (khái niệm, phân loại), giáo dục kỹ năng sống (sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của giáo dục kỹ năng sống, khái niệm), mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và các bước thực hiện một bài giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

4.2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện để có những kỹ năng sống cần thiết của học sinh tiểu học
- Xử lý tình huống sư phạm liên quan đến giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học
- Vận dụng đánh giá trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

4.3. Về thái độ: ý thức được trách nhiệm của một giáo viên trong công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học; có ý thức tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo trong tổ chức lớp học để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Kỹ năng sống và Giáo dục kỹ năng sống</b>	<b>5</b>	Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập
<b>1.1. Kỹ năng sống</b>		
1.1.3. Khái niệm		
1.1.4. Phân loại kỹ năng sống		
<b>1.2. Giáo dục kỹ năng sống</b>		
1.2.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của giáo dục kỹ năng sống		
1.2.2. Khái niệm giáo dục kỹ năng sống		
<b>Chương 2. Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>	<b>10</b>	Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm
<b>2.1. Định hướng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
2.1.1. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
2.1.2. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
<b>2.2. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
<b>2.3. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống và quy trình thực hiện một bài giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
2.3.1. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
2.3.2. Các bước thực hiện một bài giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
<b>Chương 3. Rèn luyện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>	<b>15</b>	Trò chơi học tập, Thực hành, luyện tập
<b>3.1. Vận dụng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
3.1.1. Rèn luyện để có những kỹ năng sống cần thiết của học sinh tiểu học		
3.1.2. Xử lý tình huống sự phạm liên quan đến giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
<b>3.2. Đánh giá trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
3.2.1. Mục đích, nội dung đánh giá và tiêu chí đánh giá		
3.2.2. Vận dụng đánh giá trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thanh Bình (2010), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*, NXB ĐHSP.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Lục Thị Nga (2009), *Tích hợp dạy kỹ năng sống cho học sinh tiểu học qua môn khoa học và hoạt động ngoài giờ lên lớp*, NXB Giáo dục.

2. Bộ giáo dục và đào tạo (2011), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học (Tài liệu dành cho giáo viên) lớp 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.

3. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn kỹ năng sống*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Bùi Thị Kim Trúc

**HỌC PHẦN**  
**DAY HỌC TÍCH HỢP KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: DAY HỌC TÍCH HỢP KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC
- Mã học phần: 815303
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên- Xã hội và PPDH

**3. Mô tả học phần:**

Những vấn đề về cơ bản:khái niệm dạy học tích hợp, kỹ năng sống, dạy học kỹ năng sống cho học sinh tiểu học và dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Vận dụng những kiến thức cơ bản trên vào việc dạy tích hợp kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học: xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Nắm vững những vấn đề cơ bản làm nền tảng: dạy học tích hợp (khái niệm, đặc trưng, các hình thức dạy học tích hợp), kỹ năng sống (khái niệm, phân loại và một số kỹ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học); dạy học kỹ năng sống cho học sinh tiểu học (ý nghĩa, mục tiêu và nguyên tắc, các cách tiếp cận), khả năng tích hợp kỹ năng sống trong các môn học; mục tiêu dạy học tích hợp kỹ năng sống được cụ thể hoá qua các môn học ở tiểu học, phương pháp và thiết kế dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

4.2. Về kỹ năng: Vận dụng lý thuyết đã học xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

4.3. Về thái độ: có ý thức trong việc rèn luyện các kỹ năng sống để thành công trong cuộc sống và giáo dục học sinh tiểu học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Một số vấn đề chung về dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>	<b>5</b>	Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, trò chơi học tập
<b>1.1. Dạy học tích hợp</b>		
1.1.1. Khái niệm và đặc trưng của dạy học tích hợp		
1.1.2. Các hình thức dạy học tích hợp		
<b>1.2. Kỹ năng sống</b>		
1.2.1. Khái niệm và phân loại		
1.2.2. Một số kỹ năng sống cần thiết cho học sinh tiểu học		
<b>Chương 2. Dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>	<b>10</b>	Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm
<b>2.1. Dạy học kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
2.2.1. Mục tiêu và các nguyên tắc dạy học kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
2.2.2. Ý nghĩa của dạy học kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
2.2.3. Các cách tiếp cận dạy học kỹ năng sống		
<b>2.2. Dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
2.2.1. Khả năng dạy học tích hợp kỹ năng sống qua các môn học ở tiểu học		
2.2.2. Mục tiêu dạy học tích hợp kỹ năng sống qua các môn học ở tiểu học		
2.2.3. Phương pháp dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học		
<b>Chương 3. Vận dụng dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
<b>3.1. Xây dựng kế hoạch bài dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học</b>		
3.1.1. Xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học 3.1.2. Giới thiệu một số giáo án minh họa		
<b>3.2. Vận dụng dạy học tích hợp kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua các môn học.</b> 3.2.1. Dạy học tích hợp kỹ năng sống trong môn Tiếng Việt 3.2.2. Dạy học tích hợp kỹ năng sống trong môn Đạo đức 3.2.3. Dạy học tích hợp kỹ năng sống trong các môn Tự nhiên và Xã hội.		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Tài liệu tập huấn: Dạy học tích hợp ở trường tiểu học*, NXB ĐHSP.
2. Nguyễn Thanh Bình (2010), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*, NXB ĐHSP

### 6.2. Tài liệu khác

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2011), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học (Tài liệu dành cho giáo viên) lớp 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
2. Trương Thị Xuân Huệ (2014), *Lí luận dạy học hiện đại: Dạy học tích hợp trong trường phổ thông và trường mầm non*, NXB Lao động.
3. Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống*, NXB ĐHSP.
4. Lục Thị Nga (2009), *Tích hợp dạy kỹ năng sống cho học sinh tiểu học qua môn khoa học và hoạt động ngoài giờ lên lớp*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Bùi Thị Kim Trúc

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

**HỌC PHẦN**  
**GIỚI THIỆU DANH NHÂN VĂN HÓA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần:

GIỚI THIỆU DANH NHÂN VĂN HÓA CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

- Mã học phần: 815102

- Số tín chỉ: 30

- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;  
0)

- Trình độ đào tạo: đại học

- Điều kiện để học học phần: Không

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tự nhiên xã hội và PPDH Tự nhiên xã hội

**3. Mô tả học phần**

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm nổi tiếng của một số danh nhân văn hóa Việt Nam và thế giới. Vận dụng những kiến thức đã học vào dạy học và giáo dục học sinh bậc tiểu học.

Sinh viên kể được các câu chuyện về cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm nổi tiếng của một số danh nhân văn hóa Việt Nam và thế giới.

Bồi dưỡng lòng kính yêu và khâm phục đối với các Danh nhân văn hóa, đồng thời biết trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần và vật chất mà các Danh nhân để lại cho nhân loại. Yêu thích và hứng thú khi tổ chức các hoạt động ngoại khóa về tìm hiểu các danh nhân văn hóa trong nước và thế giới.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Giúp sinh viên nắm được mục tiêu giáo dục của nội dung giới thiệu danh nhân văn hóa cho học sinh tiểu học

Giúp sinh viên nắm được khái niệm về Danh nhân văn hóa, danh ngôn.



Sinh viên nắm được các nội dung về cuộc đời, sự nghiệp và những tác phẩm tiêu biểu của các danh nhân văn hóa người Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử của đất nước .

– Sinh viên nắm được các nội dung về cuộc đời, sự nghiệp và những tác phẩm tiêu biểu của các danh nhân văn hóa thế giới qua các giai đoạn lịch sử của nhân loại.

– Sinh viên giải thích cho học sinh tiểu học các câu Danh ngôn nổi tiếng của các danh nhân văn hóa

#### 4.2. Về kĩ năng

Sinh viên biết kể chuyện, thiết kế, tổ chức các hoạt động để giới thiệu cho học sinh tiểu học biết về cuộc đời và sự nghiệp của các danh nhân văn hóa Việt Nam và Thế giới.

#### 4.3. Về thái độ

Bồi dưỡng lòng kính yêu và khâm phục đối với các Danh nhân văn hóa, đồng thời biết trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần và vật chất mà các Danh nhân để lại cho nhân loại. Yêu thích và hứng thú khi tổ chức các hoạt động ngoại khóa về tìm hiểu các danh nhân văn hóa trong nước và thế giới.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm của một số Danh nhân văn hóa Việt Nam tiêu biểu</b>	<b>10</b>	<b>Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá</b>
1.1. Các khái niệm		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>- Sinh viên thuyết trình</li> <li>- Tương tác nhóm lớp</li> <li>- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.</li> </ul>
1.1.1. Khái niệm Danh nhân, danh nhân văn hóa		
1.1.2. Khái niệm danh nhân văn hóa Việt Nam, thế giới		
1.1.3. Các tiêu chí xác nhận Danh nhân văn hóa		
1.1.4. Các phương diện tiếp cận Danh nhân văn hóa		
<b>1.2. Tìm hiểu danh nhân văn hóa Việt Nam thời Bắc thuộc</b>		
1.2.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Hai Bà Trưng		
1.2.2. Ngô Quyền[898 – 944]		
<b>1.3. Danh nhân văn hóa Việt Nam thời phong kiến</b>		
1.3.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Lý Thường Kiệt [1019-1105], Nguyễn Trãi [1380-1442]		
1.3.2. Tìm hiểu về cuộc đời của Nguyễn Du [1766 – 1820]		
<b>1.4. Danh nhân văn hóa Việt Nam thời cận đại và hiện đại</b>		
1.4.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Phan Đình Phùng		

[1847 – 1895]		
1.4.2. Tìm hiểu về cuộc đời của Phan Bội Châu [1867 – 1940]		
1.4.3. Tìm hiểu về cuộc đời Hồ Chí Minh [19. 05. 1890 – 02.09.1969]		
<b>Chương 2. Cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm của một số Danh nhân văn hóa Thế giới tiêu biểu</b>	<b>8</b>	
<b>2.1. Danh nhân văn hóa thế giới cổ đại và trung đại phương Đông</b>		
2.1.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Khổng Tử [551 TCN – 479 TCN]		
2.1.2. Tìm hiểu về cuộc đời của Thi Nai Am [Kh. 1296 – Kh. 1370], La Quán Trung [Kh. 1328 – 1398]		
<b>2.2. Danh nhân văn hóa thế giới cổ đại và trung đại phương Tây. Hi Lạp – La Mã cổ Đại</b>		
2.2.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Acsimet [287-212 TCN]		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>- Sinh viên thuyết trình</li> <li>- Tương tác nhóm lớp</li> <li>- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.</li> </ul>
2.2.2. Pythagoras (pi-ta-go) [Kh. 582 TCN – 507 TCN]		
<b>2.3. Danh nhân văn hóa thế giới trung đại</b>		
2.3.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Leonardo da Vinci [1452 – 1519]		
2.3.2. Copernicus [1473 – 1543], Ngô Thừa Ân [1500 – 1583]		
<b>2.4. Danh nhân văn hóa thế kỷ XVII - XVIII</b>		
2.4.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Galilei [1564 – 1642]		
2.4.2. Tìm hiểu về cuộc đời của Newton [1643 – 1727]		
<b>2.5. Danh nhân văn hóa thế kỷ XIX - XX</b>		
2.5.1. Tìm hiểu về cuộc đời của Beethoven [1770 – 1827]		
2.5.2. Tìm hiểu về cuộc đời của Louis Pasteur [22-1895]		
<b>Chương 3: Thực hành kể chuyện danh nhân</b>	<b>6</b>	
<b>Chương 4: Tìm hiểu danh ngôn</b>	<b>6</b>	
<b>4.1. Khái niệm và cấu tạo của danh ngôn</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>- Sinh viên thuyết trình</li> <li>- Tương tác nhóm lớp</li> <li>- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.</li> </ul>
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Cấu tạo		
<b>4.2. Tìm hiểu danh ngôn qua các chủ đề trong cuộc sống</b>		
4.2.1. Danh ngôn về học tập và giáo dục		
4.2.2. Danh ngôn Tình yêu – Gia đình		
4.2.3. Danh ngôn Văn hóa nghệ thuật		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Đặng Đức An(2008), *Tìm hiểu nhân vật lịch sử và danh nhân văn hóa thế giới*, Nxb Hà Nội.
2. Trần Mạnh Thường (2012), *Danh nhân thế giới*, NXB Văn hóa thông tin.
3. Hồ Lan Phương, Lê Ngọc Tú (2014), *Hiền tài Đất Việt*, NXB Lao động.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Phương Bảo An (2011), *Kể chuyện danh nhân Việt Nam*, Nxb Văn học.
2. Tạ Ngọc Liên (2008), *Danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Thanh Niên.
3. Lê Minh Quốc (2009), *Kể chuyện danh nhân Việt Nam – Danh nhân văn hóa Việt Nam*, Tập 1, 2, 3, 4, Nxb Trẻ.
4. Nguyễn Trang Hương (2010), *Kể chuyện danh nhân thế giới*, Nxb Văn học.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (một lần kiểm tra giữa kì): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Kiên Quyết

**HỌC PHẦN**  
**GIỚI THIỆU DANH NHÂN VĂN HÓA NAM BỘ****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: GIỚI THIỆU DANH NHÂN VĂN HÓA NAM BỘ
- Mã học phần: 815304
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên xã hội và PPDH Tự nhiên xã hội**3. Mô tả học phần:**

- Tìm hiểu một số khái niệm: Danh nhân, danh nhân văn hóa, danh nhân văn hóa Nam Bộ
- Tìm hiểu những nét đặc trưng vùng đất và con người Nam Bộ (thổ nhưỡng, văn hóa đời sống)
- Tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp của một số danh nhân nổi tiếng ở Nam Bộ

**4. Mục tiêu học phần**

## 4.1. Về kiến thức

- Nắm được các khái niệm Danh nhân, danh nhân văn hóa, danh nhân văn hóa Nam Bộ.
- Nắm những nét đặc trưng vùng đất và con người Nam Bộ (thổ nhưỡng, văn hóa đời sống)
- Biết về thân thế, sự nghiệp và những đóng góp của một số danh nhân nổi tiếng ở Nam Bộ
- Dựa vào kiến thức đã học, biết hướng dẫn và tổ chức các hình thức giới thiệu về danh nhân văn hóa Nam Bộ.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, kỹ năng đánh giá, kỹ năng so sánh qua tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp và những đóng góp của các danh nhân văn hóa.
- Kỹ năng tổ chức trò chơi, kỹ năng tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa ở trường tiểu học thông qua các hình thức giới thiệu danh nhân văn hóa Nam Bộ.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên phải có ý thức đọc tài liệu, chuẩn bị bài theo tinh thần học tập của hệ tín chỉ để tương tác tốt trong giờ học trên lớp.
- Bồi dưỡng lòng kính yêu và khâm phục đối với các Danh nhân văn hóa, đồng thời biết trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần và vật chất mà các Danh nhân để lại cho các thế hệ sau. Yêu thích và hứng thú khi tổ chức các hoạt động ngoại khóa về tìm hiểu các danh nhân văn hóa Nam Bộ.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Tìm hiểu về vùng đất và con người Nam Bộ</b>	<b>15</b>	
<b>1.1. Các khái niệm</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>- Sinh viên thuyết trình</li> <li>- Tương tác nhóm lớp</li> <li>- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.</li> </ul>
1.1.1. Khái niệm Danh nhân, khái niệm văn hóa		
1.1.2. Khái niệm Danh nhân văn hóa, Danh nhân văn hóa Nam Bộ		
1.1.3. Các tiêu chí xác nhận danh nhân văn hóa		
1.1.4. Các phương diện tiếp cận danh nhân văn hóa		
<b>1.2. Lịch sử, con người và văn hóa vùng Nam Bộ</b>		
1.2.1. Lịch sử vùng đất Nam Bộ		
1.2.2. Đặc trưng con người Nam Bộ		
1.2.3. Đặc trưng văn hóa Nam Bộ		
<b>Chương 2: Giới thiệu danh nhân văn hóa Nam Bộ</b>	<b>15</b>	
<b>2.1. Tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp và những cống hiến của Danh nhân văn hóa Nam Bộ</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>- SV thuyết trình</li> <li>- Tương tác nhóm lớp</li> <li>- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.</li> </ul>
2.1.1. Tìm hiểu Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu		
2.1.2. Tìm hiểu Danh nhân văn hóa Nguyễn Trung Trực		
2.1.3. Tìm hiểu Danh nhân văn hóa Nguyễn Hữu Cảnh		
2.1.4. Tìm hiểu Danh nhân văn hóa Nguyễn An Ninh		
2.1.5. Tìm hiểu Danh nhân văn hóa Ung Văn Khiêm		
2.1.6. Tìm hiểu Danh nhân văn hóa Nguyễn Thị Định		
...		
<b>2.2. Thực hành kể chuyện Danh nhân Nam Bộ</b>		
2.2.1. Thực hành kể chuyện danh nhân		
2.2.2. Tìm hiểu những câu nói nổi tiếng của Danh nhân văn hóa Nam Bộ		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Hội khoa học lịch sử Việt Nam (2014), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2014), *Văn hóa người Việt vùng tây Nam bộ*, NXB Văn hóa nghệ thuật.

### 6.2. Tài liệu khác

5. Nguyễn Phương Bảo An (2011), *Kể chuyện danh nhân Việt Nam*, Nxb Văn học.
6. Tạ Ngọc Liễn (2008), *Danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Thanh Niên.
7. Lê Minh Quốc (2009), *Kể chuyện danh nhân Việt Nam – Danh nhân văn hóa Việt Nam*, Tập 1, 2, 3, 4, Nxb Trẻ.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS Nguyễn Kiên Quyết

**HỌC PHẦN**  
**PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TRÊN BÌNH DIỆN**  
**TRƯỜNG TỪ VỰNG NGỮ NGHĨA**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TRÊN BÌNH DIỆN TRƯỜNG TỪ VỰNG NGỮ NGHĨA

- Mã học phần: 815107

- Số tín chỉ: 02

- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)

- Trình độ đào tạo: đại học

- Điều kiện để học học phần: không

+ Đòi hỏi học phần học trước: không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

- Trường từ vựng ngữ nghĩa

- Trường đồng nghĩa từ vựng

- Các ứng dụng của trường đồng nghĩa từ vựng vào dạy học tiếng Việt cho học sinh tiểu học

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Nắm vững và hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản về từ vựng và trường từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt.

- Sử dụng các kiến thức đã học nhằm nâng cao hiểu biết về nghĩa của từ, trường từ vựng ngữ nghĩa và những ứng dụng của nó trong tư duy ngôn ngữ và trong dạy học tiếng Việt tiểu học.

**4.2. Về kĩ năng**

- Có khả năng phân tích nghĩa của từ phù hợp với nhận thức của học sinh tiểu học

- Có khả năng vận dụng lí thuyết trường nghĩa từ vựng vào dạy học từ cho học sinh tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên phải có ý thức đọc tài liệu, chuẩn bị bài theo tinh thần học tập của hệ tín chỉ để tương tác tốt trong giờ học trên lớp.

- Nghiêm túc trong việc tiếp thu các kiến thức cơ bản và hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ liệu trong trong chương trình tiếng Việt tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Giản yếu về trường từ vựng</b>	<b>15</b>	
<b>1.1.Trường và trường từ vựng</b>		- Sơ đồ hóa kiến thức
1.1.1.“Trường” trong ngôn ngữ		- Phân nhóm làm việc
1.1.2. Trường từ vựng		- GV hướng dẫn
<b>1.2.Một số ứng dụng của trường từ vựng trong dạy học tiếng Việt tiểu học</b>		- Sinh viên thuyết trình
1.2.1. Thiết kế các loại hình bài tập về từ		- Tương tác nhóm lớp
1.2.2. Thiết kế ma trận ngữ nghĩa từ vựng trong dạy học Làm văn tiểu học		- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.
<b>Chương 2: Hiện tượng đồng nghĩa và từ đồng nghĩa trong Tiếng Việt</b>	<b>15</b>	
<b>2.1. Hiện tượng đồng nghĩa</b>		
2.1.1. Đồng nghĩa		
2.1.2. Đồng nghĩa trong ngôn ngữ		- Sơ đồ hóa kiến thức
<b>2.2. Từ đồng nghĩa</b>		- Phân nhóm làm việc
2.2.1. Khái niệm		- GV hướng dẫn
2.2.2. Các dạng đồng nghĩa từ vựng		- Sinh viên thuyết trình
2.2.3. Đồng nghĩa từ vựng tương đối		- Tương tác nhóm lớp
<b>2.3. Dạy học từ đồng nghĩa cho học sinh tiểu học</b>		- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.
2.3.1. Các phương pháp dạy học từ truyền thống		
2.3.2. Các phương pháp dạy học từ trong bối cảnh đồng nghĩa		



## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Đỗ Hữu Châu (1988), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Trương Chính (1999), *Giải thích các từ gần âm, gần nghĩa dễ lẫn*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*. NXB ĐHQG HN, Hà Nội.
4. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Tu (1982), *Các nhóm từ đồng nghĩa trong tiếng Việt*. NXB ĐH&THCN, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- SGK Tiếng Việt tiểu học
- Một số tác phẩm văn học trong và ngoài nhà trường

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: Nhiều bài kiểm tra
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Hồ Văn Hải

**HỌC PHẦN**  
**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VIẾT CÂU CHO HỌC SINH TIỂU HỌC BẰNG**  
**PHÉP CẢI BIẾN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VIẾT CÂU CHO HỌC SINH TIỂU HỌC BẰNG PHÉP CẢI BIẾN
- Mã học phần: 815305
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần: không
- + Đòi hỏi học phần học trước: không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

- Ngữ pháp tạo sinh
- Phép cải biến
- Phát triển năng lực viết câu cho học sinh

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được những kiến thức cơ bản về ngữ pháp tạo sinh và phép cải biến câu.
- Nắm được các cách thức phát triển năng lực viết câu bằng phép cải biến.

4.2. Về kỹ năng

- Có khả năng phân tích cấu trúc câu và nhận thức được vai trò, đặc điểm của từng thành phần cấu tạo trong câu.

- Có khả năng vận dụng phép cải biến để hướng dẫn học sinh viết câu.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên phải có ý thức đọc tài liệu, chuẩn bị bài theo tinh thần học tập của hệ tín chỉ để tương tác tốt trong giờ học trên lớp.

- Nghiêm túc trong việc tiếp thu các kiến thức cơ bản và hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ liệu trong chương trình tiếng Việt tiểu học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: NHỮNG CÁCH THỨC DẠY HỌC VIẾT CÂU Ở TIỂU HỌC</b>	<b>15</b>	
<b>1.1. Thực trạng năng lực viết câu của học sinh tiểu học</b>		- Sơ đồ hóa kiến thức - Phân nhóm làm việc
1.1.1. Thực trạng năng lực viết câu của học sinh tiểu học		- GV hướng dẫn - Sinh viên thuyết trình
1.1.2. Nguyên nhân và cách khắc phục		- Tương tác nhóm lớp
<b>1.2. Những cách thức dạy học viết câu cho học sinh tiểu học</b>		- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.
1.2.1. Dạy viết câu theo công thức		
1.2.2. Dạy viết câu bằng những từ cho trước		
<b>Chương 2: VẬN DỤNG PHÉP CẢI BIẾN VÀO PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VIẾT CÂU CHO HỌC SINH TIỂU HỌC</b>	<b>15</b>	
<b>2.1. Phép cải biến câu</b>		- Sơ đồ hóa kiến thức - Phân nhóm làm việc
2.1.1. Khái niệm về phép cải biến câu		- GV hướng dẫn
2.1.2. Những vận dụng của phép cải biến câu		- Sinh viên thuyết trình
<b>2.2. Sử dụng các phép cải biến vào dạy học viết câu cho học sinh tiểu học</b>		- Tương tác nhóm lớp - Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.
2.2.1. Phép <i>thêm vào</i>		
2.2.2. Phép <i>thay thế</i>		
2.2.3. Phép <i>hoán vị</i>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Ngữ pháp tiếng Việt*. Nxb KHXH, Hà Nội.
- Nguyễn Đức Dân (1984), *Ngữ pháp tạo sinh trong Ngôn ngữ học: khuynh hướng, khái niệm, lĩnh vực*, Nxb KHXH.
- Nguyễn Thiện Giáp (2012), *Ngôn ngữ học tạo sinh của N Chomsky: Đối tượng và mục đích*. T/C Ngôn ngữ, số 1.

4. Cao Xuân Hạo (1991), *Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*. Nxb KHXH. Hà Nội.

5. Đỗ Kim Hảo – Trần Huy Thông (2006), *Những bài văn tự sự và miêu tả lớp 5*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Lê Phương Nga – Nguyễn Trí (1999), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

7. Nguyễn Trí (1998), *Văn miêu tả và phương pháp dạy văn miêu tả*, Nxb Giáo dục.

### **6.2. Tài liệu khác**

- SGK Tiếng Việt tiểu học
- Một số tác phẩm văn học trong và ngoài nhà trường

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: Nhiều bài kiểm tra

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Hồ Văn Hải

**HỌC PHẦN**  
**TẬP HỢP - LÔGIC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: TẬP HỢP - LÔGIC
- Mã học phần: 815020
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

Sau khi học xong môn này, sinh viên cần đạt được:

Nắm vững những kiến thức cơ bản về tập hợp, quan hệ, ánh xạ, lôgic toán; vận dụng chúng để học tốt các phân môn toán khác trong chương trình và dạy đúng, dạy tốt môn Toán ở tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về tập hợp, quan hệ, ánh xạ và lôgic toán.
- Hiểu rõ cơ sở khoa học khi vận dụng những kiến thức về tập hợp, quan hệ, ánh xạ và lôgic toán để học các môn toán cơ bản khác, vào thực tiễn đời sống và nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Hiểu rõ cơ sở toán học của nội dung toán ở tiểu học, từ đó dạy tốt các nội dung này.

4.2. Về kĩ năng

- Giải được các bài toán về tập hợp, quan hệ, ánh xạ và lôgic toán và các vấn đề liên quan.

– Vận dụng những kiến thức về tập hợp, quan hệ, ánh xạ và logic toán để giải quyết các bài toán liên quan ở tiểu học và các bài toán từ thực tiễn cuộc sống và trong nghiên cứu khoa học đặt ra.

#### 4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong học tập.
- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Tập hợp – Quan hệ – Ánh xạ</b>	<b>16</b>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trước khi đến lớp: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập</li> <li>– Trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần làm sáng tỏ</li> <li>+ Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Kiểm tra, đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tinh thần, thái độ, sự đóng góp khi thảo luận, trao đổi bài học và giải quyết các thắc mắc, các câu hỏi: <b>0.1</b></li> <li>– Sửa chữa những bài tập đã cho: <b>0.1</b></li> <li>– Kiểm tra viết: <b>0.1</b></li> </ul>
<b>1.1. Tập hợp</b>	5	
1.1.1. Tập hợp: khái niệm, cách xác định		
1.1.2. Tập con, quan hệ bao hàm		
1.1.3. Các phép toán trên tập hợp		
1.1.4. Tích Descartes các tập hợp		
<b>1.2. Quan hệ</b>	5	
1.2.1. Quan hệ hai ngôi		
1.2.2. Quan hệ tương đương		
1.2.3. Quan hệ thứ tự		
<b>1.3. Ánh xạ</b>	6	
1.3.1. Ánh xạ: định nghĩa, ánh xạ bằng nhau		
1.3.2. Ánh và tạo ảnh		
1.3.3. Các ánh xạ đặc biệt		
1.3.4. Tích ánh xạ, ánh xạ ngược		
<b>Chương 2: Cơ sở logic toán</b>	<b>11</b>	
<b>2.1. Logic mệnh đề</b>	6	
2.1.1. Mệnh đề và các phép toán logic		
2.1.2. Công thức của logic mệnh đề, quy tắc suy luận		
2.1.2.1. Công thức của logic mệnh đề		
2.1.2.2. Luật của logic mệnh đề		
2.1.2.3. Quy tắc suy luận		
<b>2.2. Logic vị từ</b>	2	
2.2.1. Hàm mệnh đề		
2.2.2. Các lượng từ		
<b>2.3. Suy luận và chứng minh</b>	3	
2.3.1. Suy luận		
2.3.2. Chứng minh		
2.3.3. Các phương pháp chứng minh trong toán học		
<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Trần Diên Hiên, Nguyễn Xuân Liêm (2007), *Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Hoàng Chúng(2006), *Số học*, NXB GD.

2. Ngô Thúc Lanh (1986), *Tập hợp Logic*, NXBGD.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kính Đức

TS. Phạm Thị Thanh Tú

ThS. Trần Thế Hiên

ThS. Trần Hòa Hiệp

**HỌC PHẦN**  
**KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC Ở TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kiểm tra – Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học
- Mã học phần: 815023
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;

0)

- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Bộ môn Tự nhiên – Xã hội và Phương pháp dạy học

**3. Mô tả học phần**

Học phần “Kiểm tra – Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học, bước đầu hình thành cho người học các kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Nắm được những kiến thức cơ bản về kiểm tra – đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học: khái niệm, nguyên tắc, phân loại, nội dung và cách thức đánh giá, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá.

- Có ý thức tiếp cận và nắm vững những văn bản của Bộ Giáo dục - Đào tạo quy định về việc đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học.

**4.2. Về kỹ năng**

Có những kỹ năng cơ bản trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học như quan sát, theo dõi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học



sinh, nhận xét, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh; sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Trân trọng kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. Khách quan, công tâm trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục của học sinh.

- Nghiêm túc, trung thực trong quá trình học tập, thi cử của bản thân.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Một số khái niệm cơ bản và chức năng của kiểm tra – đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học</b>		Thuyết trình Giảng giải
<b>1.1. Một số khái niệm cơ bản về kiểm tra, đánh giá</b>	2	
<b>1.2. Chức năng của kiểm tra, đánh giá</b>		
1.2.1. Chức năng quản lý		
1.2.2. Chức năng kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy – học		
1.2.3. Chức năng giáo dục và phát triển người học		
<b>Chương 2. Nguyên tắc kiểm tra – đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học</b>	2	Thảo luận nhóm Thuyết trình Giải thích minh họa Đàm thoại
<b>2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan</b>		
<b>2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện</b>		
<b>2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính phát triển và tính nhân văn</b>		
<b>2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính rõ ràng</b>		
<b>2.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống</b>		
<b>Chương 3. Nội dung và cách thức kiểm tra - đánh giá</b>	12	Thảo luận nhóm Thuyết trình giảng giải Đàm thoại Luyện tập
<b>3.1. Phân loại kiểm tra – đánh giá</b>		
3.1.1. Phân loại kiểm tra		
3.1.2. Phân loại đánh giá		
<b>3.2. Nội dung kiểm tra - đánh giá</b>		
3.2.1. Nội dung đánh giá kết quả học tập theo chuẩn kiến thức, kỹ năng từng môn học		
3.2.2. Nội dung đánh giá năng lực		

3.2.3. Nội dung đánh giá phẩm chất		
<b>3.3. Cách thức kiểm tra – đánh giá</b>		
3.3.1. Đánh giá thường xuyên		
3.3.2. Đánh giá định kỳ		
3.3.3. Học sinh tự đánh giá		
<b>Chương 4. Kỹ thuật kiểm tra - đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học</b>	<b>12</b>	Thảo luận nhóm Thuyết trình Giảng giải Đàm thoại Nêu vấn đề Luyện tập
<b>4.1. Quan sát</b>		
<b>4.2. Vấn đáp</b>		
<b>4.3. Bài tự luận</b>		
<b>4.4. Trắc nghiệm khách quan</b>		
<b>4.5. Bài thực hành</b>		
<b>Chương 5. Tổng hợp và sử dụng kết quả đánh giá</b>	<b>2</b>	Thuyết trình Giảng giải Đàm thoại
<b>5.1. Tổng hợp thông tin đánh giá, ghi vào học bạ, sổ liên lạc</b>		
<b>5.2. Sử dụng kết quả đánh giá</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Hoàng Thị Tuyết (chủ biên), Vũ Thị Phương Anh(2006), *Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học (Dự án phát triển GVTH)*, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Hữu Hợp (2014), *Hướng dẫn thực hiện đánh giá học sinh Tiểu học* (Theo thông tư 30/2014/TT-BGDĐT), NXB Đại học quốc gia Hà Nội

### 6.2. Tài liệu khác

1. Dương thiệu Tống (1995), *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập*, NXB Tổng hợp TP. HCM.
2. Phạm Minh Hùng, Thái Văn Thành (2005), *Đánh giá trong giáo dục tiểu học*, NXB Đại học Vinh.
3. Quy định đánh giá học sinh tiểu học ( Ban hành kèm thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo )

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn T Minh Trâm

## HỌC PHẦN CẤU TRÚC ĐẠI SỐ

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: CẤU TRÚC ĐẠI SỐ
- Mã học phần: 815053
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Toán và PPDH Toán

### 3. Mô tả học phần

Sau khi học xong môn này, sinh viên cần đạt được:

- Phép toán hai ngôi và các tính chất; các cấu trúc cơ bản: nửa nhóm, nhóm, vành, trường.
- Làm cơ sở cho việc xây dựng và mở rộng các tập hợp số và dạy – học toán ở tiểu học.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về nhóm, vành, trường; về nhóm con, vành con, trường con; về đồng cấu nhóm, đồng cấu vành; về nhóm và vành sắp thứ tự.
- Hiểu rõ cơ sở khoa học khi vận dụng những kiến thức về cấu trúc đại số vào học các môn toán cơ sở và thực tiễn đời sống.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Giải được các bài toán về cấu trúc đại số và các vấn đề liên quan.

#### 4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong học tập.
- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Nhóm</b>	<b>15</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> – Trước khi đến lớp: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập – Trên lớp: + Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần làm sáng tỏ + Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành <b>Kiểm tra, đánh giá:</b> – Tinh thần, thái độ, sự đóng góp khi thảo luận, trao đổi bài học và giải quyết các thắc mắc, các câu hỏi: <b>0.1</b> – Sửa chữa những bài tập đã cho: <b>0.1</b> – Kiểm tra viết: <b>0.1</b>
<b>1.1. Phép toán hai ngôi</b>	4	
1.1.1. Định nghĩa và ví dụ		
1.1.2. Những tính chất có thể có của một phép toán hai ngôi		
1.1.3. Những phân tử đặc biệt	3	
<b>1.2. Nhóm</b>		
1.2.1. Nửa nhóm – Vị nhóm		
1.2.2. Nhóm	5	
<b>1.3. Nhóm con</b>		
1.3.1. Định nghĩa và ví dụ		
1.3.2. Một số tính chất		
1.3.3. Nhóm con xiclic		
1.3.4. Nhóm con chuẩn tắc	3	
1.3.5. Nhóm thương		
<b>1.4. Đồng cấu nhóm</b>	3	
1.4.1. Định nghĩa và ví dụ		
1.4.2. Tính chất của đồng cấu nhóm	<b>11</b>	
<b>Chương 2 : Vành và trường</b>		
<b>2.1. Vành</b>	8	
2.1.1. Vành		
2.1.2. Vành con		
2.1.3. Đồng cấu vành	3	
<b>2.2. Trường</b>		
2.2.1. Trường		
2.2.2. Trường con	<b>4</b>	
<b>Ôn tập, kiểm tra</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Trần Diên Hiền (1995), *Cấu trúc đại số*, NXB ĐHSP.

### 6.2. Tài liệu khác

- My Vinh Quang (1998), *Đại số đại cương*, NXB Giáo dục.
- Trần Diên Hiền (1997), *Bài tập đại số đại cương*, NXB Giáo dục.
- Lê Văn Thuyết (2001), *Các cấu trúc đại số cơ bản*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,4

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kính Đức

ThS. Trần Thế Hiền

ThS. Trần Hòa Hiệp

## HỌC PHẦN SỐ HỌC

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: SỐ HỌC
- Mã học phần: 815054
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Toán và PPDH Toán

### 3. Mô tả học phần

Sau khi học xong môn này, sinh viên cần đạt được:

Nắm vững những kiến thức cơ bản về số tự nhiên, số nguyên, số hữu tỉ và vận dụng chúng để dạy đúng, dạy tốt môn Toán ở tiểu học.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về các số tự nhiên, các số nguyên và các số hữu tỉ.
- Hiểu rõ cơ sở toán học của nội dung môn số học ở tiểu học, từ đó dạy tốt các nội dung này.
- Hiểu rõ cơ sở khoa học khi vận dụng những kiến thức về số học vào thực tiễn đời sống.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Giải được các bài toán về số học và các vấn đề liên quan.
- Vận dụng những kiến thức về số học để giải quyết các bài toán liên quan ở tiểu học; các bài toán từ thực tiễn cuộc sống và trong nghiên cứu khoa học đặt ra.

#### 4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong học tập.
- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Tập hợp số tự nhiên</b>	<b>12</b>	
<b>1.1. Khái niệm về tập hợp số tự nhiên</b>	4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi đến lớp: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập</li> <li>- Trên lớp: + Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần làm sáng tỏ</li> <li>+ Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành</li> </ul> <p><b>Kiểm tra, đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tinh thần, thái độ, sự đóng góp khi thảo luận, trao đổi bài học và giải quyết các thắc mắc, các câu hỏi: <b>0.1</b></li> <li>- Sửa chữa những bài tập đã cho: <b>0.1</b></li> <li>- Kiểm tra viết: <b>0.1</b></li> </ul>
1.1.1. Tập hợp tương đương – Bản số		
1.1.2. Tập hợp hữu hạn, tập hợp vô hạn		
1.1.3. Số tự nhiên – Quan hệ thứ tự trên tập hợp số tự nhiên		
1.1.4. Một số tính chất của tập hợp số tự nhiên		
<b>1.2. Các phép toán trên tập hợp số tự nhiên</b>	4	
1.2.1. Phép cộng		
1.2.2. Phép nhân		
1.2.3. Phép trừ và phép chia		
<b>1.3. Hệ đếm và ghi số</b>	4	
1.3.1. Hệ ghi cơ số g		
1.3.2. Các phép toán trong hệ ghi cơ số g		
<b>Chương 2: Tập hợp số nguyên</b>	<b>6</b>	
<b>2.1. Xây dựng vành số nguyên</b>	3	
2.1.1. Tập hợp các cặp số tự nhiên và sự chia lớp trên tập hợp đó		
2.1.2. Một số định lí		
2.1.3. Giá trị tuyệt đối của số nguyên		
2.1.4. Quy tắc thực hành các phép toán trên tập các số nguyên		
<b>2.2. Quan hệ thứ tự trên vành</b>	3	
2.2.1. Quan hệ thứ tự trên vành các số nguyên		
2.2.2. Tính chất của vành các số nguyên		
2.2.3. Bộ phận số nguyên bị chặn		
<b>Chương 3: Lí thuyết chia hết trên vành số nguyên <math>\mathbb{Z}</math></b>	<b>13</b>	
<b>3.1. Phép chia hết, phép chia có dư</b>	5	
3.1.1. Định lí cơ bản – Định nghĩa – Tính chất		
3.1.2. Quan hệ đồng dư		
3.1.3. Các dấu hiệu chia hết		
<b>3.2. Ước chung lớn nhất – Bội chung nhỏ nhất</b>	4	
3.2.1. Ước số chung lớn nhất		
3.2.2. Bộ số chung nhỏ nhất		
<b>3.3. Số nguyên tố (Xét trong tập hợp số tự nhiên)</b>	4	
3.3.1. Định nghĩa và các tính chất		
3.3.2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố		
<b>Chương 4: Tập hợp số hữu tỉ – Tập hợp số thực</b>	<b>9</b>	
<b>4.1. Tập hợp số hữu tỉ</b>	5	
4.1.1. Xây dựng tập hợp số hữu tỉ		



4.1.2. Quan hệ thứ tự trên tập hợp số hữu tỉ		
4.1.3. Các tính chất của trường số hữu tỉ		
<b>4.2. Số thập phân</b>		
4.2.1. Phân số thập phân – Số thập phân	3	
4.2.2. Thực hành các phép toán trên số thập phân		
<b>4.3. Sơ lược về tập hợp số thực</b>		
4.3.1. Xây dựng tập hợp số thực	1	
4.3.2. Các phép toán trên tập hợp số thực		
<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	<b>5</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Hoàng Chúng (2006), *Số học*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đâu Thế Cấp (2008), *Số học*, NXB Giáo dục.
2. Ngô Thúc Lanh (1996), *Đại số và số học*, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Tiến Quang (2002), *Bài tập số học*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kính Đức

TS. Phạm Thị Thanh Tú

ThS. Trần Thế Hiền

ThS. Trần Hòa Hiệp

## HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT 1

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: TIẾNG VIỆT 1
- Mã học phần: 815050
- Số tín chỉ: 3 (3, 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học, cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Văn-Tiếng Việt và PPGD Tiếng Việt

### 3. Mô tả học phần

- Đại cương ngôn ngữ học
- Ngữ âm học Tiếng Việt
- Từ vựng Tiếng Việt

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Nắm vững các khái niệm về ngôn ngữ học đại cương: bản chất, chức năng, nguồn gốc và các quy luật phát triển của ngôn ngữ; nội dung và ý nghĩa của các bộ môn ngôn ngữ học để làm nền tảng cho việc nghiên cứu cụ thể các bộ môn đó. Đồng thời hiểu được các hệ thống khái niệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với việc xây dựng các công cụ phát triển ngôn ngữ cho học sinh.

- Hiểu được cấu trúc âm tiết tiếng Việt, miêu tả được các âm vị tiếng Việt từ đó lí giải được các vấn đề lệch chuẩn ngữ âm, vấn đề chính âm và chính tả và ứng dụng nó trong giảng dạy học sinh tiểu học.

- Nắm được các đơn vị cấu tạo từ tiếng Việt, các thành tố nghĩa của từ và các quy luật, hiện tượng biến đổi nghĩa của từ tiếng Việt; các lớp từ tiếng Việt.

#### 4.2. Về kĩ năng

- Sử dụng các dẫn chứng, các ngữ liệu để phân tích được các khái niệm, chứng minh được các quy luật, các phạm trù của ngôn ngữ học đại cương.

- Lập sơ đồ cấu tạo âm tiết tiếng Việt và hiểu được ý nghĩa của nó. Miêu tả được các âm vị tiếng Việt từ đó lý giải được các hiện tượng lệch chuẩn ngữ âm và xử lý nó như thế nào trong quá trình giảng dạy tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

- Nhận diện các từ đơn, từ láy, từ ghép; sử dụng các nguyên lý về các thành tố nghĩa của từ, hiện tượng chuyển nghĩa, trường nghĩa để tìm ra các nét nghĩa của từ tiếng Việt, sử dụng cho chính xác.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên phải có ý thức đọc tài liệu, chuẩn bị bài theo tinh thần học tập của hệ tín chỉ để tương tác tốt trong giờ học trên lớp.

- Nghiêm túc trong việc tiếp thu các kiến thức cơ bản và hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ liệu nhằm mục đích không những ứng dụng cho việc giảng dạy sau này mà còn nâng cao khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hiệu quả nhất.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Phần 1: ĐẠI CƯƠNG NGÔN NGỮ HỌC</b>	<b>15</b>	-GV nêu những yêu cầu chung của học phần
<b>Chương 1. Những vấn đề chung về ngôn ngữ</b>	<b>5</b>	
<b>1.1. Ngôn ngữ và khoa học về ngôn ngữ</b>	2	- Phân nhóm học tập
1.1.1. Đối tượng nghiên cứu	1	- GV nêu các vấn đề cần thảo luận
1.1.2. Ý nghĩa của ngôn ngữ học	1	
<b>1.2. Các bộ môn của ngôn ngữ học</b>	3	- SV thuyết trình
1.2.1. Dẫn luận ngôn ngữ học	1	- Các nhóm tương tác
1.2.2. Ngôn ngữ học bộ phận	2	- GV nhận xét, kết luận
<b>Chương 2. Ngôn ngữ học xã hội</b>	<b>10</b>	
<b>2.1. Nguồn gốc của ngôn ngữ</b>	2	- Sử dụng giáo án điện tử khi cần thiết.
2.1.1. Những quan niệm trước Mác	1	
2.1.2. Quan điểm của Mác về nguồn gốc ngôn ngữ	1	-Kiểm tra miệng khi cần
<b>2.2. Sự phát triển của ngôn ngữ</b>	2	
2.2.1. Quy luật bên ngoài	1	-SV tương tác với GV
2.2.2. Quy luật nội tại	1	

<b>2.3. Bản chất tín hiệu của ngôn ngữ</b>	2	
2.3.1. Khái niệm hệ thống và tín hiệu	1	
3.1.2. Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu đặc biệt.	1	
<b>2.4. Các loại quan hệ và đơn vị chủ yếu trong tín hiệu ngôn ngữ</b>	2	
2.4.1. Các loại quan hệ trong tín hiệu ngôn ngữ	1	
2.4.2. Các đơn vị chủ yếu trong tín hiệu ngôn ngữ	1	
<b>2.5. Các chức năng của ngôn ngữ</b>	2	
2.5.1. Chức năng làm phương tiện giao tiếp	1	
2.5.2. Chức năng làm phương tiện tư duy	1	
<b>Phần 2: NGỮ ÂM HỌC TIẾNG VIỆT</b>	<b>15</b>	
<b>Chương 1. Đại cương về ngữ âm và ngữ âm học</b>	<b>2</b>	
<b>1.1. Một số khái niệm chung</b>	0.5	
1.1.1. Ngữ âm		
1.1.2. Ngữ âm học		
<b>1.2. Bản chất âm thanh của lời nói và cơ chế tạo âm của ngôn ngữ</b>	0.5	
1.2.1. Bản chất tự nhiên của âm thanh lời nói		
1.2.2. Bản chất xã hội của ngữ âm		
1.2.3. Cơ chế tạo âm của ngôn ngữ		
<b>1.3. Sự biến đổi ngữ âm trong lời nói và hiện tượng ngôn điệu</b>	0.5	
1.3.1. Sự biến đổi ngữ âm trong lời nói		
1.3.2. Các hiện tượng ngôn điệu		
<b>1.4. Chữ viết</b>	0.5	
1.4.1. Khái niệm		
1.4.2. Các kiểu chữ viết		
<b>Chương 2. Lược sử về tiếng Việt</b>	<b>2</b>	
<b>2.1. Nguồn gốc, các quan hệ thân thuộc tiếp xúc với tiếng Việt</b>	1	
2.1.1. Nguồn gốc tiếng Việt		
2.1.2. Các quan hệ thân thuộc tiếp xúc với tiếng Việt		
<b>2.2. Lịch sử phát triển và chữ viết của tiếng Việt</b>	1	
2.2.1. Lịch sử phát triển của tiếng Việt		
2.2.2. Chữ viết tiếng Việt		
<b>Chương 3. Vấn đề chính âm và chính tả trong tiếng Việt</b>	<b>2</b>	

<b>3.1. Chính âm và chính tả trong tiếng Việt</b>	<b>1</b>	
3.1.1. Chính âm		
3.1.2. Chính tả		
<b>3.2. Lệnh chuẩn ngữ âm</b>	<b>1</b>	
3.2.1. Cơ sở ngữ âm của hiện tượng lệnh chuẩn		
3.2.2. Lệnh chuẩn ngữ âm và phân vùng phương ngữ theo tiêu chí ngữ âm		
3.2.3. Phương pháp khắc phục lệnh chuẩn ngữ âm		
<b>Chương 4. Âm tiết tiếng Việt</b>	<b>3</b>	
<b>4.1. Đặc điểm âm tiết tiếng Việt</b>	<b>1</b>	
4.1.1. Đặc điểm về loại hình		
4.1.2. Đặc điểm về cấu trúc		
<b>4.2. Phân loại âm tiết tiếng Việt</b>	<b>2</b>	
4.2.1. Dựa vào độ vang (cách kết thúc âm tiết)		
4.2.2. Dựa vào diễn biến cao độ trong âm vực		
4.2.3. Dựa vào số lượng thành tố tham gia cấu tạo âm tiết		
4.2.4. Dựa vào cấu trúc và cơ cấu của các âm vị		
<b>Chương 5. Hệ thống âm vị tiếng Việt</b>	<b>6</b>	
<b>5.1. Hệ thống phụ âm đầu</b>	<b>2</b>	
5.1.1. Kí hiệu, phiên âm âm vị		
5.1.2. Miêu tả âm vị		
<b>5.2. Âm đệm</b>	<b>0.5</b>	
5.2.1. Kí hiệu, phiên âm âm vị		
5.2.2. Miêu tả âm vị		
<b>5.3. Hệ thống âm chính</b>	<b>2</b>	
5.3.1. Kí hiệu, phiên âm âm vị		
5.3.2. Miêu tả âm vị		
<b>5.4. Hệ thống âm cuối</b>	<b>0.5</b>	
5.4.1. Kí hiệu, phiên âm âm vị		
5.4.2. Miêu tả âm vị		
<b>5.5. Âm vị siêu đoạn tính</b>	<b>1</b>	
5.5.1. Thanh ngang		
5.5.2. Thanh huyền		
5.5.3. Thanh ngã		
5.5.4. Thanh hỏi		

5.5.5. Thanh sắc		
5.5.6. Thanh nặng		
<b>Phần 3: TỪ VỰNG HỌC TIẾNG VIỆT</b>	<b>15</b>	
<b>Chương 1. Khái luận về từ vựng học</b>	<b>4</b>	
<b>1.1. Từ vựng và từ vựng học</b>	<b>1</b>	
1.1.1. Từ vựng		
1.1.2. Từ vựng học		
<b>1.2. Đơn vị từ trong tiếng Việt</b>	<b>3</b>	
1.2.1. Quan niệm từ tiếng Việt		
1.2.2. Đơn vị cấu tạo từ tiếng Việt		
1.2.3. Kết quả phân loại từ về cấu tạo		
1.2.4. Các hiện tượng trung gian của từ tiếng Việt		
<b>Chương 2. Nghĩa của từ</b>	<b>5</b>	
<b>2.1. Các thành phần nghĩa</b>	<b>1</b>	
2.1.1. Cách phân loại nghĩa từ truyền thống		
2.1.2. Cách phân loại nghĩa từ hiện đại		
<b>2.2. Nguyên lí tồn tại của từ đa nghĩa</b>	<b>3</b>	
2.1.1. Nguyên nhân hình thành		
2.1.2. Cơ chế chuyển nghĩa của từ		
2.1.3. Đánh giá một từ đa nghĩa		
<b>2.3. Từ đồng âm</b>	<b>1</b>	
2.3.1. Khái niệm từ đồng âm		
2.3.2. Các loại từ đồng âm		
2.3.3. Giá trị của từ đồng âm		
<b>Chương 3. Hệ thống ý nghĩa từ vựng</b>	<b>4</b>	
<b>3.1. Trường và trường nghĩa</b>	<b>1</b>	
3.1.1. Khái niệm		
3.1.2. Các loại trường từ vựng ngữ nghĩa		
<b>3.2. Từ đồng nghĩa</b>	<b>2</b>	
3.2.1. Quan niệm về từ đồng nghĩa		
3.2.2. Đặc điểm, kiểu dạng đồng nghĩa		
3.2.3. Cấu tạo của một dãy từ đồng nghĩa		
3.2.4. Giá trị của dãy đồng nghĩa		
<b>3.3. Từ trái nghĩa</b>	<b>1</b>	
3.3.1. Khái niệm		

3.3.2. Đặc điểm của từ trái nghĩa		
3.3.3. Cấu tạo		
3.3.4. Giá trị của từ trái nghĩa		
<b>Chương 4. Các lớp từ vựng</b>	<b>2</b>	
<b>4.1. Từ thuần Việt</b>		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Đặc trưng		
<b>4.2. Từ vay mượn</b>		
4.2.1. Từ Hán Việt		
4.2.1. Từ phiên âm		
<b>4.3. Từ địa phương</b>		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Hai phương diện của từ địa phương		
<b>4.4. Thành ngữ</b>		
4.4.1. Khái niệm		
4.4.2. Phân loại		
4.4.3. Cách giải nghĩa thành ngữ		

## 6. Tài liệu học tập

### *Tài liệu chính*

1. Nguyễn Thiện Giáp- Nguyễn Minh Thuyết- Đoàn Thiện Thuật (1997), *Dẫn luận ngôn ngữ học*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
2. Vương Hữu Lễ- Hoàng Dũng (1994), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội I.
3. Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
5. Tài liệu học tập (2016), *Tiếng Việt 1*, Tài liệu lưu hành nội bộ của Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sài Gòn.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: nhiều lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

## 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Nguyễn Thị Thu Hằng



**HỌC PHẦN  
TIẾNG VIỆT 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: TIẾNG VIỆT 2
- Mã học phần: 815051
- Số tín chỉ: 2 (2, 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (15; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học; cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Việt 1 (815050)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Văn-Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

- Từ loại tiếng Việt
- Cụm từ tiếng Việt
- Câu tiếng Việt
- Ngữ pháp Văn bản tiếng Việt

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững và hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, câu, văn bản tiếng Việt.
- Sử dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp văn bản để hiểu cấu trúc, sự mạch lạc của văn bản nhằm nâng cao năng lực tạo lập, hiểu/ cảm thụ các văn bản tiếng Việt một cách hiệu quả và ứng dụng nó trong công tác giảng dạy, nghiên cứu sau này.

4.2. Về kĩ năng

- Phân tích được các tiêu chí phân định từ loại tiếng Việt, từ đó nắm vững hệ thống từ loại, nhận diện được từng từ loại trong các ngữ liệu tiếng Việt.

- Phân loại câu theo cấu trúc ngữ pháp, theo mục đích phát ngôn và chỉ ra được các thành phần câu cụ thể trong ngữ liệu tiếng Việt.

- Phân tích các phương thức, phương tiện liên kết, các mô hình đoạn văn trong văn bản tiếng Việt.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên phải có ý thức đọc tài liệu, chuẩn bị bài theo tinh thần học tập của hệ tín chỉ để tương tác tốt trong giờ học trên lớp.

- Nghiêm túc trong việc tiếp thu các kiến thức cơ bản và hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ liệu nhằm mục đích không những ứng dụng cho việc giảng dạy sau này mà còn nâng cao khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hiệu quả nhất.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Từ loại</b>	<b>10</b>	- Sử dụng giáo án điện tử
<b>1.1. Từ loại và vấn đề nghiên cứu từ loại</b>	1	- Sơ đồ hóa kiến thức
1.1.1. Thuật ngữ		- Phân nhóm học tập
1.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu từ loại		- GV nêu các vấn đề cần thảo luận
<b>1.2. Vấn đề phân định phân định từ loại trong tiếng Việt</b>	1	
1.2.1. Dựa vào ý nghĩa khái quát		- SV thuyết trình
1.2.2. Dựa vào khả năng kết hợp		- Các nhóm tương tác
1.2.3. Dựa vào khả năng giữ các chức vụ cú pháp trong câu		- GV nhận xét, kết luận
<b>1.3. Hệ thống từ loại tiếng Việt</b>	6	- Hỏi-đáp giữa SV-SV và GV-SV
1.3.1. Danh từ	1	
1.3.2. Động từ	1	
1.3.3. Tính từ	1	
1.3.4. Số từ	0.5	
1.3.5. Đại từ	0.5	
1.3.6. Phụ từ	0.5	
1.3.7. Quan hệ từ	0.5	
1.3.8. Tình thái từ	0.5	
1.3.9. Trợ từ	0.5	
<b>1.4. Hiện tượng chuyển hóa từ loại</b>	2	
1.4.1. Khái niệm chuyển loại của từ	1	
1.4.2. Các trường hợp chuyển loại tiêu biểu	1	
<b>Chương 2. Cụm từ tiếng Việt</b>	<b>2</b>	
<b>3.1. Khái quát về cụm từ</b>	0.5	
3.1.1. Khái niệm cụm từ		
3.1.2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cụm từ		
<b>3.2. Các loại cụm từ</b>	1.5	
3.2.1. Cụm danh từ		
3.2.2. Cụm động từ		

3.2.3. Cụm tính từ		
<b>Chương 3. Câu – Phân loại theo cấu trúc</b>	<b>10</b>	
<b>3.1. Vấn đề câu, phát ngôn và đặc điểm của câu</b>	<b>1</b>	
3.1.1. Vấn đề câu và phát ngôn		
3.1.2. Đặc điểm của câu		
<b>3.2. Phân loại câu theo cấu tạo</b>	<b>5</b>	
3.2.1. Câu đơn	1	
3.2.2. Câu phức	2	
3.2.3. Câu ghép	2	
<b>3.3. Phân loại câu theo mục đích phát ngôn</b>	<b>2</b>	
3.3.1. Câu kê		
3.3.2. Câu hỏi		
3.3.3. Câu cầu khiến		
3.3.4. Câu cảm thán		
3.3.5. Câu phủ định		
<b>3.4. Dấu câu và cách sử dụng</b>	<b>2</b>	
3.4.1. Tác dụng của dấu câu	0.5	
3.4.2. Cơ sở để xác định dấu câu	0.5	
3.4.3. Các loại dấu câu	0.5	
3.4.4. Cách dùng các dấu câu tiếng Việt	0.5	
<b>Chương 4. Văn bản</b>	<b>8</b>	
<b>4.1. Các đặc trưng của văn bản</b>	<b>1</b>	
4.1.1. Tính mục đích		
4.1.2. Tính chỉnh thể (nội dung, hình thức)		
4.1.3. Tính phong cách		
<b>4.2. Các đơn vị trực tiếp tham gia tạo lập văn bản</b>	<b>1</b>	
4.2.1. Câu		
4.2.2. Đoạn văn		
<b>4.3. Các kiểu cấu trúc đoạn văn</b>	<b>3</b>	
4.3.1. Đoạn diễn dịch		
4.3.2. Đoạn quy nạp		
4.3.3. Đoạn tổng-phân-hợp		
4.3.4. Đoạn song hành		
4.3.5. Đoạn móc xích		
4.3.6. Đoạn văn có cấu trúc đặc biệt		
<b>4.4. Liên kết trong văn bản</b>	<b>2</b>	
4.4.1. Vấn đề liên kết văn bản		
4.4.2. Liên kết nội dung		
4.4.3. Liên kết hình thức		
<b>4.5. Cấu trúc của văn bản và liên kết giữa các đoạn văn</b>	<b>1</b>	
4.5.1. Cấu trúc của văn bản		
4.5.2. Liên kết đoạn văn thành văn bản		
4.5.3. Lập dàn ý văn bản		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Ly Kha (1999), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Trần Ngọc Thêm (1985), *Hệ thống liên kết văn bản Tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
4. Tài liệu học tập (2016), *Tiếng Việt 2*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Giáo dục Tiểu học- Trường Đại học Sài Gòn

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: nhiều lần
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Nguyễn Thị Thu Hằng

**HỌC PHẦN  
 TIẾNG VIỆT 3**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: TIẾNG VIỆT 3
- Mã học phần: 815052
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30; 0)
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi môn học trước: Tiếng Việt 1 (815050)
- + Đòi hỏi môn song hành: không
- + Số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phong cách và ngữ dụng. Giúp người học có thể sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả.

Đặc biệt sinh viên luôn biết liên hệ các kiến thức trên với nội dung chương trình tiếng Việt ở tiểu học để sau này ra trường giảng dạy có hiệu quả.

**4. Mục tiêu học phần:**

4.1. Về kiến thức:

- Phần Phong cách học giúp cho sinh viên nắm được khái niệm phong cách và các phong cách chức năng; Có cái nhìn khái quát về các đặc điểm của mỗi loại phong cách; Hiểu chung về hoạt động của các đơn vị ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) trong mỗi loại phong cách.

- Phần NDH giúp cho sinh viên nắm được khái niệm về ngữ dụng học, cách sử dụng ngôn từ trong tình huống cụ thể; thuyết lịch sự, và thuyết diễn ngôn.

4.2. Về kỹ năng:

Giúp người học có thể sử dụng ngôn ngữ có hiệu quả.

Đặc biệt sinh viên luôn biết liên hệ các kiến thức trên với nội dung chương trình tiếng Việt ở tiểu học để sau này ra trường giảng dạy có hiệu quả.

4.3. Về thái độ:

Sinh viên cần nghiêm túc trong giờ học, nhận thức được tầm quan trọng của môn học không chỉ trong giảng dạy sau này mà còn ứng dụng được nhiều vào giao tiếp.

### 5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết	Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>PHẦN I. PHONG CÁCH HỌC</b>		Sử dụng giáo án điện tử kết hợp xem phim. Sử dụng phương pháp hỏi đáp để kiểm tra việc chuẩn bị bài, và sự tiếp thu của người học.
<b>Chương 1. Khái quát về phong cách học</b> 1.1. Đối tượng 1.2. Nhiệm vụ 1.3. Khái niệm cơ sở	<b>1</b>	
<b>Chương 2. Các phong cách ngôn ngữ</b> 2.1. Phong cách sinh hoạt hàng ngày 2.2. Phong cách khoa học 2.3. Phong cách hành chính 2.4. Phong cách chính luận 2.5. Phong cách thuyết minh 2.6. Phong cách báo chí 2.7. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật	<b>5</b>	
<b>Chương 3. Các phương tiện và biện pháp tu từ cơ bản</b> 3.1. Phương tiện và biện pháp tu từ ngữ âm 3.2. Phương tiện và biện pháp tu từ từ vựng – ngữ nghĩa 3.3. Phương tiện và biện pháp tu từ ngữ pháp	<b>4</b>	
<b>Chương 4. Phong cách học gắn với chương trình tiếng Việt ở tiểu học</b> 4.1. Nhận diện các phong cách chức năng 4.2. Phân tích các biện pháp tu từ	<b>5</b>	
<b>PHẦN II. NGỮ DỤNG HỌC</b>		
<b>Chương 5. Khái quát về ngữ dụng học</b> 5.1. Định nghĩa Ngữ dụng học	<b>1</b>	

5.2. Các lĩnh vực nghiên cứu		
<b>Chương 6. Các hành động ngôn ngữ</b> 6.1. Khái niệm hành động ngôn ngữ 6.2. Phân loại các hành động ngôn ngữ	<b>5</b>	
<b>Chương 7. Hội thoại</b> 7.1. Khái quát về hội thoại 7.2. Quy tắc hội thoại 7.3. Cấu trúc hội thoại	<b>5</b>	
<b>Chương 8. Ngữ dụng học gắn với chương trình tiếng Việt ở tiểu học</b> 8.1. Phân tích các hành động giao tiếp tiêu biểu 8.2. Xây dựng và giải quyết một số tình huống giao tiếp	<b>4</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Khoa giáo dục tiểu học Trường Đại học Sài Gòn, Bài giảng TV3, Tài liệu lưu hành nội bộ

### 6.2. Tài liệu khác

1. Mai Ngọc Chừ, Nhập môn ngôn ngữ học – Phần phong cách & Ngữ dụng, NXB Giáo dục 2007.

2. Bộ GD&ĐT, Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Tiếng Việt, tài liệu đào tạo giáo viên, NXB ĐHSP & NXB GD, 2006.

3. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 1, 2 - *Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục, H. 2006.

4. Đinh Trọng Lạc (chủ biên), Nguyễn Thái Hoà, *Phong cách học tiếng Việt* (In lần thứ 2), NXB Giáo dục, H. 1995

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: Nhiều bài kiểm tra

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- |   |            |
|---|------------|
| - Điểm chuyên cần:                                | hệ số 0.1; |
| - Điểm thực hành/bài tập:                         | hệ số 0,1; |
| - Điểm thảo luận trên lớp:                        | hệ số 0.1; |
| - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: | hệ số 0.2; |
| - Điểm thi kết thúc học phần:                     | hệ số 0.5  |

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Trần Thị Lam Thủy



## HỌC PHẦN VĂN HỌC THIẾU NHI

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: VĂN HỌC THIẾU NHI
- Mã học phần: 815119
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết: 45 (45, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Lí luận văn học (815058)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy

Văn-Tiếng Việt và PP dạy học Văn-Tiếng Việt

### 3. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các nội dung: khái quát văn học thiếu nhi Việt Nam; giới thiệu một số thể loại văn học dân gian thiếu nhi; giới thiệu các tác giả, tác phẩm văn học viết tiêu biểu dành cho thiếu nhi; giới thiệu, phân tích một số tác phẩm văn học nước ngoài có trong chương trình SGK Tiếng Việt ở tiểu học.

Vị trí học phần: thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Nắm được quá trình hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam, trong đó bao gồm những khái niệm cơ bản; hệ thống thể loại, đề tài; đặc biệt là các tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

- Giúp người học nắm được những nội dung, ý nghĩa của các tác phẩm văn học nước ngoài được trích dẫn trong chương trình tiểu học

#### 4.2. Về kỹ năng

- Sau khi hoàn thành học phần, người học phải có kỹ năng phân tích những tác phẩm văn học thiếu nhi nói chung, những tác phẩm văn học thiếu nhi trong SGK tiểu học nói riêng.

## 4.3. Về thái độ

- Yêu thích văn học thiếu nhi.
- Có ý thức học tập nâng cao kiến thức về văn học thiếu nhi Việt Nam và thế giới, trau dồi kỹ năng phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học thiếu nhi.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Văn học thiếu nhi Việt Nam</b>	<b>25</b>	- Hình thức tổ chức dạy học: Lớp, nhóm, cá nhân - Hình thức chủ yếu: nhóm + Giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học, giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên. + Sinh viên nghiên cứu tài liệu ở nhà; thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình, thuyết trình, tương tác với cả lớp + Giáo viên giải đáp thắc mắc, chốt lại nội dung học tập...
<b>1.1. Khái quát về văn học thiếu nhi Việt Nam</b>		
1.1.1. Khái niệm văn học thiếu nhi		
1.1.2. Đặc trưng cơ bản của văn học thiếu nhi		
1.1.3. Hai bộ phận văn học thiếu nhi		
<b>1.2. Văn học dân gian thiếu nhi</b>		
1.2.1. Truyện dân gian		
1.2.2. Thơ ca dân gian		
<b>1.3. Văn học viết dành cho thiếu nhi</b>		
1.3.1. Thơ Định Hải		
1.3.2. Thơ Trần Đăng Khoa		
1.3.3. Thơ và truyện Phạm Hồ		
1.3.4. Thơ và truyện Võ Quảng		
1.3.5. Thơ và truyện Xuân Quỳnh		
1.3.6. Tô Hoài và <i>Đế Mèn phiêu lưu kí</i>		
1.3.7. Nguyễn Huy Tưởng và <i>Lá cờ thêu 6 chữ vàng</i>		
1.3.8. Đoàn Giỏi và <i>Đất rừng phương Nam</i>		
Kiểm tra giữa kì	<b>1</b>	Kiểm tra tại lớp
<b>Chương 2. Văn học thiếu nhi nước ngoài trong CTTH</b>	<b>18</b>	
<b>2.1. Khái quát văn học thiếu nhi nước ngoài trong CTTH</b>		
2.1.1. Sự phân bố các tác phẩm VHNN trong CTTH.		
2.1.2. Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật.		
<b>2.2. Một số tác giả tiêu biểu</b>		
2.2.1. Jean De La Fontaine		

2.2.2. Nicolaievich Lev Tolstoi		
2.2.3. Hans Christian Andersen		
2.2.4. Jacop Grimm và Wilhelm Grimm		
2.2.5. Xukhomlinxki		
2.2.6. Edmondo De Amicis		
2.2.7. Robert Louis Stevenson		
2.2.8. Jack London		
2.2.9. Hector Malot		
<b>2.3. Hướng dẫn phân tích một số tác phẩm</b>		
2.3.1. <i>Người ăn xin</i> (Tuốc-ghê-nhép, Tiếng Việt 4)		
2.3.2. <i>Con sẻ</i> (Tuốc-ghê-nhép, Tiếng Việt 4)		
2.3.3. <i>Rất nhiều mặt trăng</i> (Phơ-bơ, Tiếng Việt 4)		
2.3.4. <i>Chuỗi ngọc lam</i> (Phun-tơn O-xlơ, Tiếng Việt 5)		
Ôn tập	<b>1</b>	

## **6. Tài liệu học tập**

### **6.1. Tài liệu chính**

6.1.1. Lã Thị Bắc Lý (2011), *Giáo trình Văn học Trẻ Em*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

6.1.2. Cao Đức Tiến-Dương Thu Hương (2007), *Văn học*, Dự án phát triển giáo viên.

### **6.2. Tài liệu khác**

6.2.1. Vân Anh - Nguyễn An (2002), *Bách khoa thư Văn học thiếu nhi*, NXB Từ điển Bách Khoa.

6.2.2. Vân Anh (2006), *Tác giả văn học Thiếu nhi Việt Nam*, NXB Từ điển Bách Khoa.

6.2.3. Chu Minh Hùng - Lê Nhật Ký (2006), *Hệ thống thể loại văn học cho thiếu nhi*, Dự án PTGVTH, NXB Giáo dục.

6.2.4. Bùi Thanh Truyền - Trần Thị Quỳnh Nga - Nguyễn Thanh Tâm (2007), *Thi pháp văn học thiếu nhi*, NXB Giáo dục.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

## 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Ngô Thị Ngọc Diệp

**HỌC PHẦN**  
**CƠ SỞ TỰ NHIÊN - XÃ HỘI 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Cơ sở tự nhiên xã hội 1
- Mã học phần: 815065
- Số tín chỉ: 30
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần: không
- + Đòi hỏi học phần học trước: không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tự nhiên xã hội và PPDH tự nhiên xã hội

**3. Mô tả học phần**

- Học phần này cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống, cơ bản các sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu, những bước phát triển chính của lịch sử Việt Nam từ thời Hùng Vương đến nay. Từ đó người học nắm vững và giảng dạy tốt nội dung lịch sử ở tiểu học

- Cung cấp những kiến thức cơ bản về Địa lý đại cương, Địa lý các châu lục và Địa lý Việt Nam. Những tri thức tối thiểu này giúp SV xác định và dạy tốt các bài dạy có nội dung địa lý trong môn Tự nhiên – xã hội, Địa lý và Lịch sử ở trường tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên trình bày được về buổi đầu dựng nước và giữ nước của dân tộc ta: quá trình hình thành và phát triển nền văn hóa Đông Sơn, nền văn minh Âu Lạc.
- Sinh viên hiểu và trình bày được các sự kiện quan trọng trong thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc và quá trình đấu tranh giành độc lập thời kỳ Bắc thuộc.
- Sinh viên nhớ và trình bày được một số sự kiện và nhân vật lịch sử tiêu biểu về nước Đại Việt trong khoảng thời gian từ 1010 – 1858.

- Sinh viên hiểu và trình bày được về các giai đoạn lịch sử, các chiến dịch trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ

- Sinh viên nêu được những thành tựu về công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay.

- Nắm được những kiến thức cơ bản về Địa lý đại cương, Địa lý các châu lục và Địa lý Việt Nam.

- Trình bày và phân tích được một số kiến thức cơ bản về Địa lý phù hợp với nội dung chương trình môn TN – XH, môn Địa lý ở Tiểu học.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng phân tích, kỹ năng sử dụng bản đồ, lược đồ trong dạy học lịch sử, địa lí.

- Kỹ năng so sánh, nhận xét.

#### 4.3. Về thái độ

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước qua những bài lịch sử hào hùng của dân tộc, qua những hình ảnh, số liệu từ kiến thức địa lí.

- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức liên quan đến môn lịch sử, địa lí để có thể dạy tốt các môn học trên ở trường tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Phần địa lí</b>		
<b>Chương 1: Địa lí tự nhiên đại cương</b>		
<b>1.1 Vũ trụ và hệ mặt trời</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>- Sinh viên thuyết trình</li> <li>- Tương tác nhóm lớp</li> <li>- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.</li> </ul>
1.1.1. Vũ trụ và các khái niệm		
1.1.2. Hệ Mặt Trời		
<b>1.2. Hình dạng và cấu tạo bên trong Trái Đất</b>		
1.2.1. Hình dạng, kích thước Trái Đất và hệ quả		
1.2.2. Cấu tạo bên trong của Trái Đất		
<b>1.3. Vận động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả</b>		
1.3.1. Vận động tự quay quanh trục		
1.3.2. Các hệ quả		
<b>1.4. Vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả</b>		
1.4.1. Sự vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời		
<b>Chương 2. Khái quát về địa lý các châu lục</b>		
<b>2.1. Châu Âu, Châu Á</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> </ul>
2.1.1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên Châu Âu, châu Á		

2.1.2. Đặc điểm dân cư và kinh tế xã hội Châu Âu, châu Á		- GV hướng dẫn
<b>2.2. Châu Phi, châu Mỹ và châu Đại dương</b>		- Sinh viên thuyết trình
2.2.1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên châu Phi, châu Mỹ và châu Đại dương		- Tương tác nhóm lớp
2.2.2. Đặc điểm dân cư và kinh tế xã hội châu Phi, châu Mỹ và châu Đại dương		- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.
<b>Chương 3: Địa lí Việt Nam</b>		
<b>3.1. Vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên</b>		
3.1.1. Vị trí địa lý		
3.1.2. Điều kiện tự nhiên		
<b>3.2. Địa lý dân cư và các ngành kinh tế</b>		
3.2.1. Dân cư		- Sơ đồ hóa kiến thức
3.2.2. Địa lý các ngành kinh tế Việt Nam		- Phân nhóm làm việc
<b>3.3. Địa lý kinh tế ở các vùng</b>		
3.3.1. Trung du và miền núi Bắc Bộ		- GV hướng dẫn
3.3.2. Tây Nguyên		- Sinh viên thuyết trình
3.3.3. Đồng bằng sông Hồng		- Tương tác nhóm lớp
3.3.4. Đồng bằng sông Cửu Long		- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.
3.3.5. Đông Nam Bộ		
3.3.6. Duyên hải miền Trung		
<b>Phần lịch sử</b>		
<b>Chương 1: Khái quát lịch sử Việt Nam</b>	<b>5</b>	
1.1. Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến thế kỉ X		- Sinh viên lập sơ đồ tiến trình lịch sử Việt Nam.
1.2. Lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X đến năm 1858		
1.3. Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945		- Giảng viên hệ thống hóa kiến thức cho sinh viên.
1.4. Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay		
<b>Chương 2: Một số chuyên đề về lịch sử Việt Nam</b>	<b>10</b>	
<b>2.1. Thời cổ trung đại</b>		
2.1.1. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam		- Sinh viên thuyết trình.
2.1.2. Các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm dưới thời Phong kiến		- Giảng viên hệ thống hóa kiến thức.
2.1.3. Văn hóa Việt Nam thời Phong kiến		- Cho sinh viên làm tiểu luận về văn hóa thời PK.
<b>2.2. Thời cận đại</b>		
2.2.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1858 – 1884 và vai trò của Nhà Nguyễn		- <b>Sinh viên:</b> thảo luận về trách nhiệm của Nhà Nguyễn đối với việc mất nước.
2.2.2. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX		

2.2.3. Nguyễn Ái Quốc với việc thành lập Đảng và đấu tranh giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám		- Giảng viên giảng về phong trào Cần Vương, PT của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh.
2.2.4. Kinh tế, văn hóa Việt Nam thời Pháp thuộc		- Sinh viên tự nghiên cứu về mục 2.2.3 - Giảng viên giới thiệu về kinh tế, văn hóa Việt Nam thời Pháp thuộc
<b>2.3. Thời hiện đại</b>		
2.3.1. Hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)		Giảng viên giảng kết hợp với trao đổi, thảo luận.
2.3.2. Phong trào Đồng Khởi ở miền Nam		
2.3.3. Chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc		
2.3.4. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam		
2.3.5. Vấn đề chủ quyền biển đảo		Sinh viên thuyết trình
<b>2.4. Quá trình Nam tiến của dân tộc Việt Nam</b>		
2.4.1. Dưới thời Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê		Sinh viên thuyết trình
2.4.2. Dưới thời các Chúa Nguyễn		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê Văn Trường chủ biên (2007), *Tự nhiên – Xã hội và PPDH Tự nhiên – Xã hội*, tập 1, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2000), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Nhã (2014), *Những bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Đức Vũ (2007), *Hướng dẫn tự học Địa lí*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Vũ – Nguyễn Quý Thao – Trung Hải – Phí Công Việt (2008), *Sổ tay kiến thức địa lí ở Tiểu học*, Nxb Giáo dục.
3. Lương Ninh (Chủ biên) (2005), *Lịch sử Việt Nam giản yếu*, Nxb CTQG, Hà Nội.
4. Sơn Nam (2004), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Vũ Minh Giang (Chủ biên) (2006), *Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội.



## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

TS. Phạm Phúc Vĩnh

ThS. Nguyễn Kiên Quyết

**HỌC PHẦN**  
**CƠ SỞ TỰ NHIÊN - XÃ HỘI 2****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: CƠ SỞ TỰ NHIÊN XÃ HỘI 2
- Mã học phần: 815066
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học

**3. Mô tả học phần**

Gồm có 2 nội dung Sinh học và Khoa học. Trong phần Sinh học tìm hiểu về thực vật và động vật, cùng với những kiến thức về bệnh và tai nạn thường gặp ở trẻ Tiểu học. Phần Khoa học tìm hiểu về các vật chất quen thuộc trong khí quyển, trái đất và các nguồn năng lượng con người đang sử dụng.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Người học có những kiến thức về cấu tạo, sinh sản của các giới thực vật, động vật hiện có, những yếu tố của môi trường ảnh hưởng đến chúng. Kiến thức về các vật chất liên quan đến đời sống con người và các sinh vật khác như ánh sáng, nước, các chất khí, các kim loại, thủy tinh, đồ gốm và những nguồn năng lượng đang được con người sử dụng hiện nay.

**4.2. Về kĩ năng**

Áp dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống để bảo vệ thiên nhiên và sinh vật.

Áp dụng kiến thức trong dạy học các môn TNXH ở Tiểu học.

Kĩ năng làm việc nhóm và trình bày vấn đề.

**4.3. Về thái độ**

Có tình yêu thương và quý trọng thiên nhiên, muôn loài.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>PHẦN 1: SINH HỌC</b>		
<b>Chủ đề 1: Tìm hiểu về thực vật và động vật</b>		
<b>Bài 1: Tìm hiểu khái quát về giới thực vật</b>	<b>2</b>	GV trình bày nội dung kết hợp hỏi đáp sv
<b>1.1. Đặc điểm chung của giới thực vật</b>		
1.1.1. Đặc điểm về cấu tạo		
1.1.2. Đặc điểm về dinh dưỡng		
1.1.3. Đặc điểm thích nghi với đời sống trên cạn		
<b>1.2. Các ngành thực vật</b>		
1.2.1. Ngành rêu		
1.2.2. Ngành quyết		
1.2.3. Ngành hạt trần		
1.2.4. Ngành hạt kín		
<b>1.3. Vai trò của thực vật đối với tự nhiên và con người</b>		
1.3.1. Vai trò đối với tự nhiên		
1.3.2. Vai trò đối với con người		
<b>Bài 2: Tìm hiểu các cơ quan sinh dưỡng của thực vật</b>	<b>4</b>	Bài tập: SV sưu tầm lá thật để minh họa cho các dạng lá và cách đính lá GV trình bày nội dung kết hợp hỏi đáp sv. GV đưa những vấn đề chính, sv thảo luận nhóm và trình bày
<b>2.1. Lá cây</b>		
2.1.1. Hình thái lá		
2.1.2. Cách đính lá		
2.1.3. Biến thái lá		
2.1.4. Cấu trúc bên trong của lá		
<b>2.2. Thân cây</b>		
2.2.1. Hình thái của thân		
2.2.2. Biến dạng của thân		
2.2.3. Cấu tạo giải phẫu của thân		
<b>2.3. Rễ cây</b>		
2.3.1. Hình thái rễ		
2.3.2. Biến dạng của rễ		

2.3.3. Cấu tạo giải phẫu của rễ		
<b>Bài 3: Tìm hiểu sự sinh sản và các cơ quan sinh sản của thực vật</b>	2	GV trình bày nội dung kết hợp hỏi đáp sv. Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
<b>3.1. Các hình thức sinh sản ở thực vật</b>		
3.1.1. Sinh sản sinh dưỡng		
3.1.2. Sinh sản vô tính		
3.1.3. Sinh sản hữu tính		
<b>3.2. Cấu tạo cơ quan sinh sản ở thực vật hạt kín</b>		
3.2.1. Hoa		
3.2.2. Sự thụ phấn và thụ tinh		
<b>Bài 4: Tìm hiểu ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh đến đời sống thực vật</b>	2	Bài tập: trồng cây đậu và theo dõi sự tăng trưởng của cây trong những điều kiện khác nhau. Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
<b>4.1. Ảnh hưởng của ánh sáng</b>		
4.1.1. Sự phân bố và thành phần quang phổ của ánh sáng		
4.1.2. Ảnh hưởng của ánh sáng đến đời sống thực vật		
<b>4.2. Ảnh hưởng của nước</b>		
4.2.1. Vai trò của nước		
4.2.2. Quá trình hút và vận chuyển nước trong cây		
4.2.3. Sự thích nghi của TV đối với môi trường nước		
<b>4.3. Ảnh hưởng của không khí đến đời sống thực vật</b>		
<b>4.4. Ảnh hưởng của nhiệt độ đến đời sống thực vật</b>		
<b>Bài 5: Tìm hiểu khái quát về giới động vật</b>	2	GV trình bày kết hợp hỏi đáp SV. SV thảo luận nhóm làm bài tập
<b>5.1. Khái quát về giới động vật</b>		
<b>5.2. Tầm quan trọng của động vật</b>		
5.2.1. Đối với tự nhiên		
5.2.2. Đối với con người		
<b>Bài 6: Tìm hiểu ảnh hưởng của các nhân tố vô sinh lên đời sống của ĐV và sự thích nghi của chúng</b>	2	Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
<b>6.1. Ảnh hưởng của ánh sáng</b>		
<b>6.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ</b>		
<b>6.3. Ảnh hưởng của nước và độ ẩm</b>		
<b>6.4. Ảnh hưởng của không khí</b>		
<b>Bài 7: Các hình thức sinh sản ở động vật</b>	2	GV trình bày kết hợp

<b>7.1. Sinh sản vô tính</b>		hỏi đáp SV Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
<b>7.2. Sinh sản sinh dưỡng</b>		
7.2.1. Sự nảy chồi		
7.2.2. Sự tái sinh		
<b>7.3. Sinh sản hữu tính</b>		
7.3.1. Khái niệm		
7.3.2. Giao tử		
7.3.3. Sự thụ tinh		
<b>Chủ đề 2: Nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh và tai nạn thường gặp ở học sinh Tiểu học</b>		
<b>Bài 1: Tìm hiểu khái niệm sức khỏe</b>		
<b>1.1. Khái niệm sức khỏe</b>	<b>1</b>	GV trình bày kết hợp hỏi đáp SV
<b>1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe con người</b>		
1.2.1. Yếu tố di truyền		
1.2.2. Môi trường tự nhiên		
1.2.3. Môi trường xã hội		
1.2.4. Tập quán, lối sống		
<b>Bài 2: Tìm hiểu các bệnh thường gặp ở học sinh Tiểu học và cách phòng tránh</b>		
<b>2.1. Bệnh truyền nhiễm đường hô hấp</b>	<b>2</b>	Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
<b>2.2. Bệnh truyền nhiễm đường máu</b>		
<b>2.3. Bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa</b>		
<b>Bài 3: Tìm hiểu các tai nạn thường gặp ở học sinh Tiểu học và cách phòng tránh</b>		
<b>3.1. Nguyên tắc chung khi sơ cứu các tai nạn</b>	<b>2</b>	GV trình bày kết hợp hỏi đáp SV. SV thực hành sơ cứu các tai nạn.
<b>3.2. Nguyên nhân, cách xử lý và phòng tránh một số tai nạn thường gặp ở học sinh Tiểu học</b>		
3.2.1. Ngộ độc		
3.2.2. Phỏng		
3.2.3. Gãy xương		
3.2.4. Ngộ nước		
<b>Phần 2: Khoa học</b>		
<b>Bài 1: Vật chất</b>		
<b>1.1. Tìm hiểu về nước và tầm quan trọng của</b>	<b>2</b>	Nhóm trình bày nội

<b>nước</b>		dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
1.1.1. Cấu trúc của phân tử nước		
1.1.2. Một số tính chất và hằng số vật lí quan trọng của nước		
1.1.3. Tầm quan trọng của nước		
1.1.4. Tài nguyên nước và các nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước		
<b>1.2. Tìm hiểu vai trò và đặc điểm của khí quyển, ánh sáng, âm thanh</b>	<b>2</b>	Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
1.2.1. Khí quyển		
1.2.2. Ánh sáng		
1.2.3. Âm thanh		
<b>1.3. Tìm hiểu một số kim loại thông dụng</b>	<b>1</b>	GV trình bày kết hợp hỏi đáp SV
1.3.1. Sắt		
1.3.2. Đồng		
1.3.3. Nhôm		
<b>1.4. Những hiểu biết về thủy tinh, đồ gốm và vật liệu thông dụng khác</b>	<b>2</b>	Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
1.3.3. Thủy tinh		
1.3.4. Đồ gốm		
1.3.5. Xi măng		
<b>Bài 2: Năng lượng</b>		
<b>2.1. Tìm hiểu về các nguồn năng lượng</b>	<b>2</b>	Nhóm trình bày nội dung đã được phân công. Các nhóm còn lại nhận xét và góp ý. GV chốt lại nội dung chính
2.1.1. Năng lượng		
2.1.2. Các nguồn năng lượng		
<b>2.2. Các nguồn năng lượng sạch (không gây ô nhiễm môi trường)</b>		
2.2.1. Năng lượng mặt trời		
2.2.2. Năng lượng gió		
2.2.3. Năng lượng nước chảy		
2.2.4. Năng lượng thủy triều		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê Văn Trường (chủ biên), Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Song Hoan, Nguyễn Tuyết Nga, Nguyễn Văn Thoại, Nguyễn Kim Tiến, Nguyễn Quốc Tuấn (2006), Tự nhiên Xã hội và Phương pháp dạy học Tự nhiên Xã hội, NXB Giáo dục.

2. W.D.Phillips, T.J. Chilton (2007), Sinh học, NXB Giáo dục.

3. Vũ Thị Thanh Bình (chủ biên), Đinh Quang Báo (2008), Giáo trình Sinh học, NXB Đại học Sư phạm.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài tập: 2

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;

- Điểm thuyết trình trên lớp: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt

**HỌC PHẦN**  
**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần:

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VÀ GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

- Mã học phần: 863007

- Số tín chỉ: 3

- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0)

- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên- Xã hội và PPDH

**3. Mô tả học phần:**

- Kiến thức cơ bản về quá trình dạy học và giáo dục ở trường tiểu học: tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học; giáo viên chủ nhiệm trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.

- Vận dụng những kiến thức trên vào việc tổ chức một hoạt động dạy học và giáo dục, sinh hoạt chủ nhiệm, vận dụng linh hoạt những phương pháp dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Nắm được các kiến thức cơ bản: khái niệm, nhiệm vụ, động lực, đặc điểm của quá trình dạy học và giáo dục; nguyên tắc, nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục; nêu được vị trí, chức năng và nội dung, phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp ở tiểu học.

4.2. Về kĩ năng:

- Biết vận dụng lý thuyết đã học (nguyên tắc, phương pháp) vào thực tiễn tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

- Biết tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục phù hợp đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Biết tổ chức, quản lý lớp học với vai trò là người giáo viên chủ nhiệm lớp.

4.3. Về thái độ



- Bồi dưỡng lòng yêu nghề, hứng thú học tập và rèn luyện tình thương yêu trẻ.
- Có tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo và hợp tác trong học tập và nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Chuẩn bị tâm thế sẵn sàng làm giáo viên ở trường tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Tổ chức hoạt động dạy học ở tiểu học</b>	<b>20</b>	Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, sắm vai
<b>1.1. Quá trình dạy học ở tiểu học</b>		
1.1.5. Khái niệm về quá trình dạy học		
1.1.6. Cấu trúc của quá trình dạy học		
1.1.7. Các nhiệm vụ của quá trình dạy học		
1.1.8. Bản chất của quá trình dạy học tiểu học		
1.1.9. Động lực của quá trình dạy học tiểu học		
1.1.10. Logic của quá trình dạy học tiểu học		
<b>1.2. Nguyên tắc dạy học ở tiểu học</b>		
1.2.1. Khái niệm về nguyên tắc dạy học		
1.2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học		
<b>1.3. Nội dung dạy học ở trường tiểu học</b>		
1.3.1. Khái niệm về nội dung dạy học		
1.3.2. Các nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng nội dung dạy học		
1.3.3. Kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa và tài liệu dạy học khác ở tiểu học		
1.3.4. Xu hướng xây dựng nội dung dạy học		
<b>1.4. Phương pháp dạy học ở tiểu học</b>		
1.4.1. Khái niệm về phương pháp dạy học		
1.4.2. Hệ thống các phương pháp dạy học		
1.4.3. Lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học		
<b>1.5. Hình thức tổ chức dạy học ở trường tiểu học</b>		
1.5.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học		
1.5.2. Các hình thức tổ chức dạy học ở tiểu học		
<b>Chương 2. Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường tiểu học</b>	<b>15</b>	Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, thảo luận
<b>2.1. Hoạt động giáo dục</b>		
2.1.1. Khái niệm về hoạt động giáo dục		

2.1.2. Cấu trúc hoạt động giáo dục		nhóm, sắm vai
2.1.3. Đặc điểm của hoạt động giáo dục tiểu học		
2.1.4. Bản chất của hoạt động giáo dục		
2.1.5. Động lực của hoạt động giáo dục		
2.1.6. Logic của hoạt động giáo dục		
<b>2.2. Nguyên tắc giáo dục</b>		
2.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của nguyên tắc giáo dục		
2.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục		
<b>2.3. Nội dung giáo dục</b>		
2.3.1. Giáo dục đạo đức ở tiểu học		
2.3.2. Giáo dục lao động ở tiểu học		
2.3.3. Giáo dục thể chất ở tiểu học		
<b>2.4. Phương pháp giáo dục</b>		
2.4.1. Khái niệm và phân loại phương pháp giáo dục		
2.4.2. Các phương pháp giáo dục		
2.4.3. Lựa chọn và vận dụng các phương pháp giáo dục		
<b>Chương 3. Giáo viên chủ nhiệm trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học</b>	<b>10</b>	Thuyết trình, Giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, luyện tập
<b>3.1. Vị trí và chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp</b>		
3.1.1. Vị trí của giáo viên chủ nhiệm lớp		
3.1.2. Chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp		
<b>3.2. Nhiệm vụ, nội dung và phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp</b>		
3.2.1. Nghiên cứu, nắm vững tình hình học sinh		
3.2.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ lớp		
3.2.3. Thiết lập các mối quan hệ trong tập thể		
3.2.4. Tổ chức các hoạt động đa dạng cho tập thể học sinh		
3.2.5. Phối hợp với các lực lượng giáo dục khác		
<b>3.3. Những yêu cầu đối với giáo viên chủ nhiệm lớp</b>		
3.3.1. Chuyên môn		
3.3.2. Năng lực		
3.3.3. Phẩm chất		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hữu Hợp (2015), *Lí luận dạy học tiểu học*, NXB ĐHSP.
2. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Hợp (2011), *Giáo dục học tiểu học 2*, NXB ĐHSP.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2012), *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hoà (2008), *Giáo dục học tiểu học 1*, NXB ĐHSP.
3. Trần Thị Hương (chủ biên), Hồ Văn Liên, Võ Thị Hồng Trước, Nguyễn Đắc Thanh (2014), *Giáo trình giáo dục học phổ thông*, NXB ĐHSP TP.HCM.
4. Trần Thị Hương (2012), *Bài tập thực hành giáo dục học phổ thông*, NXB ĐHSP TP.HCM.
5. Trần Thị Hương (2012), *Dạy học tích cực*, NXB ĐHSP TP.HCM.
6. Nguyễn Dục Quang, Lê Thanh Sử, Nguyễn Thị Ki (2000), *Những tình huống giáo dục học sinh của người giáo viên chủ nhiệm*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Bùi Thị Kim Trúc  
ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

**HỌC PHẦN  
 ÂM NHẠC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Âm nhạc**
- Mã học phần: **815105**
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tổ lý luận & Nhạc cụ

**3. Mô tả học phần**

Trang bị cho sinh viên kiến thức về lý thuyết âm nhạc cơ bản – Môn học nền tảng đầu tiên để tạo điều kiện cho sinh viên học tiếp tất cả các môn âm nhạc tiếp theo như: ký - xướng âm, thanh nhạc, nhạc cụ, hình thức âm nhạc, hòa âm, phân tích tác phẩm âm nhạc ...

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Hiểu biết về bản chất của âm thanh. Phương pháp ghi âm bằng nốt. Tiết tấu và nhịp. Quãng. Điều thức và giọng. Quãng ở các giọng trưởng và thứ. Hợp âm. Các điệu thức trong âm nhạc dân gian. Tính chất họ hàng của các giọng. Xác định giọng, dịch giọng. Chuyển giọng. Giai điệu. Âm tô điểm. Ký hiệu một số thủ pháp biểu diễn. Thuật ngữ âm nhạc.

4.2. Về kỹ năng

Thực hành ứng dụng luyện tai nghe, xướng nốt, quãng, vỗ tiết tấu, phách, nhịp...nhận biết nhanh các ký hiệu giọng, điệu, thể hiện sắc thái tình cảm thông qua những phương tiện biểu hiện ngôn ngữ âm nhạc, phân tích được các đoạn nhạc ngắn, ứng dụng thực tiễn vào môn học ký, xướng âm, thanh nhạc và nhạc cụ...

4.3. Về thái độ

Luôn dự giờ và làm đầy đủ bài tập ở trên lớp và bài tập về nhà...

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Cao độ của âm thanh</b>	<b>5</b>	
1.1. Khái niệm về âm thanh và âm nhạc		Giảng, nghe, thực hành các ví dụ và bài tập
1.2. Hệ thống âm thanh trong âm nhạc – tên gọi của các bậc		
1.3. Các cách ký hiệu		
1.4. Hệ thống bình quân – Cung và nửa cung – Các bậc chuyển hóa		Thực hành các bài tập
<b>Chương 2. Trường độ của âm thanh</b>	<b>5</b>	
2.1. Ký hiệu trường độ		Giảng, nghe, thực hành các ví dụ và bài tập
2.2. Tiết tấu		
2.3. Nhịp – các loại nhịp		
2.4. Đảo phách và nghịch phách		
2.5. Các dấu nhắc lại		
2.6 Nhịp độ		
<b>Chương 3. Quãng</b>	<b>5</b>	
3.1. Khái niệm chung về quãng		Giảng, nghe, thực hành các ví dụ và bài tập
3.2. Các quãng cơ bản – Quãng Diatonic		
3.3. Quãng tăng – Quãng giảm – Quãng Cromatic		
3.4. Đảo quãng		
3.5. Trùng quãng		
<b>Chương 4. Điệu thức – Giọng</b>	<b>5</b>	
4.1. Điệu thức – âm ô định và âm không ổn định		Giảng, nghe, thực hành các ví dụ và bài tập
4.2. Điệu thức trưởng – Gam trưởng		
4.3. Điệu thức – Gam thứ		
4.4. Giới thiệu một số điệu thức 5 âm		
4.5. Trùng giọng		
<b>Chương 5 : Quan hệ họ hàng giữa các giọng</b>	<b>5</b>	
<b>5.1. Phân loại họ hàng giữa các giọng</b>		Giảng, nghe, thực hành các ví dụ và bài tập
5.1.1 Quan hệ song song		
5.1.2 Quan hệ cùng tên		

5.1.3 Quan hệ họ hàng gần		
<b>5.1 Chuyển giọng</b>		
5.2.1 Chuyển giọng		
5.2.2 Chuyển giọng tạm		
<b>5.3 Dịch giọng</b>		
5.3.1 Dịch giọng theo một quãng đã định		
5.3.2 Dịch giọng bằng cách thay đổi dấu hóa ở hóa biểu		
<b>5.4 Giới thiệu một số điệu thức năm âm</b>		
<b>5.5 Một số dạng âm tô điểm</b>		
<b>5.6 Bài tập</b>		
<b>Chương 6 :Hợp âm</b>	<b>5</b>	Giảng, nghe, thực hành các ví dụ và bài tập
<b>6.1 Hợp âm ba</b>		
6.1.1 Khái niệm về chồng âm và hợp âm		
6.1.2 Hợp âm ba trưởng		
6.1.3 Hợp âm ba thứ		
6.1.4 Các thể đảo của hợp âm ba		
6.1.5 Các hợp âm ba chính của giọng trưởng và giọng thứ		
6.1.6 Sự liên kết các hợp âm ba chính		
6.1.7 Các hợp âm ba phụ của giọng trưởng và giọng thứ		
6.1.8 Bài tập		
<b>6.2 Hợp âm bảy</b>		
6.2.1 Các loại hợp âm bảy		
6.2.2 Hợp âm bảy át và các thể đảo		
6.2.3 Cách giải quyết hợp âm bảy át		
6.2.4 Bài tập		



**HỌC PHẦN  
 MỸ THUẬT**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: MỸ THUẬT
- Mã học phần: 815106
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Bộ môn Mỹ thuật

**3. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Sư phạm Tiểu học một số kiến thức cơ bản và cần thiết nhất về Mỹ Thuật. Từ những kiến thức này, khi học Phương pháp dạy học Mỹ Thuật sinh viên có thể dạy tốt môn Mỹ Thuật ở cấp Tiểu học khi ra trường.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Sinh viên nắm được một số kiến thức cơ bản và phương pháp vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, và tập nặn tạo dáng.

- Sinh viên tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Mỹ Thuật và tranh vẽ của thiếu nhi.

4.2. Về kỹ năng

- Sinh viên có kỹ năng thể hiện được các bài vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng.

- Sinh viên có kỹ năng phân tích và trình bày được các giá trị của một tác phẩm Mỹ Thuật.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc, hình thành được thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn. Biết thưởng thức, cảm thụ cái đẹp của tự nhiên và các tác phẩm Mỹ Thuật.



## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Vẽ theo mẫu</b>	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thảo luận
<b>1.1. Những kiến thức chung</b>		
1.1.1. Luật xa gần		
1.1.2. Khái niệm vẽ theo mẫu		
1.1.3. Ngôn ngữ tạo hình của vẽ theo mẫu		
1.1.4. Các chất liệu		
1.1.5. Dụng cụ học tập vẽ theo mẫu		
<b>1.2. Vẽ đồ vật đen trắng</b>		
1.2.1. Vai trò của vẽ đồ vật đen trắng		
1.2.2. Vẽ theo mẫu đơn giản		
<b>1.3. Vẽ tĩnh vật màu</b>		
1.3.1. Tìm hiểu về vẽ tĩnh vật màu		
1.3.2. Vẽ tĩnh vật màu		
<b>Chương 2. Vẽ trang trí</b>	10	
<b>2.1. Những kiến thức chung</b>		
2.1.1. Khái niệm về trang trí		
2.1.2. Các thể loại trang trí		
<b>2.2. Màu sắc</b>		
2.2.1. Khái niệm về màu sắc		
2.2.2. Quy luật của màu sắc		
<b>2.3. Chép vốn cổ dân tộc</b>		
2.3.1. Sưu tầm, tìm hiểu họa tiết vốn cổ dân tộc		
2.3.2. Phương pháp chép họa tiết		
<b>2.4. Trang trí các hình cơ bản</b>		
2.4.1. Tìm hiểu về trang trí cơ bản		
2.4.2. Phương pháp tiến hành bài trang trí cơ bản		
<b>Chương 3. Vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng</b>	10	
<b>3.1. Những kiến thức chung</b>		
3.1.1. Khái niệm về vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng		
3.1.2. Ngôn ngữ của hội họa và điêu khắc		
3.1.3. Vai trò của vẽ tranh, tập nặn và tạo dáng		
3.1.4. Các chất liệu, thể loại trong hội họa và điêu khắc		
3.1.5. Phương pháp vẽ tranh		

<b>3.2. Tập nặn và tạo dáng</b>		Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point, hình ảnh), thảo luận
3.2.1. Đồ dùng học tập		
3.2.2. Phương pháp tiến hành nặn và tạo dáng		
3.2.3. Nặn tạo dáng hoa quả, động vật, người		
3.2.4. Phương pháp chép phù điêu đơn giản		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Triệu Khắc Lễ (2001), *Hình họa và điêu khắc*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
2. Đàm Luyện (2004), *Bố cục*, NXB Đại Học Sư Phạm, Hà Nội
3. Nguyễn Quốc Toàn (2007), *Mỹ Thuật và Phương pháp dạy học Mỹ Thuật*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Thị Nhung, Phạm Ngọc Tới (1998), *Giáo trình Trang Trí*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Trần (2005), *Các thể loại và loại hình Mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Thanh

**HỌC PHẦN  
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Phương pháp dạy học âm nhạc**
- Mã học phần: **815075**
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Âm nhạc
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tổ lý luận & Nhạc cụ

**3. Mô tả học phần**

- Xác định vai trò giáo dục của âm nhạc, đối với học sinh tiểu học
- Phân tích, đánh giá được những phương pháp dạy học âm nhạc, hiểu biết về nội dung chương trình.
- Tổ chức các giờ học và các hoạt động âm nhạc ngoài giờ ở trường tiểu học
- Giúp sinh viên có lòng yêu nghề, có trách nhiệm với việc dạy học âm nhạc
- Năng động sáng tạo tiếp nhận những thông tin mới trong việc dạy học âm nhạc

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức:**

Nắm vững nhạc lý, tập đọc nhạc, dạy hát, sử dụng đàn Organ cơ bản, phương pháp dạy nhạc cho học sinh Tiểu học.

**4.2. Về kỹ năng:**

Hát chuẩn cao độ, tình cảm, nội dung từng bài hát, trong chương trình dạy nhạc của học sinh Tiểu học

**4.3. Về thái độ:**

Luôn yêu thích, tìm tòi học hỏi, có ý thức với việc dạy hát cho học sinh Tiểu học.

Phát huy vai trò của âm nhạc trong việc giáo dục học sinh Tiểu học

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chủ đề 1</b></p> <p><b>Một số vấn đề chung</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định vai trò giáo dục của âm nhạc đối với học sinh tiểu học.               <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1 Thông tin cho hoạt động</li> <li>1.2 Mục đích của môn âm nhạc ở tiểu học.</li> </ol> </li> <li>2. Tìm hiểu đặc điểm của âm nhạc của học sinh tiểu học               <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1 Thông tin</li> <li>2.2 Nhiệm vụ</li> </ol> </li> </ol>	3	- Trình bày lý thuyết
<p><b>Chủ đề 2</b></p> <p><b>Phương pháp dạy học hát.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định mục đích yêu cầu dạy hát cho học sinh tiểu học.               <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1 Mục đích dạy hát</li> <li>1.2 Yêu cầu dạy hát</li> </ol> </li> <li>2. Phương pháp và các bước dạy hát cho học sinh tiểu học.               <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1. Phương pháp dạy hát.</li> <li>2.2. Các bước tiến hành.</li> </ol> </li> </ol>	8	- Lý thuyết - Sinh viên thực hành
<p><b>Chủ đề 3</b></p> <p><b>Phương pháp dạy phát triển khả năng âm nhạc.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mục đích, yêu cầu của việc dạy học sinh nghe nhạc               <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1 Mục đích</li> <li>1.2 Yêu cầu</li> </ol> </li> <li>2. Xác định các bước và sử dụng phương tiện dạy học sinh nghe nhạc               <ol style="list-style-type: none"> <li>2.1 Các bước dạy nghe nhạc</li> <li>2.2 Sử dụng thiết bị phương tiện dạy học sinh nghe nhạc</li> </ol> </li> </ol>	6	- Lý thuyết -Sinh viên thực hành
<p><b>Chủ đề 4</b></p> <p><b>Phương pháp dạy tập đọc nhạc.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xác định mục đích, yêu cầu dạy học sinh tiểu học tập đọc nhạc</li> </ol>	6	- Lý thuyết - Sinh viên thực hành



**HỌC PHẦN  
 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MỸ THUẬT
- Mã học phần: 815078
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Mỹ Thuật (815106)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Bộ môn Mỹ thuật

**3. Mô tả học phần**

Trang bị cho sinh viên hệ thống lý luận về phương pháp dạy- học môn mỹ thuật ở Tiểu học. Rèn luyện kỹ năng soạn giáo án và giảng dạy môn Mỹ thuật. Sau khi học xong sinh viên nắm được phương pháp dạy- học mỹ thuật ở Tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được phương pháp dạy- học mỹ thuật ở Tiểu học
- Hiểu biết phương pháp dạy- học mỹ thuật theo hướng phát huy tính tự giác, tích cực học tập của người học.

4.2. Về kỹ năng

- Thiết kế được bài dạy mỹ thuật và thực hiện các thao tác thực hành sư phạm. Có kỹ năng giảng dạy vẽ theo mẫu, vẽ trang trí, vẽ theo đề tài và tập nặn tạo dáng.
- Tổ chức, thực hiện được các hoạt động dạy- học nội, ngoại khóa về mỹ thuật ở bậc Tiểu học.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên có thái độ làm việc nghiêm túc.
- Yêu thích và hứng thú trong việc dạy- học Mỹ thuật
- Chủ động, sáng tạo trong việc dạy học Mỹ thuật.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Môn Mỹ thuật ở trường Tiểu học</b>	4	
<b>1.1 Mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình dạy- học môn Mỹ thuật ở trường Tiểu học</b>		
1.1.1 Mục tiêu		
1.1.2 Nhiệm vụ		
1.1.3 Chương trình Mỹ thuật Tiểu học		
1.1.4 Nội dung cơ bản của môn Mỹ thuật ở trường Tiểu học		
1.1.5 Sách giáo khoa, sách giáo viên môn Mỹ thuật		
<b>1.2 Mối quan hệ giữa nội dung, phương pháp và đối tượng dạy- học</b>		
1.2.1 Khái niệm		
1.2.2 Mối quan hệ giữa nội dung, phương pháp và đối tượng dạy- học		
<b>Chương 2: Phương pháp dạy- học Mỹ thuật ở trường Tiểu học</b>	8	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point), thảo luận, hoạt động nhóm
<b>2.1 Lý luận chung về phương pháp dạy- học Mỹ thuật</b>		
<b>2.2 Các phương pháp dạy- học Mỹ thuật</b>		
2.2.1 Phương pháp quan sát		
2.2.2 Phương pháp trực quan		
2.2.3 Phương pháp gợi mở		
2.2.4 Phương pháp luyện tập		
2.2.5 Dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ		
2.2.6 Dạy- học tích hợp		
2.2.7 Biện pháp phát huy tính tích cực trong học tập của học sinh		
2.2.8 Biện pháp phát huy khả năng sáng tạo của học sinh		
2.2.9 Biện pháp dạy- học mang tính vui chơi		
<b>Chương 3: Phương pháp dạy- học các phân môn</b>	8	
3.1 Phương pháp dạy- học vẽ theo mẫu		
3.2 Phương pháp dạy- học vẽ trang trí		
3.3 Phương pháp dạy- học vẽ tranh		
3.4 Phương pháp dạy- học tập nặn tạo dáng		

3.5 Phương pháp dạy- học thường thức mỹ thuật		
<b>Chương 4: Thực hành sư phạm</b>		
<b>4.1 Cách chuẩn bị đồ dùng dạy- học và khai thác nội dung bài dạy</b>		
4.1.1 Đồ dùng dạy- học		
4.1.2 Tác dụng của đồ dùng dạy- học		
4.1.3 Các loại đồ dùng dạy- học		
4.1.4 Chuẩn bị đồ dùng dạy- học		
4.1.5 Khai thác nội dung bài dạy		
<b>4.2 Cách thiết kế bài dạy môn Mỹ thuật ở trường Tiểu học</b>		
4.2.1 Thiết kế bài dạy		
4.2.2 Những yêu cầu cơ bản của việc thiết kế bài dạy		
4.2.3 Phương pháp lập thiết kế bài dạy		
4.2.4 Cấu trúc thiết kế bài dạy	10	Thuyết trình, minh họa bằng (Power Point), thảo luận, hoạt động nhóm
<b>4.3 Phương pháp tổ chức các hoạt động ngoại khóa mỹ thuật ở trường Tiểu học</b>		
4.3.1 Các hình thức hoạt động ngoại khóa		
4.3.2 Phương pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa ngoài trường học		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

5. Nguyễn Lăng Bình (2005), *Mỹ Thuật và Phương pháp dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Nguyễn Quốc Toàn, Tuấn Nguyễn Bình, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Võ Quốc Thạch (2007), *Mỹ Thuật và Phương pháp dạy học Mỹ Thuật*, NXBGiáo Dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

2. Bạch Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Hạnh, Đàm Luyện, Bùi Đỗ Thuật, Nguyễn Đức Toàn, Nguyễn Quốc Toàn (1998), *Nghệ Thuật lớp 1.2.3 và Mỹ Thuật lớp 4.5- Sách Giáo viên*, NXBGiáo Dục, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì



7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Thanh

**HỌC PHẦN**  
**THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 1
- Mã học phần: 815306
- Số tín chỉ: 2 (2; 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 10; 10; 10)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30 sv/nhóm

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và Phương pháp dạy học;

Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học;

Tự nhiên xã hội và Phương pháp dạy học.

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến các hoạt động:

- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động của các bộ phận trong nhà trường tiểu học.
- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động cơ bản của từng bộ phận trong một lớp học ở Khối lớp 1.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động Giáo dục học sinh Lớp 1 ở trường Tiểu học.
- Tìm hiểu các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh Lớp 1 và tham gia dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy (theo nhiều môn học) ở Khối lớp 1.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Học phần giúp sinh viên:

- Biết được cơ cấu, tổ chức trường, lớp (đặc biệt Khối lớp 1) ở trường tiểu học.
- Nắm bắt và hiểu được những hoạt động trong thực tiễn của giáo viên khi tham gia giáo dục và giảng dạy học sinh Khối lớp 1.

- Nắm bắt và hiểu được những đặc điểm của học sinh Khối lớp 1 khi tham gia hoạt động giáo dục và học tập.

#### 4.2. Về kĩ năng

Bước đầu giúp sinh viên có kĩ năng giao tiếp với giáo viên, học sinh ở trường tiểu học; Kĩ năng lập kế hoạch thực hiện hoạt động Giáo dục và Dạy học cho học sinh lớp 1.

#### 4.3. Về thái độ

Sinh viên tích cực, chủ động, linh hoạt trong mọi công việc.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Cơ cấu, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong nhà trường tiểu học</b>	<b>5</b>	
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của trường tiểu học	2	- Khoa GDTH cử một giảng viên phụ trách đoàn và đưa sinh viên xuống trường tiểu học.
1.2. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận trong hệ thống quản lí nhà trường	3	
<b>Chương 2. Cơ cấu, tổ chức khối, lớp 1 và chức năng nhiệm vụ</b>	<b>5</b>	- Sau khi được phân công xuống lớp cụ thể, sinh viên sẽ làm việc theo sự hướng dẫn của giáo viên trường tiểu học.
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của khối, lớp 1	2	
1.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận	3	
<b>Chương 3. Tìm hiểu các hoạt động giáo dục học sinh lớp 1</b>	<b>25</b>	- Việc đánh giá sinh viên do giáo viên ở trường tiểu học đánh giá. - Việc đánh giá được thể hiện thông qua các mặt: Tinh thần, thái độ, chấp hành nội qui; Hiệu quả công việc được giao; sổ nhật kí (kế hoạch thực tế, các hoạt động đã tham gia...).
3.1. Tìm hiểu các văn bản, thông tư liên quan đến hoạt động giáo dục và dạy học học sinh Khối lớp 1		
3.2. Tìm hiểu các sổ sách cần phải thực hiện của giáo viên Khối lớp 1		
3.3. Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm lớp		
3.4. Tìm hiểu các hoạt động ngoài trời của học sinh Khối lớp 1		
3.5. Tìm hiểu phương pháp giáo dục và quản lí học sinh Khối lớp 1		
<b>Chương 4. Tìm hiểu các hoạt động dạy học học sinh lớp 1</b>	<b>25</b>	
4.1. Tìm hiểu tình hình dạy học cả hai buổi các môn học ở		

lớp 1		
4.2. Tham gia hoạt động dự giờ học sinh lớp 1 (Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên xã hội,...)		
4.3. Tham gia làm đồ dùng dạy học cho học sinh lớp 1		
4.4. Tìm hiểu hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì kết quả học tập của học sinh lớp 1		
4.5. Nghiên cứu các tình huống sư phạm và cách xử lí (nếu có)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo khoa Toán 1*, NXB Giáo dục.
2. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo viên Toán 1*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đỗ Trung Hiệu – Đỗ Đình Hoan – Vũ Dương Thụy – Vũ Quốc Chung (2008), *Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
2. Nguyễn Bá Kim (2002), *Phương pháp dạy học môn toán*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Điểm học phần: Là điểm trung bình chung của tất cả các bài tập, bài thảo luận, bài thực hành ở trường tiểu học.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phạm Thị Thanh Tú

**HỌC PHẦN**  
**THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 2
- Mã học phần: 815307
- Số tín chỉ: 2 (2; 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 10; 10; 10)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30 sv/nhóm

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và Phương pháp dạy học;

Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học;

Tự nhiên xã hội và Phương pháp dạy học.

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến các hoạt động:

- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động của các bộ phận trong nhà trường tiểu học.
- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động cơ bản của từng bộ phận trong một lớp học ở Khối lớp 2,3.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động Giáo dục học sinh lớp 2 và lớp 3 ở trường Tiểu học.
- Tìm hiểu các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh lớp 2, lớp 3 và tham gia dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy (theo nhiều môn học) ở Khối lớp 2, 3.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Học phần giúp sinh viên:

- Biết được cơ cấu, tổ chức trường, lớp (đặc biệt Khối lớp 2, 3) ở trường tiểu học.

- Nắm bắt và hiểu được những hoạt động trong thực tiễn của giáo viên khi tham gia giáo dục và giảng dạy học sinh Khối lớp 2, 3.

- Nắm bắt và hiểu được những đặc điểm của học sinh Khối lớp 2, 3 khi tham gia hoạt động giáo dục và học tập.

#### 4.2. Về kỹ năng

Bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng giao tiếp với giáo viên, học sinh ở trường tiểu học; có kỹ năng lập kế hoạch thực hiện hoạt động Giáo dục và Dạy học cho học sinh lớp 2, 3.

#### 4.3. Về thái độ

Sinh viên tích cực, chủ động, linh hoạt trong mọi công việc.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Cơ cấu, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong nhà trường tiểu học</b>	<b>5</b>	
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của trường tiểu học	2	- Khoa GDTH cử một giảng viên phụ trách đoàn và đưa sinh viên xuống trường tiểu học.
1.2. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận trong hệ thống quản lý nhà trường	3	
<b>Chương 2. Cơ cấu, tổ chức khối, lớp 2, 3 và chức năng nhiệm vụ</b>	<b>5</b>	- Sau khi được phân công xuống lớp cụ thể, sinh viên sẽ làm việc theo sự hướng dẫn của giáo viên trường tiểu học.
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của khối, lớp 2 và lớp 3	2	- Việc đánh giá sinh viên do giáo viên ở trường tiểu học đánh giá.
1.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận	3	
<b>Chương 3. Tìm hiểu các hoạt động giáo dục học sinh lớp 2, 3</b>	<b>25</b>	
3.1. Tìm hiểu các văn bản, thông tư liên quan đến hoạt động giáo dục và dạy học học sinh Khối lớp 2, 3		
3.2. Tìm hiểu các sổ sách cần phải thực hiện của giáo viên Khối lớp 2, 3		
3.3. Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm lớp học sinh khối 2, 3		
3.4. Tìm hiểu các hoạt động ngoài trời của học sinh Khối lớp 2, 3		
3.5. Tìm hiểu phương pháp giáo dục và quản lý học sinh Khối lớp 2, 3		

<b>Chương 4. Tìm hiểu các hoạt động dạy học học sinh lớp 2, 3</b>	<b>25</b>	được giao; sổ nhật kí (kế hoạch thực tế, các hoạt động đã tham gia...).
4.1. Tìm hiểu tình hình dạy học cả hai buổi các môn học ở lớp 2, 3		
4.2. Tham gia hoạt động dự giờ khối lớp 2, 3 (Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên xã hội,...)		
4.3. Tham gia làm đồ dùng dạy học cho học sinh lớp 2, 3		
4.4. Tìm hiểu hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì kết quả học tập của học sinh lớp 2, 3		
4.5. Nghiên cứu các tình huống sư phạm và cách xử lí (nếu có)		

## **6. Tài liệu học tập**

### 6.1. Tài liệu chính

3. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo khoa Toán 2, Toán 3*, NXB Giáo dục.
4. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo viên Toán 2, Toán 3*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đỗ Trung Hiệu – Đỗ Đình Hoan – Vũ Dương Thụy – Vũ Quốc Chung (2008), *Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
2. Nguyễn Bá Kim (2002), *Phương pháp dạy học môn toán*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Điểm học phần: Là điểm trung bình chung của tất cả các bài tập, bài thảo luận, bài thực hành ở trường tiểu học..

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phạm Thị Thanh Tú

**HỌC PHẦN**  
**THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 3
- Mã học phần: 815308
- Số tín chỉ: 2 (2; 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 10; 10; 10)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30 sv/nhóm

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và Phương pháp dạy học;

Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học;

Tự nhiên xã hội và Phương pháp dạy học.

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến các hoạt động:

- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động của các bộ phận trong nhà trường tiểu học.
- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động cơ bản của từng bộ phận trong một lớp học ở Khối lớp 4.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động Giáo dục học sinh Lớp 4 ở trường Tiểu học.
- Tìm hiểu các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh Lớp 4 và tham gia dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy (theo nhiều môn học) ở Khối lớp 4.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Học phần giúp sinh viên:

- Biết được cơ cấu, tổ chức trường, lớp (đặc biệt Khối lớp 4) ở trường tiểu học.
- Nắm bắt và hiểu được những hoạt động trong thực tiễn của giáo viên khi tham gia giáo dục và giảng dạy học sinh Khối lớp 4.



- Nắm bắt và hiểu được những đặc điểm của học sinh Khối lớp 4 khi tham gia hoạt động giáo dục và học tập.

#### 4.2. Về kĩ năng

Bước đầu giúp sinh viên có kĩ năng giao tiếp với giáo viên, học sinh ở trường tiểu học; Kĩ năng lập kế hoạch thực hiện hoạt động Giáo dục và Dạy học cho học sinh lớp 4.

#### 4.3. Về thái độ

Sinh viên tích cực, chủ động, linh hoạt trong mọi công việc.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Cơ cấu, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong nhà trường tiểu học</b>	<b>5</b>	
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của trường tiểu học	2	- Khoa GDTH cử một giảng viên phụ trách đoàn và đưa sinh viên xuống trường tiểu học.
1.2. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận trong hệ thống quản lí nhà trường	3	
<b>Chương 2. Cơ cấu, tổ chức khối, lớp 4 và chức năng nhiệm vụ</b>	<b>5</b>	- Sau khi được phân công xuống lớp cụ thể, sinh viên sẽ làm việc theo sự hướng dẫn của giáo viên trường tiểu học.
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của khối, lớp 4	2	
1.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận	3	
<b>Chương 3. Tìm hiểu các hoạt động giáo dục học sinh lớp 4</b>	<b>25</b>	- Việc đánh giá sinh viên do giáo viên ở trường tiểu học đánh giá.  - Việc đánh giá được thể hiện thông qua các mặt: Tinh thần, thái độ, chấp hành nội qui; Hiệu quả công việc được giao; sổ nhật kí (kế hoạch thực tế, các
3.1. Tìm hiểu các văn bản, thông tư liên quan đến hoạt động giáo dục và dạy học học sinh Khối lớp 4		
3.2. Tìm hiểu các sổ sách cần phải thực hiện của giáo viên Khối lớp 4		
3.3. Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm lớp của khối 4		
3.4. Tìm hiểu các hoạt động ngoài trời của học sinh Khối lớp 4		
3.5. Tìm hiểu phương pháp giáo dục và quản lí học sinh Khối lớp 4		
<b>Chương 4. Tìm hiểu các hoạt động dạy học học sinh lớp 4</b>	<b>25</b>	
4.1. Tìm hiểu tình hình dạy học cả hai buổi các môn		

học ở lớp 4		hoạt động đã tham gia...).
4.2. Tham gia hoạt động dự giờ học sinh lớp 4 (Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử và địa lí,...)		
4.3. Tham gia làm đồ dùng dạy học cho học sinh lớp 4		
4.4. Tìm hiểu hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì kết quả học tập của học sinh lớp 4		
4.5. Nghiên cứu các tình huống sư phạm và cách xử lí (nếu có)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

5. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo khoa Toán 4*, NXB Giáo dục.
6. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo viên Toán 4*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đỗ Trung Hiệu – Đỗ Đình Hoan – Vũ Dương Thụy – Vũ Quốc Chung (2008), *Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
2. Nguyễn Bá Kim (2002), *Phương pháp dạy học môn toán*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Điểm học phần: Là điểm trung bình chung của tất cả các bài tập, bài thảo luận, bài thực hành ở trường tiểu học.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phạm Thị Thanh Tú

**HỌC PHẦN  
THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 4****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: THỰC TẾ GIÁO DỤC VÀ DẠY HỌC 4
- Mã học phần: 815309
- Số tín chỉ: 2 (2; 0)
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 10; 10; 10)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 30 sv/nhóm

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và Phương pháp dạy học;

Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học;

Tự nhiên xã hội và Phương pháp dạy học.

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến các hoạt động:

- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động của các bộ phận trong nhà trường tiểu học.
- Tìm hiểu về cơ cấu, tổ chức và các hoạt động cơ bản của từng bộ phận trong một lớp học ở Khối lớp 5.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động Giáo dục học sinh Lớp 5 ở trường Tiểu học.
- Tìm hiểu các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh Lớp 5 và tham gia dự giờ, rút kinh nghiệm các tiết dạy (theo nhiều môn học) ở Khối lớp 5.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

Học phần giúp sinh viên:

- Biết được cơ cấu, tổ chức trường, lớp (đặc biệt Khối lớp 5) ở trường tiểu học.
- Nắm bắt và hiểu được những hoạt động trong thực tiễn của giáo viên khi tham gia giáo dục và giảng dạy học sinh Khối lớp 5.

- Nắm bắt và hiểu được những đặc điểm của học sinh Khối lớp 5 khi tham gia hoạt động giáo dục và học tập.

#### 4.2. Về kĩ năng

Bước đầu giúp sinh viên có kĩ năng giao tiếp với giáo viên, học sinh ở trường tiểu học; Kĩ năng lập kế hoạch thực hiện hoạt động Giáo dục và Dạy học cho học sinh lớp 5.

#### 4.3. Về thái độ

Sinh viên tích cực, chủ động, linh hoạt trong mọi công việc.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Cơ cấu, tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận trong nhà trường tiểu học</b>	<b>5</b>	
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của trường tiểu học	2	- Khoa GDTH cử một giảng viên phụ trách đoàn và đưa sinh viên xuống trường tiểu học.
1.2. Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận trong hệ thống quản lí nhà trường	3	
<b>Chương 2. Cơ cấu, tổ chức khối, lớp 5 và chức năng nhiệm vụ</b>	<b>5</b>	- Sau khi được phân công xuống lớp cụ thể, sinh viên sẽ làm việc theo sự hướng dẫn của giáo viên trường tiểu học.
1.1. Tìm hiểu sơ đồ tổ chức của khối, lớp 5	2	- Việc đánh giá sinh viên do giáo viên ở trường tiểu học đánh giá.
1.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận	3	
<b>Chương 3. Tìm hiểu các hoạt động giáo dục học sinh lớp 5</b>	<b>25</b>	
3.1. Tìm hiểu các văn bản, thông tư liên quan đến hoạt động giáo dục và dạy học học sinh Khối lớp 5		
3.2. Tìm hiểu các sổ sách cần phải thực hiện của giáo viên Khối lớp 5		
3.3. Tìm hiểu về công tác chủ nhiệm lớp của khối 5		
3.4. Tìm hiểu các hoạt động ngoài trời của học sinh Khối lớp 5		
3.5. Tìm hiểu phương pháp giáo dục và quản lí học sinh Khối lớp 5		
<b>Chương 4. Tìm hiểu các hoạt động dạy học học sinh lớp 1</b>	<b>25</b>	
4.1. Tìm hiểu tình hình dạy học cả hai buổi các môn		

học ở lớp 5		hoạt động đã tham gia...).
4.2. Tham gia hoạt động dự giờ học sinh lớp 5 (Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử và địa lí,...)		
4.3. Tham gia làm đồ dùng dạy học cho học sinh lớp 5		
4.4. Tìm hiểu hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì kết quả học tập của học sinh lớp 5		
4.5. Nghiên cứu các tình huống sư phạm và cách xử lí (nếu có)		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

7. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo khoa Toán 5*, NXB Giáo dục.
8. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Sách Giáo viên Toán 5*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đỗ Trung Hiệu – Đỗ Đình Hoan – Vũ Dương Thụy – Vũ Quốc Chung (2008), *Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
2. Nguyễn Bá Kim (2002), *Phương pháp dạy học môn toán*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Điểm học phần: Là điểm trung bình chung của tất cả các bài tập, bài thảo luận, bài thực hành ở trường tiểu học.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phạm Thị Thanh Tú

**HỌC PHẦN**  
**DẠY HỌC TIẾNG VIỆT THEO HÌNH THỨC GIAO TIẾP**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Dạy học Tiếng Việt theo hình thức giao tiếp**
- Mã học phần: 815310
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết: 30 (30; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và PP dạy học Văn - Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

Dạy học theo quan điểm giao tiếp là một yêu cầu trong dạy học Tiếng Việt. Học phần sẽ đề cập đến vấn đề lấy giao tiếp làm mục đích và phương tiện dạy học Tiếng Việt. Có nghĩa là phải coi hoạt động lời nói trong giao tiếp như mục đích dạy học, dạy ngôn ngữ phải thông qua hoạt động giao tiếp giữa thầy và trò để tổ chức cho học sinh phân tích mẫu hành vi lời nói trong giao tiếp, quan sát hành vi lời nói giao tiếp trong thực tiễn, nghiên cứu các văn bản giao tiếp trích dẫn để nâng cao ý thức, quy tắc về giao tiếp bản ngữ. Đồng thời tổ chức cho học sinh sáng tạo các hành vi lời nói trong giao tiếp, tức là dạy cho học sinh ứng xử sáng tạo trong giao tiếp ở môi trường có tính thực tiễn nhất của đời sống.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Nắm được những tri thức lý luận cơ bản về giao tiếp nói chung, những định hướng về dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng giao tiếp.

**4.2. Về kỹ năng**

+ Biết cách vận dụng những định hướng dạy học tiếng Việt theo hướng giao tiếp thực tế dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

+ Dự giờ đánh giá, rút kinh nghiệm các bài học Tiếng Việt và Làm văn

## 4.3. Về thái độ

Góp phần trau dồi ý thức học tập, lòng yêu nghề sư phạm.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Những vấn đề chung về giao tiếp, hoạt động giao tiếp và cơ sở của giao tiếp trong dạy học tiếng Việt</b>	7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu kiến thức</li> <li>- Sử dụng máy chiếu, giáo án điện tử</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ học tập.</li> </ul>
1.1. Khái niệm về giao tiếp	1	
1.2. Chức năng của giao tiếp	1	
1.3. Các nhân tố của hoạt động giao tiếp	1	
1.4. Các mặt của hoạt động giao tiếp	1	
1.5. Cơ sở của giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	1	
1.6. Nguyên tắc hướng vào giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	1	
1.7. Phương pháp giao tiếp	1	
<b>Chương 2. Dạy tiếng Việt ở trường tiểu học theo hướng giao tiếp</b>	23	
<b>2.1. Yêu cầu chung về dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp.</b>	2	
<b>2.2 Quan điểm giao tiếp và nội dung dạy học Tiếng Việt ở trường tiểu học</b>	3	
2.2.1 Quan điểm giao tiếp và việc chọn nội dung dạy học Tiếng Việt		
2.2.2 Quan điểm giao tiếp và việc sắp xếp nội dung dạy học Tiếng Việt		
<b>2.3. Dạy Tiếng Việt theo hướng giao tiếp ở trường tiểu học</b>	6	
2.3.1. Dạy phân môn Tập đọc của Tiếng Việt theo hướng giao tiếp.		
2.3.2. Dạy phân môn Luyện từ và câu của Tiếng Việt theo hướng giao tiếp.		
2.3.3. Dạy phân môn Tập làm văn của Tiếng Việt theo hướng giao tiếp.		
<b>2.4. Xây dựng hệ thống bài tập tiếng Việt theo hướng giao tiếp.</b>	4	
2.4.1 Nhóm bài tập tạo lập sản phẩm giao tiếp.		
2.4.2 Nhóm bài tập tiếp nhận sản phẩm giao tiếp.		
2.4.3. Nhóm bài tập biến đổi sản phẩm giao tiếp.		
2.4.4. Nhóm bài tập sửa chữa lỗi ngôn ngữ.		
<b>2.5. Ra đề kiểm tra Tiếng Việt theo hướng giao tiếp.</b>	2	
<b>2.6. Thiết kế giáo án dạy học Tiếng Việt theo hướng giao tiếp.</b>	6	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê A (chủ biên) – Nguyễn Quang Ninh – Bùi Minh Toán (1997), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Trí, *Một số vấn đề dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học*, Nxb Giáo dục, 2009

2. Phan Phương Dung - Đặng Kim Nga, *Hoạt động giao tiếp với dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, 2009.

3. Bùi Minh Toán, *Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, H, 2012.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: Nhiều bài kiểm tra

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Trần Thị Lam Thủy



**HỌC PHẦN**  
**SỬ DỤNG NGÔN NGỮ GIAO TIẾP TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC**

**1. Thông tin chung về học phần/môn học (HP/MH)**

- Tên HP/MH: SỬ DỤNG NGÔN NGỮ GIAO TIẾP TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC
- Mã HP/MH: 815116
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi HP/MH trước: Không
- + Đòi hỏi môn song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách HP/MH:** Văn – Tiếng Việt và PP dạy học Văn - Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

- Đây là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.
- Giúp cho sinh viên hiểu và có được kiến thức chuẩn mực và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ giao tiếp và vận dụng sáng tạo các nguyên tắc lịch sự khi giao tiếp. Từ đó biết sửa lỗi, và định hướng sáng tạo cho học sinh tiểu học trong việc sử dụng tiếng Việt có hiệu quả khi giao tiếp.

**4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP)**

4.1. Về kiến thức:

Giúp cho sinh viên:

- Có những hiểu biết khái quát về hoạt động giao tiếp.
- Biết xử lí tình huống trong các mối quan hệ ở trường tiểu học.

4.2. Về kỹ năng:

- Bước đầu hình thành các kỹ năng xã giao thông thường.
- Biết vận dụng sáng tạo, uyển chuyển, linh hoạt trong từng tình huống cụ thể để tăng cường hiệu quả trong giao tiếp.

## 4.3. Về thái độ:

- Nhận biết được tầm quan trọng của việc trang bị những kiến thức và kỹ năng xã giao thông thường.
- Có ý thức tự rèn luyện nâng cao các kỹ năng xã giao.
- Yêu thích và say mê với nghề nghiệp của mình trong tương lai.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Phần 1</b>	<b>15</b>	
<b>Chương 1: Cơ sở khoa học của dạy học sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong trường tiểu học</b>	<b>5</b>	- Thuyết trình, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu kiến thức - Sử dụng máy chiếu, giáo án điện tử
<b>1.1. Giao tiếp</b> 1.1.1. Khái niệm giao tiếp 1.1.2. Chức năng của giao tiếp 1.1.3. Các nhân tố giao tiếp	1	
<b>1.2. Giao tiếp trong trường tiểu học</b> 1.2.1. Giao tiếp sư phạm 1.2.1.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm 1.2.1.2. Đặc tính của giao tiếp sư phạm 1.2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp sư phạm 1.2.2. Các nhân tố giao tiếp trong trường tiểu học 1.2.3. Các hình thức giao tiếp trong trường tiểu học 1.2.4. Các nguyên tắc giao tiếp trong trường tiểu học 1.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong trường tiểu học	2	
<b>1.3. Đặc trưng ngôn ngữ giao tiếp trong trường tiểu học</b> 1.3.1. Chuẩn mực ngôn ngữ trong nhà trường tiểu học 1.3.2. Ngôn ngữ giao tiếp của nhà giáo 1.3.3. Ngôn ngữ giao tiếp của học sinh	2	
<b>Chương 2: Các mối quan hệ sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong trường tiểu học</b>	<b>10</b>	
2.1. Giao tiếp giữa giáo viên và học sinh	2	
2.2. Giao tiếp giữa giáo viên và phụ huynh học sinh	2	
2.3. Giao tiếp giữa giáo viên với cộng đồng dân cư và các cơ quan đoàn thể tại địa phương	2	
2.4. Giao tiếp giữa giáo viên với giáo viên	2	
2.5. Giao tiếp giữa học sinh và học sinh	2	
<b>Phần 2: Thực hành xử lý một số tình huống giao tiếp sư phạm trong trường tiểu học</b>	<b>15</b>	Hướng dẫn sinh viên sưu tầm tình huống, tập xử lý tình huống.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trịnh Xuân Dũng – Đinh Văn Đáng (2005), *Kỹ năng giao tiếp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. ThS. Chu Văn Đức (chủ biên) - TS Thái Trí Dũng- TS. Lương Minh Việt (2005), *Giáo trình Kỹ năng Giao tiếp*, NXB. Hà Nội.

3. Tài liệu lưu hành nội bộ (2013), *Sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong trường tiểu học*.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, T.I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Nguyễn Văn Hiệp (2005), *Các tiểu từ tình thái cuối câu tiếng Việt và chiến lược lịch sự*, Hội thảo quốc tế ngôn ngữ học liên Á lần thứ VI, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3. Lê Thị Bùng (2000), *Tâm lí học ứng xử*, NXB Giáo Dục.

4. Dale Carnegie (2001), *Nghệ thuật giao tiếp*, NXB. Thanh Niên.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**HỌC PHẦN**  
**DAY HỌC TRUYỆN DÂN GIAN Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: DAY HỌC TRUYỆN DÂN GIAN Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC
- Mã học phần: 815311
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Văn-Tiếng Việt và PP dạy học Văn-Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung: khái quát truyện dân gian trong CTTH (số lượng, sự phân bố, đặc điểm, giá trị); cách thức tiếp cận, giảng dạy truyện dân gian trong các phân môn của chương trình Tiếng Việt ở tiểu học.

Vị trí học phần: thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về truyện dân gian Việt Nam và nước ngoài trong CTTH; đặc điểm thi pháp của các thể loại truyện dân gian và cách thức tiếp cận, giảng dạy chúng trong các phân môn của chương trình Tiếng Việt ở tiểu học.

4.2. Về kỹ năng

Kỹ năng phân tích, cảm thụ truyện dân gian.

4.3. Về thái độ

Yêu thích truyện dân gian, có ý thức tìm hiểu đặc điểm nội dung và thi pháp của truyện dân gian để có cách tiếp cận, giảng dạy phù hợp.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về truyện dân gian và dạy học truyện dân gian trong CTTH</b>	<b>8</b>	- Hình thức tổ chức dạy học: Lớp, nhóm, cá nhân - Hình thức chủ yếu: nhóm + Giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học, giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên. + Sinh viên nghiên cứu tài liệu ở nhà; thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình, thuyết trình, tương tác với cả lớp + Giáo viên giải đáp thắc mắc, chốt lại nội dung học tập...
<b>1.1. Khái quát về truyện dân gian trong CTTH</b>		
1.1.1. Số lượng, dung lượng, sự phân bố truyện dân gian trong CTTH		
1.1.2. Đặc điểm nội dung, nghệ thuật, giá trị truyện dân gian		
<b>1.2. Dạy học truyện dân gian trong CTTH</b>		
1.2.1. Ý nghĩa của dạy học truyện dân gian cho HSTH		
1.2.2. Đặc điểm tiếp nhận truyện dân gian của HSTH		
<b>Chương 2. Một số nguyên tắc dạy học truyện dân gian</b>	<b>8</b>	
2.1. Nguyên tắc tính vừa sức		
2.2. Nguyên tắc dạy học phù hợp với đặc trưng thể loại		
2.3. Nguyên tắc dạy học phù hợp với tâm lí học sinh		
Kiểm tra giữa kì	<b>1</b>	
<b>Chương 3. Dạy học truyện dân gian qua một số phân môn trong bộ môn Tiếng Việt</b>	<b>12</b>	
3.1. Dạy học truyện dân gian qua phân môn Tập đọc		
3.2. Dạy học truyện dân gian qua phân môn Kể chuyện		
3.3. Dạy học truyện dân gian qua phân môn Tập làm văn		
Ôn tập	<b>1</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê Chí Quế - Võ Quang Nhơn – Nguyễn Hùng Vĩ (1996), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

2. Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn (2000), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đỗ Bình Trị (1995), *Phân tích tác phẩm Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục.

2. Hoàng Tiến Tựu (2007), *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy - nghiên cứu Văn học dân gian*, NXB Giáo dục.

3. Chu Xuân Diên (1989), *Truyện cổ tích dưới mắt các nhà khoa học*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

4. Trương Chính (1997), *Bình giải truyện ngụ ngôn*, NXB Giáo dục Hà Nội.

5. Vũ Ngọc Khánh – Phạm Minh Thảo – Nguyễn Thị Huệ (1995), *Kho tàng truyện thần thoại Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Ngô Thị Ngọc Diệp

**HỌC PHẦN**  
**ỨNG DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY VÀO DẠY HỌC TẬP ĐỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **ỨNG DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY VÀO DẠY HỌC TẬP ĐỌC**
- Mã học phần: 815312
- Số tín chỉ: 2 (2, 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (15; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học; cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Văn-Tiếng Việt và PPGD Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

- Sơ đồ tư duy
- Mục tiêu và phương pháp dạy học tập đọc ở Tiểu học
- Vận dụng sơ đồ tư duy vào dạy tập đọc cho HSTH

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững khái niệm; vai trò của sơ đồ tư duy trong dạy học nói chung và phân môn tập đọc nói riêng
- Ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy tập đọc cho học sinh tiểu học.

4.2. Về kỹ năng

- Chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết để tạo lập một sơ đồ tư duy;
- Tùy vào từng nội dung cụ thể của văn bản tập đọc, hướng dẫn, gợi ý cho học sinh và cùng với học sinh tạo lập các nhánh của sơ đồ tư duy
- Ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng sơ đồ tư duy khi sử dụng giáo án điện tử.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên phải có ý thức đọc tài liệu, chuẩn bị bài theo tinh thần học tập của hệ tín chỉ để tương tác tốt trong giờ học trên lớp.

- Nghiêm túc trong việc tiếp thu các kiến thức cơ bản và hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ liệu nhằm mục đích không những ứng dụng cho việc giảng dạy sau này mà còn nâng cao khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hiệu quả nhất.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

<b>Nội dung chi tiết HP/MH</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá</b>
<b>Chương 1. Khái quát chung về sơ đồ tư duy</b>	<b>10</b>	- Sử dụng giáo án điện tử
<b>1.1. Khái niệm</b>	1	- Sơ đồ hóa kiến thức
1.1.1. Thuật ngữ		- Phân nhóm học tập
1.1.2. Vai trò, ý nghĩa của sơ đồ tư duy		- GV nêu các vấn đề cần thảo luận
<b>1.2. Các bước tạo lập sơ đồ tư duy</b>	4	
1.2.1. Chuẩn bị các điều kiện		- SV thuyết trình giáo án
1.2.2. Xác lập tên của sơ đồ		- Các nhóm lên lớp
1.2.3. Xác lập các nhánh chính		- GV nhận xét, kết luận
1.2.4. Xác lập các nhánh nhỏ		
<b>1.3. Thực hành vẽ sơ đồ tư duy</b>	5	- Hỏi-đáp giữa SV-SV và GV-SV
1.3.1. Lựa chọn ngữ liệu phù hợp với HSTH		
1.3.2. Vẽ sơ đồ tư duy cơ bản		
<b>Chương 2. Khái quát chung về phân môn tập đọc</b>	<b>2</b>	
<b>3.1. Chương trình dạy tập đọc</b>	1	
3.1.1. Mục tiêu của phân môn tập đọc		
3.1.2. Vị trí, cấu trúc chương trình		
<b>3.2. Các kiểu văn bản tập đọc và quy trình dạy học</b>	1	
3.2.1. Các kiểu/thể loại văn bản		
3.2.2. Dạy đọc thành tiếng		
3.2.3. Dạy đọc hiểu		
<b>Chương 3. Ứng dụng sơ đồ tư duy vào dạy tập đọc</b>	<b>18</b>	
<b>3.1. Xác lập các nhánh chính của sơ đồ</b>	3	
3.1.1. Chủ đề, đề tài văn bản đọc	1	
3.1.2. Các ý chính của mỗi đoạn văn	1	
3.1.3. Các chi tiết/ từ ngữ thể hiện ý chính	1	
<b>3.2. Hướng dẫn cho học sinh cách vẽ sơ đồ</b>	15	
3.2.1. Các khâu chuẩn bị	1	
3.2.2. Vẽ trung tâm của sơ đồ	1	



3.2.3. Vẽ các nhánh chính	5	
3.2.4. Vẽ các nhánh phụ		
3.2.5. Điền các thông tin chi tiết vào các nhánh nhỏ	2	
3.2.6. Tái hiện lại văn bản tóm tắt đã học	1	
3.2.7. Đọc lại toàn bộ văn bản sau khi vẽ sơ đồ	5	

## 6. Tài liệu học tập

### *Tài liệu chính*

1. Tony & Barry Buzan(2013)- Lê Huy Lâm dịch, *Sơ đồ tư duy*, NXB Tổng hợp Tp.HCM.

2. Trần Đình Châu-Đặng Thị Thu Thủy (2010), *Dạy tốt, học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy*. Nxb Giáo dục.

4. Tài liệu học tập (2016), *Vận dụng sơ đồ tư duy vào dạy học tập đọc*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Giáo dục Tiểu học- Trường Đại học Sài Gòn.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: nhiều lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình chung của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Nguyễn Thị Thu Hằng

**HỌC PHẦN  
 THỰC TẾ BỘ MÔN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực tế bộ môn
- Mã học phần: 815108
- Số tín chỉ: 01
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước:
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tự nhiên xã hội và PPDH tự nhiên xã hội

**3. Mô tả học phần**

Mục tiêu tổng quát mà HP/MH cần đạt được: Sau khi học phần này, Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản đó là nắm được hệ thống các vấn đề như: Vị trí địa lý, một số hoạt động sản xuất kinh tế, các tầng tham động thực vật, biết và tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa nghệ thuật của các tỉnh thành đi qua.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- **Văn hóa – xã hội và văn học – nghệ thuật:** Sinh viên sẽ được cung cấp những nét đặc trưng về phong tục xã hội, về văn hoá, về con người ở mỗi vùng đi qua. Đặc biệt, sinh viên sẽ được tìm hiểu kĩ về nhân sinh quan, nét văn hóa đặc trưng vùng sông nước Nam Trung Bộ/Tây Nam Bộ., những cảnh quan, con người, lối sống đã đi vào truyện cổ tích, thơ ca và nhạc họa ...
- **Lịch sử:** Sinh viên được nghe, được thấy những di tích lịch sử, Bảo tàng văn hóa dân tộc, khu căn cứ Cách Mạng tại các nơi tham quan như Căn Cứ Xảo Quýt, Rạch Gầm – Xoài Mút tại các điểm dừng chân như Đồng Tháp, Tiền Giang, Cà Mau/ Bảo tàng văn hóa dân tộc, tại các nơi tham quan như Viện Hải Dương Học, làng Gốm Bàu Trúc, trường Dục Thanh...

- **Địa lý:** Sinh viên được quan sát về địa hình, địa lí tự nhiên trong suốt chiều dài của chuyến đi đặc biệt là sự khác nhau về địa hình của vùng Nam Trung Bộ/Tây Nam Bộ.

- **Sinh học:** Sinh viên tìm hiểu về các tầng sinh thái, về thảm động - thực vật qua các Vùng, Miền. Đặc biệt tham quan hệ sinh thái rừng ngập mặn tại Vườn Quốc Gia Mũi Cà Mau – Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới/ Viện hải dương học Nha Trang.

#### 4.2. Về kĩ năng:

- Sinh viên biết phân tích, quan sát, so sánh từ đó rút ra được đặc trưng của các vùng miền mà mình đi qua.

#### 4.3. Về thái độ:

- Sinh viên biết được ý nghĩa thực tiễn của việc đi Thực tế bộ môn đối với sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, từ đó có ý thức trau dồi kiến thức và nghiệp vụ sư phạm. Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, rèn luyện nhân cách và giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Ngày 1</b>	<b>3</b>	Tổ chức học tập theo nhóm qua giới thiệu của hướng dẫn viên và đọc tài liệu liên quan. Giáo viên chấm điểm bài thu hoạch là điểm của môn học với hệ số là 1.0
- <b>Tuyến Miền Tây:</b> Tham quan học tập khu Căn Cứ Xảo Quýt. Dừng, quay về Cao Lãnh viếng mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - <b>Tuyến Nha Trang:</b> Tham quan học tập tại Tàkú viếng chùa Long Sơn Trường Thọ. Đoàn khởi hành tham quan Dinh Vạn Thủy Tú – nơi trưng bày bộ xương cá voi dài 22 m, tiếp tục đến tham quan học tập tại khu di tích Trường Dục Thanh.		
<b>Ngày 2</b>	<b>3</b>	Tổ chức học tập theo nhóm qua giới thiệu của hướng dẫn viên và đọc tài liệu liên quan. Giáo viên chấm điểm bài thu hoạch là điểm của môn học với hệ số là 1.0
- <b>Tuyến Miền Tây:</b> Đi Sóc Trăng. Đến Sóc Trăng đoàn vào viếng chùa Đất Sét, chùa Mã Tộc. - <b>Tuyến Nha Trang:</b> Đi Nha Trang, đoàn học tập tại Tháp Po Klong Gia Rai, tiếp tục hành trình đến Nha Trang, học tập tại làng Góm Bàu Trúc, tham quan học tập tại Viện Hải Dương Học		
<b>Ngày 3</b>	<b>3</b>	Tổ chức học tập theo nhóm qua giới thiệu của hướng dẫn viên và đọc tài liệu liên quan. Giáo viên chấm điểm bài thu hoạch là điểm của môn học với hệ số là 1.0
- <b>Tuyến Miền Tây:</b> Tham quan tại Mốc tọa độ Quốc gia – GPS 0001, Panô biểu tượng Mũi Cà Mau, chinh phục Vọng Hải Đài cao 20,5 mét ngắm nhìn toàn cảnh Mũi Cà Mau... Tham quan Hệ sinh thái rừng ngập mặn tại Vườn Quốc Gia Mũi Cà Mau – Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới. - <b>Tuyến Nha Trang:</b> Đi học tập tại Yang Bay – tìm hiểu văn hóa phong tục của bà con dân tộc Raglay tìm hiểu truyền thuyết Mộc Thần. Viếng Chùa Long Sơn – Tháp Bà Ponagar – Nhà thờ Chánh Tòa. Tham quan học tập tại Hòn Chồng – Hội		

Quán		
<b>Ngày 4</b>	3	
<p>- <b>Tuyển Miền Tây:</b> Tham quan học tập tại đình Bình Thủy và nhà Cô Bình Thủy</p> <p>- <b>Tuyển Nha Trang:</b> Đoàn tập trung đến Dốc Lết tham dự chương trình rèn luyện học tập dành cho sinh viên với các thử thách qua các chương trình huấn luyện. ‘ <b>ĐỒNG HÀNH CÙNG SGU</b>’, qua các chương trình vận động liên hoàn.</p>		Tổ chức học tập theo nhóm qua giới thiệu của hướng dẫn viên và đọc tài liệu liên quan. Giáo viên chấm điểm bài thu hoạch là điểm của môn học với hệ số là 1.0
<b>Ngày 5</b>	3	
<p>- <b>Tuyển Miền Tây:</b> Tham quan chợ nổi Cái Răng – nét văn hóa đặc trưng vùng sông nước Tây Nam Bộ. Khởi hành vào Mỹ Khánh tham quan vườn cây ăn trái, nhà cổ Nam Bộ, khởi hành về Mỹ Tho, trên đường đi ghé tham quan khu di tích Rạch Gầm – Xoài Mút. Tiếp tục hành trình khởi hành về Tp HCM. Kết thúc chương trình tham quan học tập.</p> <p>- <b>Tuyển Nha Trang:</b> Tổng kết tham quan học tập và trở về Tp. Hồ Chí Minh</p>		Tổ chức học tập theo nhóm qua giới thiệu của hướng dẫn viên và đọc tài liệu liên quan. Giáo viên chấm điểm bài thu hoạch là điểm của môn học với hệ số là 1.0

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Tài liệu hướng dẫn học tập của khoa

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 0

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Không tổ chức thi.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

Điểm bài thu hoạch: Sinh viên chọn tất cả hoặc một trong các chủ đề học tập để viết bài thu hoạch, giáo viên tổ Tự Nhiên – Xã hội phụ trách chấm điểm, hệ số là 1.0

7.5. Điểm học phần: Điểm của HP/MH là điểm của bài thu hoạch.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Kiên Quyết

**HỌC PHẦN**  
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ THI PHÁP HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Một số vấn đề thi pháp học**
- Mã học phần: 815109
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Lí luận văn học (815058)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Văn-Tiếng Việt và PP dạy học Văn-Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung: những vấn đề chung về thi pháp học, thi pháp văn học, đặc biệt là thi pháp của các thể loại văn học được giảng dạy trong chương trình Tiểu học.

Vị trí học phần: thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về thi pháp và thi pháp học. Hiểu rõ đặc điểm và nội dung thi pháp của các thể loại văn học dân gian và văn học thiếu nhi trong chương trình Tiểu học.

4.2. Về kỹ năng

Kỹ năng vận dụng lý thuyết thi pháp văn học để tiếp nhận, phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

4.3. Về thái độ

Yêu thích phân tích, cảm thụ văn học dưới góc độ thi pháp học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Một số vấn đề chung về thi pháp học</b>	<b>3</b>	- Hình thức tổ chức dạy học: Lớp, nhóm, cá nhân - Hình thức chủ yếu: nhóm + Giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học, giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên. + Sinh viên nghiên cứu tài liệu ở nhà; thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình, thuyết trình, tương tác với cả lớp + Giáo viên giải đáp thắc mắc, chốt lại nội dung học tập...
1.1. Khái niệm thi pháp và thi pháp học		
1.2. Lịch sử nghiên cứu thi pháp		
1.3. Đối tượng, mục đích, ý nghĩa của thi pháp học		
1.4. Phương pháp nghiên cứu thi pháp học		
<b>Chương 2. Các phạm trù thi pháp học</b>	<b>10</b>	
2.1. Quan niệm nghệ thuật về con người		
2.2. Thời gian - không gian nghệ thuật		
2.3. Cốt truyện - kết cấu		
2.4. Ngôn từ nghệ thuật		
Kiểm tra giữa kì	<b>1</b>	
<b>Chương 3. Đặc điểm thi pháp văn học thiếu nhi</b>	<b>15</b>	
3.1. Đặc điểm thi pháp văn học dân gian		
3.1.1. Thi pháp truyện dân gian		
3.1.2. Thi pháp thơ ca dân gian		
3.2. Đặc điểm thi pháp văn học viết cho thiếu nhi		
3.2.1. Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học thiếu nhi.		
3.2.2. Thời gian và không gian nghệ thuật trong văn học thiếu nhi.		
3.2.3. Cốt truyện - kết cấu trong văn học thiếu nhi.		
3.2.4. Ngôn ngữ trong văn học thiếu nhi.		
Ôn tập	<b>1</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trần Đình Sử (2004), *Giáo trình Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục.
2. Lê Trường Phát (2000), *Thi pháp văn học dân gian*, NXB Giáo dục.

3. Bùi Thanh Truyền (chủ biên) - Trần Thị Quỳnh Nga - Nguyễn Thanh Tâm (2007), *Thi pháp văn học thiếu nhi*, Bộ GD&ĐT, Dự án phát triển giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục.

## **6.2. Tài liệu khác**

1. Trần Hoà Bình (2000), *Dạy văn cho học sinh Tiểu học*, NXBGD.

2. Hoàng Văn Cẩn (2005), *Dạy học tác phẩm Văn học dành cho thiếu nhi*, tập 1, NXB Giáo dục.

3. Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký (2006), *Hệ thống thể loại văn học cho thiếu nhi*, Bộ GD&ĐT, Dự án phát triển giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Ngô Thị Ngọc Diệp

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU TIẾNG VIỆT****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu tiếng Việt**
- Mã học phần: 815110
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa):(30, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 (815062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Văn Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

- Cung cấp cho sinh viên những căn cứ, cơ sở khoa học của việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học.

- Trang bị, hệ thống hóa nội dung kiến thức Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhằm giúp cho sinh viên nắm được cách thức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- Giúp sinh viên hiểu rõ và nắm được cách nhận diện, phát hiện học sinh có năng lực Tiếng Việt và năng khiếu Tiếng Việt.

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung kiến thức Tiếng Việt – văn học, các dạng bài tập Tiếng Việt cơ bản và phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học.

**4.2. Về kỹ năng**

- Sinh viên có khả năng thiết kế, lập đáp án, biểu điểm các dạng bài tập bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và đề thi học sinh giỏi môn Tiếng Việt ở Tiểu học.

- Có kỹ năng tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học theo yêu cầu của cấp học.



#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức đúng vai trò, ý nghĩa và nhiệm vụ của việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu Tiếng Việt ở Tiểu học.

- Có ý thức tự bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, trau dồi và nâng cao năng lực sư phạm để thực hiện tốt nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học sau này.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1: Tầm quan trọng của vấn đề bồi dưỡng HSNK TV ở TH</b></p> <p>1.1. Phục vụ “chiến lược về con người”, phát hiện và đào tạo nhân tài</p> <p>1.1.1. Thực tiễn giáo dục và phát triển</p> <p>1.1.2 Thực tiễn phát hiện, đào tạo nhân tài</p> <p>1.2. Thúc đẩy phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt” giáo dục con người toàn diện</p> <p>1.2.1 Thực tiễn giảng dạy</p> <p>1.2.2 Thực tiễn học tập và phát triển nhân cách của HS</p>	3	Sinh viên tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi ý kiến theo nhóm, trình bày trước lớp.
<p><b>Chương 2: Phát hiện HSG và HS có năng khiếu Văn – Tiếng Việt</b></p> <p>2.1. Phân biệt HSG và HS có năng khiếu</p> <p>2.1.1. Khái niệm: HS có năng khiếu</p> <p>2.1.2. Quan hệ giữa HSG và HS có năng khiếu</p> <p>2.2. Những biểu hiện về mặt tâm lí của HSG và HS có năng khiếu Văn - Tiếng Việt</p> <p>2.2.1. Hứng thú</p> <p>2.2.2. Năng lực tư duy</p> <p>2.2.3. Năng lực ngôn ngữ</p> <p>2.3. Kinh nghiệm phát hiện HSG và HS có năng khiếu</p> <p>2.3.1. Phát hiện từ lớp nào</p> <p>2.3.2. Làm thế nào để phát hiện</p>	5	<p>+ Các nhóm tranh luận, rút ra nội dung của bài học.</p> <p>+ Giảng viên giải đáp thắc mắc và chốt nội dung cơ bản của bài học</p>
<p><b>Chương 3: Bồi dưỡng HSG, HS có năng khiếu môn Tiếng Việt ở TH</b></p>	11	

3.1. Nội dung bồi dưỡng 3.1.1. Bồi dưỡng hứng thú 3.1.2. Bồi dưỡng vốn sống 3.1.3. Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng 3.1.4. Bồi dưỡng cảm thụ văn học 3.1.5. Bồi dưỡng năng lực quan sát - tìm ý		
3.2. Phương pháp bồi dưỡng 3.2.1. Coi trọng luyện tập thực hành 3.2.2. Chú ý yêu cầu gợi mở, tìm tòi, sáng tạo		
3.3. Hình thức bồi dưỡng 3.3.1. Bồi dưỡng tại trường 3.3.2. Bồi dưỡng tập trung ở quận - huyện (hoặc tỉnh – thành phố)		
<b>Chương 4: Các dạng bài tập bồi dưỡng HS có năng khiếu TV ở TH</b>	<b>10</b>	
4.1. Bài tập điền từ, đặt câu		
4.2. Bài tập tìm hiểu tác dụng của cách dùng từ, đặt câu		
4.3. Bài tập phát hiện những hình ảnh, chi tiết có giá trị gợi tả.		
4.4. Bài tập tìm hiểu và vận dụng một số biện pháp tu từ.		
4.5. Bài tập luyện đọc diễn cảm		
4.6. Bài tập bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học		
4.7. Bài tập rèn kỹ năng làm văn		
Kiểm tra	<b>1</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê Phương Nga – *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB ĐHSPT, 2012.

2. Trương Thị Hoài Phương – *Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Việt ở Tiểu học*. (Tài liệu lưu hành nội bộ), ĐHSG, 2010.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đinh Trọng Lạc - *Vẻ đẹp của ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4*, NXB GD, 1996.

2. Nguyễn Trí – *Dạy Tập làm văn ở trường Tiểu học*, NXB GD, 2000.

3. Bộ GD&ĐT – *Sách giáo khoa Tiếng Việt 1, 2, 3,4, 5*. NXB GD 2002-2006

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Ngô Tuyết Phượng

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU TOÁN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU TOÁN

- Mã học phần: 815111

- Số tín chỉ: 2

- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)

- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: PPDH Toán 3 (815057)

+ Đòi hỏi học phần học song hành: không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

Sau khi học xong môn này, sinh viên cần đạt được:

Nắm vững nội dung kiến thức môn Toán ở tiểu học, đồng thời nâng cao năng lực phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học, đóng góp tích cực vào quá trình hình thành và phát triển tư duy, phát triển những phẩm chất trí tuệ cần thiết cho học sinh tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Phân tích và xác định được những nội dung cơ bản về bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học.

- Hệ thống được các dạng toán nâng cao ở tiểu học, các phương pháp giải toán đặc thù thường sử dụng ở tiểu học.

- Tiếp cận được một số hình thức, phương pháp và kỹ thuật tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học.

4.2. Về kỹ năng

- Biết cách tiếp cận nội dung bồi dưỡng học học sinh giỏi toán ở tiểu học.

- Phân dạng được hệ thống bài tập toán nâng cao ở tiểu học.

– Sử dụng được các phương pháp và hình thức tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong quá trình học tập.
- Nghiêm túc thực hành kỹ năng bồi dưỡng học sinh giỏi Toán ở tiểu học.
- Thận trọng trong việc vận dụng kiến thức về bồi dưỡng học sinh giỏi Toán vào việc lập kế hoạch và thiết kế bài tập toán bồi dưỡng.
- Có ý thức tự học để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và phương pháp tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b><u>Chủ đề 1: Một số nội dung cơ bản về bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học.</u></b>	<b>3</b>	<p><b><u>Phương pháp dạy học:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trước khi đến lớp: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập</li> <li>– Trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần làm sáng tỏ</li> <li>+ Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành</li> </ul> </li> </ul> <p><b><u>Kiểm tra, đánh giá:</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tinh thần, thái độ, sự đóng góp khi thảo luận, trao đổi bài học và giải quyết các thắc mắc, các câu hỏi: <b>0.1</b></li> <li>– Sửa chữa những bài tập đã cho: <b>0.1</b></li> <li>– Kiểm tra viết: <b>0.1</b></li> </ul>
1.1. Mục đích và ý nghĩa của việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học.	0,5	
1.2. Biểu hiện của học sinh có năng khiếu toán và biện pháp bồi dưỡng.	2	
1.3. Những lưu ý cần thiết đối với giáo viên khi tham gia bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán.	0,5	
<b><u>Chủ đề 2: Dạy học giải toán nâng cao ở tiểu học.</u></b>	<b>21</b>	
<b><u>2.1. Hướng dẫn học sinh suy nghĩ tìm cách giải bài toán khó.</u></b>	2	
2.1.1. Tìm hiểu đề toán		
2.1.2. Tóm tắt đề toán		
2.1.3. Phân tích đề bài, xác định dạng đề tìm cách giải		
<b><u>2.2. Hướng dẫn học sinh trình bày bài giải</u></b>	2	
2.2.1. Lập sơ đồ phân tích		
2.2.2. Trình bày bài giải. Kỹ năng tính toán và lập luận.		
<b><u>2.3. Thực hành</u></b>	12	
2.3.1. Thực hành với các bài toán về số và chữ số, phân số, dãy số.		
2.3.2. Thực hành với các bài toán về giải toán.		
2.3.3. Thực hành với các bài toán về hình học		
<b><u>2.4. Khai thác một bài toán khó</u></b>	5	
2.4.1. Xác định cấu trúc của một bài toán		
2.4.2. Giải bài toán bằng nhiều cách khác nhau		
2.4.3. Hệ thống hóa một lớp các bài toán. Sáng tác bài toán mới		

<b>Chủ đề 3: Tổ chức bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học.</b>	<b>6</b>	
<b>3.1. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học.</b>	2	
3.1.1. Nội dung chủ yếu của kế hoạch		
3.1.2. Lập kế hoạch dạy học cụ thể		
<b>3.2. Thực hành thiết kế đề thi và đáp án. Đánh giá đề thi và đáp án</b>	2	
<b>3.3. Thực hành tổ chức câu lạc bộ toán học.</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Nguyễn Thị Kim Thoa, Nguyễn Hoài Anh (2007), *Bồi dưỡng học sinh giỏi toán ở tiểu học*, (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học), NXBGD và NXBĐHSP.

### 6.2. Tài liệu khác

1. V.A.Korouteski (1973), *Tâm lý năng lực học toán của học sinh*, (NXB Giáo dục Moskova 1970. Người dịch: Phạm Văn Hoàn – Hoàng Chúng – Lê Hải Châu) NXB Giáo dục.
2. G.Poly (1977), *Giải bài toán như thế nào*, (Stanford University 1944) Người dịch: Hồ Thuần – Bùi Tường, NXB Giáo dục.
3. Hoàng Chúng (1991), *Rèn luyện khả năng sáng tạo Toán học ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.
4. Trần Diên Hiền (1997), *10 chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán 4-5 (tập 1 và 2)*, NXB Giáo dục.
5. Phạm Đình Thực (1997), *Em muốn giỏi Toán 5*, NXB Giáo dục.
6. Phạm Đình Thực (1994), *Các kì thi học sinh giỏi toán Toàn quốc bậc Tiểu học*, NXB Giáo dục.
7. Phạm Đình Thực (2001), *Đề thi học sinh giỏi Toán bậc Tiểu học các tỉnh và thành phố*, NXB TP.Hồ Chí Minh.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

## 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kính Đức

ThS. Nguyễn Kính Đức

TS. Phạm Thị Thanh Tú

**HỌC PHẦN**  
**CƠ SỞ ĐẠI SỐ Ở TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: CƠ SỞ ĐẠI SỐ Ở TIỂU HỌC
- Mã học phần: 815112
- Số tín chỉ: 2 (2; 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (15; 10; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và Phương pháp dạy học

**3. Mô tả học phần**

Học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về: Đa thức – Phân thức hữu tỷ; Phương trình - hệ phương trình; bất đẳng thức - bất phương trình từ đó giúp sinh viên xác định được cơ sở nền tảng của một số khái niệm toán ở tiểu học, biết liên hệ và vận dụng vào việc giải các bài toán tiểu học có liên quan.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Giúp sinh viên nắm được một cách hệ thống kiến thức về Đa thức-phân thức hữu tỷ, phương trình, hệ phương trình và bất phương trình, đẳng thức, bất đẳng thức đại số và các phương pháp giải.
- Giúp SV hiểu rõ cơ sở toán học của nội dung những yếu tố đại số ở tiểu học.
- Giúp SV liên hệ và vận dụng để giải các bài toán ở tiểu học theo phương pháp phù hợp với học sinh.

4.2. Về kỹ năng

- Giải tốt các dạng bài tập về đa thức – phân thức, phương trình, hệ phương trình và bất phương trình, hệ bất phương trình đại số cơ bản.
- Sử dụng thành thạo những kiến thức của học phần vào việc giảng dạy và giải các bài toán toán về Yếu tố đại số ở tiểu học.



## 4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong học tập.
- Có ý thức, tích cực vận dụng những kiến thức của học phần vào việc giảng dạy ở trường Tiểu học.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. ĐA THỨC, PHÂN THỨC HỮU TỶ</b>	<b>12</b>	
<b>1.1. Biểu thức toán học</b>		
1.1.1. Các phép toán sơ cấp 1.1.2. Biểu thức toán học 1.1.3. Giá trị của một biểu thức. Miền xác định của biểu thức	<b>2</b>	
<b>1.2. Đa thức</b>	<b>3</b>	
1.2.1. Định nghĩa (Đa thức một ẩn, đa thức hằng đẳng, dạng chính tắc của đa thức) 1.2.2. Cộng và nhân đa thức. Vành đa thức 1.2.3. Phép chia đa thức 1.2.4. Nghiệm của đa thức 1.2.5. Đa thức bất khả quy		- SV nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp. - Phần lí thuyết, căn cứ vào từng đối tượng SV cụ thể:
<b>1.3. Phân thức hữu tỷ</b>	<b>3</b>	+ Với một số nội dung SV khó tự học
1.3.1. Định nghĩa 1.3.2. Các phép toán trên các phân thức. 1.3.3. Trường các phân thức hữu tỷ		GV giảng trên lớp giúp SV nắm được ND bài học.
<b>1.4. Liên hệ vào việc dạy học và giải toán ở tiểu học</b>	<b>4</b>	
1.4.1. Liên hệ vào việc dạy học yếu tố đại số ở tiểu học		+ Với những ND SV có thể tự học, GV
1.4.2. Liên hệ vào việc giải toán ở tiểu học		cho SV tự học ở nhà hoặc thảo luận trên
<b>Chương 2. PHƯƠNG TRÌNH – HỆ PHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>10</b>	lớp.
<b>2.1. Đại cương về phương trình</b>	<b>1</b>	- Phần bài tập: SV
2.1.1. Các khái niệm cơ bản		làm trước ở nhà, GV
2.1.2. Các phép biến đổi tương đương		chỉ chữa những bài
<b>2.2. Các phương trình một ẩn số thường gặp</b>	<b>2</b>	tập cần thiết hoặc SV
2.2.1. Phương trình bậc nhất		
2.2.2. Phương trình bậc hai		

<b>2.3. Đại cương về phương trình nhiều ẩn và hệ phương trình</b>	<b>2</b>	yêu cầu chữa. - Đánh giá kết quả theo nhóm/cá nhân trên từng sản phẩm.
2.3.1. Phương trình nhiều ẩn		
2.3.2. Hệ phương trình		
<b>2.4. Các hệ phương trình thường gặp</b>	<b>2</b>	
2.4.1. Hệ phương trình tuyến tính		
2.4.2. Hệ phương trình bậc cao		
<b>2.5. Liên hệ vào việc dạy học và giải toán liên quan đến đẳng thức và phương trình ở tiểu học</b>	<b>3</b>	
<b>Chương 3. BẤT ĐẲNG THỨC – BẤT PHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>8</b>	
<b>3.1. Bất đẳng thức</b>	<b>2</b>	
3.1.1. Trường số sắp thứ tự		
3.1.2. Tính chất cơ bản của bất đẳng thức		
3.1.3. Các phương pháp chứng minh bất đẳng thức		
3.1.4. Một số bất đẳng thức cơ bản		
<b>3.2. Bất phương trình và hệ bất phương trình</b>	<b>3</b>	
3.2.1. Khái niệm cơ bản		
3.2.2. Bất phương trình bậc nhất một ẩn		
3.2.3. Hệ bất phương trình bậc nhất một ẩn		
3.2.4. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn		
3.2.5. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn		
<b>3.3. Liên hệ vào việc dạy học và giải toán liên quan đến bất đẳng thức và bất phương trình ở tiểu học</b>	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Đặng Thế Cấp (2004), *Đại số sơ cấp*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Hoàng Chúng (2006), *Số học*, NXB Giáo dục.

2. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), *Toán 1, Toán 2, Toán 3, Toán 4, Toán 5* (Sách Giáo khoa), NXB Giáo dục.

3. Ngô Thúc Lanh (1996), *Đại số và số học*, NXB Giáo dục.

4. Vũ Tuấn, Nguyễn Văn Đoàn (2006), *Giáo trình Toán sơ cấp*. NXB ĐHSP.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- |   |            |
|---|------------|
| - Điểm chuyên cần:                                | hệ số 0.1; |
| - Điểm thực hành/bài tập:                         | hệ số 0.1; |
| - Điểm thảo luận trên lớp:                        | hệ số 0.1; |
| - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: | hệ số 0.1; |
| - Điểm thi kết thúc học phần:                     | hệ số 0.6. |

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phạm Thị Thanh Tú

**HỌC PHẦN**  
**CƠ SỞ HÌNH HỌC Ở TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: CƠ SỞ HÌNH HỌC Ở TIỂU HỌC
- Mã học phần: 815113
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

Sau khi học xong môn này, sinh viên cần đạt được:

Nắm vững những kiến thức cơ bản về hình học sơ cấp.

Nắm vững những kiến thức cơ bản về các tiên đề hình học Euclide, về một số định lý cơ bản, về một số phép biến hình cơ bản, về diện tích và thể tích một số hình; vận dụng chúng để hiểu và dạy đúng, dạy tốt môn Toán ở tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về các tiên đề hình học Euclide, về một số định lý cơ bản, về một số phép biến hình cơ bản, diện tích và thể tích một số hình.
- Hiểu rõ cơ sở khoa học khi vận dụng những kiến thức về hình học sơ cấp vào thực tiễn đời sống.
- Hiểu rõ cơ sở toán học của nội dung các yếu tố hình học ở tiểu học, từ đó dạy tốt các nội dung này.

4.2. Về kỹ năng

- Giải được các bài toán về hình học sơ cấp và các vấn đề liên quan.

- Vận dụng những kiến thức về hình học sơ cấp để giải quyết các bài toán liên quan ở tiểu học và các bài toán từ thực tiễn cuộc sống và trong nghiên cứu khoa học đặt ra.

#### 4.3. Về thái độ

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong học tập.
- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá	
<b>Chương 1: Hệ tiên đề hình học Euclide</b>	<b>10</b>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi đến lớp: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập</li> <li>- Trên lớp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần làm sáng tỏ</li> <li>+ Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Kiểm tra, đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tinh thần, thái độ, sự đóng góp khi thảo luận, trao đổi bài học và giải quyết các thắc mắc, các câu hỏi: <b>0.1</b></li> <li>- Sửa chữa những bài tập đã cho: <b>0.1</b></li> <li>- Kiểm tra viết: <b>0.1</b></li> </ul>	
<b>1.1. Phương pháp tiên đề – Hệ tiên đề Hilbert</b>	4		
1.1.1. Hệ tiên đề của một lí thuyết toán học			
1.1.2. Hệ tiên đề hình học Euclide của Hilbert	5		
<b>1.2. Một số định lí</b>			
1.2.1. Một số kết quả về liên thuộc và thứ tự			
1.2.2. Một số kết quả khác	1		
<b>1.3. Mô hình của hình học Euclide – Mặt phẳng toạ độ</b>			
1.3.1. Mô hình số học của hình học Euclide			
1.3.2. Mặt phẳng toạ độ	<b>9</b>		
<b>Chương 2 : Hình phẳng – Phép biến hình – Dựng hình</b>			
<b>2.1. Hình phẳng</b>			1
2.1.1. Hình phẳng			
2.1.2. Đường gấp khúc – Đa giác			
2.1.3. Miền phẳng			5
<b>2.2. Phép biến hình</b>			
2.2.1. Khái niệm phép biến hình			
2.2.2. Phép dời hình			
2.2.3. Phép đồng dạng			3
<b>2.3. Dựng hình</b>			
2.3.1. Các tiên đề hình học dựng hình			
2.3.2. Các phép dựng hình cơ bản bằng thước và compa			
2.3.3. Một số bài toán dựng hình cơ bản			
2.3.4. Lời giải của một bài toán dựng hình	<b>8</b>		
<b>Chương 3 : Diện tích – Thể tích</b>			
<b>3.1. Diện tích của hình phẳng</b>		4	
3.1.1. Khái niệm diện tích của một hình			
3.1.2. Diện tích của một số hình		4	
<b>3.2. Thể tích của một hình</b>			
3.2.1. Khái niệm thể tích của một hình			
3.2.2. Thể tích của một số hình			
<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	<b>3</b>		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Nguyễn Mộng Hy (2003), *Xây dựng hình học bằng phương pháp tiên đề*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đâu Thế Cấp (2005), *Xây dựng hình học bằng phương pháp tiên đề*, NXB Giáo dục.
2. Trương Đức Hình, Đào Tam (2002), *Cơ sở hình học và hình học sơ cấp*, NXB Đại học Huế.
3. Văn Như Cương, Kiều Huy Luân, Hoàng Trọng Thái (2001), *Hình học*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kính Đức

ThS. Trần Thế Hiển

ThS. Trần Hòa Hiệp

**HỌC PHẦN**  
**VẬN DỤNG NGŨ PHÁP VĂN BẢN VÀO DẠY HỌC TẬP LÀM VĂN CHO**  
**HỌC SINH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Vận dụng ngữ pháp văn bản vào việc giảng dạy Tập làm văn cho HSTH**

- Mã học phần: 815114

- Số tín chỉ: 2 (2,0)

- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 00)

- Trình độ đào tạo: Đại học; cao đẳng

- Điều kiện để học học phần: Không

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn-Tiếng Việt và PPGD Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

- Văn bản

- Đoạn văn

- Liên kết trong văn bản

- Luyện viết đoạn văn, các loại văn bản cho học sinh tiểu học

- Vận dụng kiến thức về ngữ pháp văn bản vào việc giảng dạy phân môn Tập làm văn cho học sinh tiểu học

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Củng cố cho sinh viên các kiến thức về đặc trưng, cấu trúc của đoạn văn và việc viết các loại đoạn văn, tách đoạn, chuyển đoạn; Đặc trưng, cấu trúc của văn bản và việc viết các loại văn bản; Liên kết trong văn bản và các quy tắc liên kết cần rèn luyện cho HS.

- Sử dụng các kiến thức đã học về ngữ pháp văn bản để ứng dụng cụ thể vào quá trình giảng dạy phân môn Tập làm văn ở chương trình tiểu học.

**4.2. Về kĩ năng**

- Hiểu, phân tích được các mô hình đoạn văn, bố cục của văn bản, các phương thức liên kết đoạn văn, văn bản và ý nghĩa của các phương thức, phương tiện liên kết theo dụng ý của người viết.

- Luyện viết các thể văn ở Tiểu học ( kể chuyện, miêu tả, văn hành chính, thuyết trình..) và thực hành lên lớp một số tiết tập làm văn cho học sinh tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên phải có ý thức đọc tài liệu, chuẩn bị bài theo tinh thần học tập của hệ tín chỉ để tương tác tốt trong giờ học trên lớp.

- Nghiêm túc trong việc tiếp thu các kiến thức cơ bản và hoàn thiện các kỹ năng phân tích ngữ liệu nhằm mục đích không những ứng dụng cho việc giảng dạy sau này mà còn nâng cao khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hiệu quả nhất.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Giải yếu về ngữ pháp văn bản</b>	<b>4</b>	- Sử dụng giáo án điện tử
<b>1.1. Đối tượng và nhiệm vụ của ngữ pháp văn bản</b>	1	- Phân nhóm làm việc
1.1.1. Đối tượng của ngữ pháp văn bản		
1.1.1. Nhiệm vụ của ngữ pháp văn bản		- Nêu các vấn đề cần thảo luận
<b>1.2. Văn bản</b>	<b>3</b>	- SV thuyết trình
1.2.1. Khái niệm, đặc trưng của văn bản		- SV dạy một số tiết TLV
1.2.2. Bố cục của văn bản	0.5	- GV nhận xét, góp ý
1.2.3. Phân loại văn bản	0.5	- Đánh giá giờ lên lớp của nhóm, cá nhân
1.2.4. Tiếp nhận và tóm tắt văn bản	1	
1.2.5. Luyện viết các loại văn bản theo chương trình tiểu học	1	
<b>Chương 2. Đoạn văn</b>	<b>5</b>	
<b>2.1. Cấu trúc đoạn văn và hướng dẫn học sinh viết đoạn văn</b>		
2.1.1. Khái niệm	1	
2.1.2. Các kiểu cấu trúc đoạn văn	1	
2.1.3. Luyện viết các loại đoạn văn theo mô hình cấu trúc cho học sinh tiểu học	2	



<b>2.2. Tách đoạn</b>	1	
2.2.1. Căn cứ tách đoạn	0.5	
2.2.2. Hướng dẫn học sinh tiểu học tách đoạn	0.5	
<b>Chương 3. Liên kết trong văn bản</b>	<b>6</b>	
<b>3.1. Khái niệm</b>		
<b>3.2. Các phương diện liên kết trong văn bản</b>	1	
3.2.1. Liên kết nội dung		
3.2.2. Liên kết hình thức		
<b>3.3. Các kiểu liên kết</b>	1	
3.3.1. Liên kết tiếp giáp		
3.3.2. Liên kết bắc cầu		
<b>3.4. Liên kết câu</b>	2	
3.4.1. Các phương tiện liên kết câu		
3.4.2. Các phương thức liên kết câu		
<b>3.5. Liên kết đoạn</b>	2	
3.5.1. Phương tiện liên kết		
3.5.2. Phương thức liên kết		
<b>Chương 4. Thực hành vận dụng ngữ pháp văn bản vào việc dạy tập làm văn cho học sinh tiểu học</b>	<b>15</b>	
<b>4.1. Soạn và thuyết minh giáo án</b>	5	
4.1.1. Soạn giáo án		
4.1.2. Thuyết minh giáo án		
<b>4.2. Giảng một số tiết phân môn tập làm văn</b>	10	
4.2.1. Giảng theo nhóm		
4.2.2. Nhận xét, rút kinh nghiệm		

## **6. Tài liệu học tập**

### **6.1. Tài liệu chính**

1. Nguyễn Thị Ly Kha (2009), *Ngữ pháp văn bản và luyện tập làm văn*. Nxb Giáo dục.
2. Trần Ngọc Thêm (2000), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Tp.Hồ Chí Minh.
3. Lê Thị Phương Nga (2012), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

### **6.2. Tài liệu khác**

1. SGK Tiếng Việt lớp 4,5.
2. Một số văn bản tiếng Việt: bài văn, bài báo,...

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: nhiều lần
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Nguyễn Thị Thu Hằng

**HỌC PHẦN**  
**GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT BẬC TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: GIÁO DỤC HÒA NHẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT BẬC TIỂU HỌC

- Mã học phần: 815086

- Số tín chỉ: 02

- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0)

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tự nhiên xã hội và PPDH tự nhiên xã hội

**3. Mô tả học phần**

Nâng cao nhận thức về GD trẻ khuyết tật - GD hòa nhập và ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với GDHN trẻ khuyết tật trong trường tiểu học

Trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản về giáo dục trẻ hòa nhập ở Tiểu học.

Tìm hiểu một số khái niệm có liên quan, những kiến thức cơ bản về 1 số dạng tật thường gặp và những kỹ năng cần có khi chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật học hòa nhập cũng như cách tư vấn cho phụ huynh trẻ khuyết tật.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Hiểu một số khái niệm có liên quan đến GDHN.

4.2. Về kỹ năng: Biết soạn kế hoạch giáo dục cá nhân, điều chỉnh nội dung dạy học và biết cách quản lí trẻ khuyết tật học hòa nhập.

4.3. Về thái độ: Có thái độ đúng đắn và trách nhiệm khi làm việc với trẻ khuyết tật học hòa nhập.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Đại cương về GDĐB, khuyết tật.</b>	<b>10</b>	Thuyết giảng, thảo luận, thực hiện bài tập nhóm, cá nhân
<b>1.1. Một số khái niệm có liên quan</b>		
1.1.1. Giáo dục đặc biệt, khuyết tật.		
1.1.2. Sức khỏe (WHO)		
1.1.3. Quá trình tàn tật		
<b>1.2. Lịch sử GDHN và định hướng GDHN</b>		
1.2.1. Lịch sử GDKT- GDHN thế giới		
1.2.2. Lịch sử GDKT - GDHN Việt Nam		
<b>1.3. Những vấn đề chung về CTS và GDHN trẻ KT</b>		
1.3.1. Can Thiệp Sớm		
1.3.2. Khái niệm, ý nghĩa.		
1.3.3. Đặc trưng và nguyên tắc CTS		
1.4. Giáo dục hòa nhập		
1.4.1. Khái niệm, ý nghĩa		
1.4.2. Đặc trưng và nguyên tắc GDHN		
<b>Chương 2: Can thiệp sớm và GDHN trẻ khuyết tật</b>	<b>20</b>	
<b>2.1. Can thiệp sớm và GDHN trẻ khó khăn về nhìn</b>		
2.1.1. Khái niệm - Nguyên nhân		
2.1.2. Đặc điểm		
2.1.3. Phát hiện sớm		
2.1.4. Biện pháp chăm sóc giáo dục		
<b>2.2. Can thiệp sớm và GDHN trẻ khó khăn về nghe</b>		
2.2.1. Khái niệm - Nguyên nhân		
2.2.2. Đặc điểm		
2.2.3. Phát hiện sớm		
2.2.4. Biện pháp chăm sóc giáo dục.		
<b>2.3. Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ CPTTT</b>		
2.3.1. Khái niệm - Nguyên nhân		
2.3.2. Phát hiện sớm		
2.3.3. Một số dạng tật dẫn đến CPTTT		
2.3.4. Biện pháp chăm sóc giáo dục trẻ CPTTT		
2.3.5. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2003), *Nhập môn Giáo Dục Hòa Nhập*, NXB ĐHSP Hà Nội.
2. Đỗ Thị Thảo (2003), *Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân*, NXB ĐHSP Hà Nội.
3. Trường ĐHSP Hà Nội - khoa GDĐB (2012), *kỷ yếu hội thảo khoa học giáo dục Giáo dục đặc biệt Việt Nam kinh nghiệm và triển vọng*, NXB ĐHSP Hà Nội.
4. Trung Tâm nghiên cứu Giáo dục trẻ khuyết tật TP Hồ Chí Minh (2007), *Từng Bước Nhỏ một.*

### 6.2. Tài liệu khác:

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình:
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 

- Điểm chuyên cần:	hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình:	hệ số 0.3
- Điểm thi kết thúc học phần:	hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Bùi Thị Kim Trúc

**HỌC PHẦN**  
**BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC CẢM THỤ VĂN HỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh Tiểu học**
- Mã học phần: 815087
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 ( 815062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Văn-Tiếng Việt và PP dạy học Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung: khái quát về cảm thụ văn học và việc bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HSTH; các phương pháp, biện pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HSTH; bồi dưỡng năng lực cảm thụ theo từng phân môn.

Vị trí học phần: thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Giúp sinh viên củng cố kỹ năng phân tích và cảm thụ tác phẩm văn học; Tổ chức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho học sinh Tiểu học ở trường Tiểu học.

4.2. Về kỹ năng

Vận dụng kiến thức về cảm thụ văn học để dạy học các phân môn trong sách Tiếng Việt ở Tiểu học.

4.3. Về thái độ

- Yêu thích cảm thụ văn học, yêu cái đẹp trong cuộc sống
- Có ý thức bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học, chú trọng bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học trong dạy học các phân môn Tiếng Việt cho HSTH.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về cảm thụ văn học và việc bồi dưỡng năng lực CTVH cho HSTH</b>	<b>10</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức tổ chức dạy học: Lớp, nhóm, cá nhân</li> <li>- Hình thức chủ yếu: nhóm</li> <li>+ Giáo viên hướng dẫn phương pháp tự học, giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên.</li> <li>+ Sinh viên nghiên cứu tài liệu ở nhà; thảo luận, chuẩn bị bài thuyết trình, thuyết trình, tương tác với cả lớp</li> <li>+ Giáo viên giải đáp thắc mắc, chốt lại nội dung học tập...</li> </ul>
<b>1.1. Khái quát về cảm thụ văn học</b>		
1.1.1. Khái niệm cảm thụ văn học		
1.1.2. Các cấp độ cảm thụ văn học		
1.1.3. Quá trình cảm thụ văn học		
1.1.4. Năng lực cảm thụ văn học		
<b>1.2. Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HSTH</b>		
1.2.1. Ý nghĩa của việc bồi dưỡng năng lực CTVH cho HSTH		
1.2.2. Đặc điểm cảm thụ văn học của học sinh tiểu học		
1.2.3. Năng lực cần thiết của giáo viên tiểu học khi bồi dưỡng năng lực CTVH cho học sinh		
1.2.4. Đặc trưng CTVH ở trường Tiểu học		
1.2.5. Nội dung bồi dưỡng năng lực CTVH ở trường tiểu học		
<b>Chương 2. Phương pháp, biện pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HSTH</b>	<b>9</b>	
<b>2.1. Phương pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HSTH</b>		
2.1.1. Nhóm phương pháp trực quan		
2.1.2. Nhóm phương pháp thông tin - giải thích		
2.1.3. Nhóm phương pháp mô hình hóa		
2.1.4. Phương pháp sử dụng câu hỏi và bài tập		
Kiểm tra giữa kì	<b>1</b>	Kiểm tra tại lớp
<b>Chương 3. Bồi dưỡng năng lực CTVH qua một số phân môn Tiếng Việt ở Tiểu học</b>	<b>9</b>	
3.1. Phân môn Tập đọc		
3.2. Phân môn Kể chuyện		
3.3. Phân môn Tập làm văn		
3.4. Thực hành: Hướng dẫn bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học qua một số bài tập đọc, kể		

chuyên, tập làm văn trong CTTH.		
Ôn tập	<b>1</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê Thị Lan Anh - Phạm Minh Diệu - Nguyễn Đình Mai - Hoàng Thị Mai(2009), *Bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn chương cho học sinh Tiểu học*”, NXB Giáo dục.

2. Hoàng Hoà Bình (2002), *Dạy văn cho học sinh Tiểu học*, NXB Giáo dục.

3. Phan Trọng Luận (1983), *Cảm thụ văn học, giảng dạy văn học*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Trần Mạnh Hưởng (2003), *Luyện tập và cảm thụ văn học ở Tiểu học*, NXB Giáo dục

2. Lê Phương Nga - Nguyễn Trí (1999), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXBĐHQG Hà Nội.

3. Phạm Thị Việt - Lê Ánh Tuyết- Cao Đức Tiến (1997), *Văn học và phương pháp cho trẻ tiếp xúc với văn học*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Ngô Thị Ngọc Diệp



**HỌC PHẦN**  
**PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG TƯ DUY TOÁN HỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG TƯ DUY TOÁN HỌC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

- Mã học phần: 815115

- Số tín chỉ: 2 (2; 0)

- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (15; 10; 5; 0)

- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và Phương pháp dạy học

**3. Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản:

- Một số vấn đề lí luận về tư duy, tư duy toán học;

- Các hoạt động cụ thể hướng tới việc rèn luyện và phát triển khả năng tư duy học sinh tiểu học trong dạy học môn toán.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tư duy, tư duy toán; Biết vận dụng lí luận vào thực tiễn để triển khai việc rèn luyện và phát triển khả năng tư duy toán cho học sinh tiểu học

**4.2. Về kĩ năng**

Giúp sinh viên bước đầu có kỹ năng vận dụng các vấn đề hiện đại của lí luận vào thực tiễn dạy học toán ở tiểu học.

**4.3. Về thái độ**

Sinh viên có ý thức học tập độc lập cũng như làm việc theo nhóm; Tích cực rèn luyện và phát triển kĩ năng, năng lực của cá nhân trong việc học tập.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Đại cương về tư duy</b>	<b>7</b>	
<b>1.1. Khái niệm tư duy</b>	<b>1</b>	
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Tính chất của tư duy		
<b>1.2. Quá trình tư duy và các thao tác tư duy cơ bản</b>	<b>3</b>	
1.2.1. Quá trình tư duy		
1.2.2. Các thao tác tư duy cơ bản		
<b>1.3. Một số loại hình tư duy</b>	<b>3</b>	
1.3.1. Tư duy trực quan		
1.3.2. Tư duy trừu tượng		
1.3.3. Tư duy trực giác		
<b>Chương 2. Tư duy toán học</b>	<b>8</b>	
<b>2.1. Khái niệm tư duy toán học</b>	<b>1</b>	
<b>2.2. Các hình thức tư duy trong toán học</b>	<b>2</b>	
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Phán đoán		
2.2.3. Suy luận		
<b>2.3. Các thao tác tư duy toán học</b>	<b>2</b>	
2.3.1. Thao tác tư duy So sánh		
2.3.2. Thao tác tư duy Phân tích – Tổng hợp		
2.3.3. Thao tác tư duy Trừu tượng hóa - Khái quát hóa - Đặc biệt hóa		
2.3.4. Tưởng tượng		
<b>2.4. Một số loại hình tư duy toán học</b>	<b>3</b>	
2.4.1. Tư duy hình thức và tư duy biện chứng		
2.4.2. Tư duy phê phán, tư duy giải toán và tư duy sáng tạo		
2.4.3. Tư duy ngữ nghĩa và tư duy cú pháp		
<b>Chương 3. Rèn luyện và phát triển tư duy toán cho học sinh tiểu học</b>	<b>15</b>	
<b>3.1. Một số vấn đề lí luận liên quan đến việc rèn luyện và phát triển tư duy toán cho học sinh tiểu học</b>	<b>3</b>	
3.1.1. Vị trí, vai trò của việc rèn luyện và phát triển tư duy toán cho học sinh tiểu học		
3.1.2. Đặc điểm tư duy của HS tiểu học		
3.1.3. Một số biểu hiện của học sinh tiểu học có tư duy tốt		
3.1.4. Các phương pháp rèn luyện và phát triển tư duy toán cho học sinh tiểu học		
<b>3.2. Rèn luyện và phát triển khả năng tư duy toán cho học sinh tiểu học</b>	<b>12</b>	
3.2.1 Rèn luyện và phát triển khả năng tư duy toán cho học sinh tiểu học thông qua dạy học nội dung số học		
3.2.2 Rèn luyện và phát triển khả năng tư duy toán cho học sinh thông qua dạy học yếu tố hình học		
3.2.3 Rèn luyện và phát triển khả năng tư duy toán cho		

- SV nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.  
 - Phần lí thuyết, căn cứ vào từng đối tượng SV cụ thể:  
 + Với một số nội dung SV khó tự học GV giảng trên lớp giúp SV nắm được ND bài học.  
 + Với những ND SV có thể tự học, GV cho SV tự học ở nhà hoặc thảo luận trên lớp.  
 - Phần bài tập, thực hành: GV giao nhiệm vụ cụ thể để SV nghiên cứu trước ở nhà sau đó trình bày, thảo luận trên lớp.  
 - Đánh giá kết quả theo nhóm/cá nhân trên từng sản phẩm.

học sinh thông qua dạy học đại lượng và đo đại lượng		
3.2.4 Rèn luyện và phát triển khả năng tư duy toán cho học sinh thông qua dạy học giải toán có lời văn.		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

9. Trần Thúc Trinh (1998), Tư duy và hoạt động học toán, NXBĐHSP.
10. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), Toán 1, Toán 2, Toán 3, Toán 4, Toán 5 (Sách Giáo khoa), NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đỗ Trung Hiệu – Đỗ Đình Hoan – Vũ Dương Thụy – Vũ Quốc Chung (2008), *Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
2. Nguyễn Bá Kim (2002), *Phương pháp dạy học môn toán*, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.
3. G. Polya (1997), *Toán học và những suy luận có lí*, NXB Giáo dục.
4. G. Polya (1997), *Sáng tạo toán học*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phạm Thị Thanh Tú

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

**HỌC PHẦN**  
**LÍ LUẬN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT**  
**Ở TIỂU HỌC**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên HP: **Lí luận về đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học**
- Mã HP: 815117
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết: 30 (30, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học HP:
- + Đòi hỏi HP/MH trước: không
- + Đòi hỏi môn song hành: không

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và PP dạy học Văn - Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lí luận đổi mới phương pháp dạy học; những hệ thống phương tiện và cách thức cụ thể trong hoạt động dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

- Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể ứng dụng những phương pháp đổi mới trong thực tế dạy học của mình, có kiến thức về lí luận nhằm cập nhật các phương pháp mới, nâng cao hiệu quả dạy tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Kiến thức**

- Học viên (HV) nắm được những đổi mới về nội dung dạy học môn Tiếng Việt dẫn đến đòi hỏi đổi mới PPDH. Bản chất của đổi mới PPDH là phát huy tính tích cực của HS. Các phương pháp, biện pháp, hình thức dạy học chủ yếu, quy trình dạy học từng phân môn (Học vần, Tập đọc, Kể chuyện, Chính tả, Tập viết, Luyện từ và câu, Tập làm văn).

- Hiểu mục đích kiểm tra, đánh giá. Nắm được cách thức đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở Tiểu học (kiểu đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan và kiểu đề tự luận - những ưu điểm và hạn chế).

**4.2. Kỹ năng**

- Có khả năng vận dụng các PPDH (cả truyền thống và hiện đại) vào thực tiễn giảng dạy môn Tiếng Việt một cách linh hoạt, sáng tạo, đúng lúc đúng chỗ, phù hợp

với mục đích, yêu cầu, đặc trưng của từng phân môn, phát huy cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

- Bước đầu biết ra đề kiểm tra, đánh giá (kiểu trắc nghiệm khách quan và tự luận); biết sử dụng các kiểu đề đúng với yêu cầu và thời lượng kiểm tra.

#### 4.3. Thái độ

- Tâm đắc với PPDH mới, chủ động, tự tin, có sáng kiến trong hoạt động giảng dạy.

- Không cực đoan trong đánh giá, biết sử dụng những ưu điểm của các kiểu đề kiểm tra, đánh giá trong thực tiễn giảng dạy.

### 5. Kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ LÝ LUẬN CỦA ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	5	- Chia nhóm học tập từ 6-8 SV.
1.1. Cơ sở thực tiễn của đổi mới phương pháp dạy học 1.2. Cơ sở lý luận dạy học của đổi mới phương pháp dạy học 1.3. Một số đặc điểm tâm lý của học sinh tiểu học		- GV nêu vấn đề, SV thảo luận. GV đưa ra nhận xét và kết luận vấn đề lý thuyết.
Chương 2: ĐẶC TRƯNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC - NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 2.1. Những định hướng chính trong đổi mới phương pháp dạy học 2.2. Đặc điểm của phương pháp dạy học phát huy tính tích cực của học sinh ở tiểu học 2.3. Dấu hiệu đặc trưng của phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá 2.4. Những điều kiện và giải pháp để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học thành công 2.5. Một số phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá ở tiểu học và kỹ thuật triển khai	9	- SV soạn giáo án, thuyết minh giáo án trong nhóm, thống nhất cách giảng dạy.  - SV lên lớp, các nhóm khác phân tích, nhận xét.  - GV nhận xét, góp ý.
Chương 3: ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 3.1. Dạy học văn 3.2. Dạy tập đọc 3.3. Dạy kể chuyện	16	

3.4. Dạy chính tả		
3.5. Dạy tập viết		
3.6. Dạy luyện từ và câu		
3.7. Dạy tập làm văn		
3.8. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

6.1.1. Nguyễn Trí (2002), *Dạy và học môn tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới*, NXB Giáo dục.

6.1.2. Nguyễn Thị Hạnh (2002), *Một số vấn đề đổi mới đánh giá kết quả học tập môn tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

6.2.1. Đinh Thị Oanh – Vũ Thị Kim Dung – Phạm Thị Thanh, *Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.

6.2.2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở Tiểu học (Lớp 1, 2, 3, 4, 5)*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010.

6.2.3. Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5 hiện hành.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Trần Thị Lam Thủy

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

**HỌC PHẦN**  
**LÍ LUẬN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC**

**1. Thông tin chung về học phần/môn học (HP/MH)**

1.1. Tên HP/MH: LÍ LUẬN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC

1.2. Mã HP/MH: 815118

1.3. Số tín chỉ: 2 (2; 0)

1.4. Số tiết: 30 (30; 0)

1.5. Điều kiện để học HP/MH:

– Đòi hỏi HP/MH trước: Không

– Đòi hỏi môn song hành: Không

1.6. Bộ môn phụ trách HP: Toán và PPDH

**2. Mục tiêu chung của HP/MH**

Sau khi học xong môn này, sinh viên cần đạt được:

Nắm vững những nội dung về lí luận đổi mới phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học và biết vận dụng chúng vào dạy học toán ở tiểu học

**3. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)**

3.1. Về kiến thức:

- Nắm vững những nội dung về đổi mới phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học
- Nắm vững những hình thức đổi mới tổ chức dạy – học môn toán ở tiểu học
- Tiếp cận được một số hình thức, phương pháp và kỹ thuật tổ chức dạy – học môn toán theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh

3.2. Về kỹ năng:

- Biết cách tiếp cận nội dung và phương pháp đổi mới dạy học môn toán ở tiểu học
- Sử dụng được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy – học môn toán theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh

3.2. Về thái độ:

- Tích cực, chủ động và linh hoạt trong quá trình học tập
- Nghiêm túc thực hành kỹ năng vận dụng phương pháp đổi mới dạy học môn toán ở tiểu học
- Có ý thức tự học để hoàn thiện kiến thức, kỹ năng và phương pháp về đổi mới dạy học môn toán ở tiểu học

#### 4. Tóm tắt nội dung HP/MH

Môn Lí luận về đổi mới phương pháp dạy học toán ở tiểu học gồm 2 chương sau:  
**Chương 1:** Tổng quan về đổi mới phương pháp dạy học toán ở tiểu học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh

Bài 1: Đổi mới phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học

Bài 2: Những phương pháp truyền thống và tích cực thường được vận dụng trong dạy học toán ở tiểu học

**Chương 2:** Một số phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn toán ở tiểu học

Bài 1: Dạy học theo nhóm tương tác trong môn toán

Bài 2: Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề

Bài 3: Vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học môn toán ở tiểu học

Bài 4: Hình thức tổ chức trò chơi trong dạy học môn toán

#### 5. Kế hoạch dạy HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy – học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Tổng quan về đổi mới phương pháp dạy học toán ở tiểu học theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh</b>	<b>10</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> – Trước khi đến lớp: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập – Trên lớp: + Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần làm sáng tỏ + Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành <b>Kiểm tra, đánh giá:</b> – Tinh thần, thái độ, sự đóng góp khi thảo luận, trao đổi bài học và giải quyết các thắc mắc, các câu hỏi: <b>0.1</b> – Sửa chữa những bài tập đã cho: <b>0.1</b> – Kiểm tra viết: <b>0.1</b>
<b>1.1. Đổi mới phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học</b>	5	
1.1.1. Vì sao phải đổi mới phương pháp dạy học		
1.1.2. Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng nào		
1.1.3. Phương pháp dạy học tích cực là gì ?	5	
<b>1.2. Những phương pháp truyền thống và tích cực thường được vận dụng trong dạy học toán ở tiểu học</b>		
1.2.1. Các phương pháp dạy học truyền thống		
1.2.2. Các phương pháp dạy học tích cực	20	
<b>Chương 2: Một số phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn toán ở tiểu học</b>		
<b>2.1. Dạy học theo nhóm tương tác trong môn toán</b>		
2.1.1. Những đặc điểm và cách thức tổ chức dạy học theo nhóm	5	
2.1.2. Phương tiện dạy học theo nhóm, đánh giá việc học tập theo nhóm		
2.1.3. Các tình huống sư phạm dạy học theo nhóm có hiệu quả		
<b>2.2. Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề</b>	5	
2.2.1. Thế nào là dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề		
2.2.2. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề là một mục tiêu của giáo dục ở tiểu học		



2.2.3. Các tình huống sư phạm dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề		
2.2.4. Dạy học giải quyết vấn đề trong các giai đoạn khác nhau của quá trình hình thành kiến thức, kỹ năng		
2.2.5. Các mức độ dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề		
<b>2.3. Vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học môn toán ở tiểu học</b>	5	
2.3.1. Đặc điểm của dạy học theo lối kiến tạo		
2.3.2. Mô hình của dạy học theo lối kiến tạo		
2.3.3. Một số ví dụ vận dụng		
<b>2.4. Hình thức tổ chức trò chơi trong dạy học môn toán</b>	5	
2.4.1. Thế nào là trò chơi học tập		
2.4.2. Tác dụng của trò chơi học tập		
2.4.3. Những phản ứng tâm lí của học sinh khi tham gia trò chơi học tập		
2.4.4. Cách tổ chức trò chơi học tập môn toán		
2.4.5. Những yêu cầu để trò chơi học tập đạt hiệu quả cao		
2.4.6. Những lưu ý khi tổ chức trò chơi học tập môn toán		
2.4.7. Một số ví dụ minh họa		

## 6. Tài liệu học tập:

### 6.1. Tài liệu chính

Đỗ Tiến Đạt, Đào Thái Lai, Trần Ngọc Giao, Trần Luận, Phạm Thanh Tâm (2007), *Đổi mới phương pháp dạy học môn toán* (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo và Dự án phát triển giáo viên tiểu học), NXBGD và NXBĐHSP.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Lan Bình, Đỗ Hương Trà, Nguyễn Phương Hồng, Cao Thị Thặng (2010), *Dạy và học tích cực một phương pháp và kỹ thuật dạy học* (Dự án Việt – Bỉ), NXB Đại học Sư Phạm.
2. G.Poly (1977), *Giải bài toán như thế nào*, (Người dịch: Hồ Thuần, Bùi Tường), NXB Giáo dục.
3. Hoàng Chúng (1991), *Rèn luyện khả năng sáng tạo Toán học ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục.

## 7. Cách đánh giá HP/MH

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc HP/MH: Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Cách đánh giá HP/MH: Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm thi kết thúc HP/MH và các điểm quá trình

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kinh Đức

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH    ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN    NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

**HỌC PHẦN**  
**DẠY HỌC TỪ HÁN VIỆT CHO HỌC SINH TIỂU HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Dạy học từ Hán Việt cho học sinh Tiểu học**
- Mã học phần: 815314
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết: 30 (30; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

- Đây là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.
- Kiến thức trang bị cho sinh viên là những vấn đề về từ làm cơ sở cho việc dạy học từ ở tiểu học.
- Kỹ năng rèn luyện cho học viên qua môn học là việc vận dụng tri thức từ Hán-Việt, nội dung và phương pháp dạy từ Hán Việt vào quá trình dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
- Vị trí của học phần trong CTĐT: Tự chọn
- Điều kiện để học học phần: Không

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Mô tả và lí giải được những vấn đề cơ bản về từ Hán Việt: khái niệm, nguồn gốc hình thành, cấu tạo, ngữ nghĩa, khả năng hoạt động, phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt; những vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong sách giáo khoa tiểu học và định hướng giảng dạy.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được các bước giải nghĩa từ Hán Việt, biết phân loại, lựa chọn và sử dụng từ Hán Việt thường dùng trong giao tiếp.

- Hướng dẫn được học sinh tiểu học bước đầu nhận diện, lựa chọn, sử dụng từ Hán Việt thông dụng đúng nghĩa, đúng cách.

#### 4.3. Về thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của việc hiểu đúng và dùng đúng từ Hán Việt trong giao tiếp là góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, tăng hiệu quả giáo dục.

- Giáo dục được học sinh ý thức học tập, tích lũy từ Hán Việt, góp phần gìn giữ và phát triển tiếng nói dân tộc.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Từ Hán Việt trong vốn từ tiếng Việt</b>	<b>8</b>	- Thuyết trình, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu kiến thức - Sử dụng máy chiếu, giáo án điện tử
<b>1.1. Nguyên nhân hình thành và cách nhận diện</b>	<b>2</b>	
1.1.1. Khái niệm và Nguyên nhân hình thành	1	
1.1.2. Cách nhận diện từ Hán Việt trong vốn từ tiếng Việt	1	
<b>1.2. Cấu tạo từ Hán Việt và khả năng hoạt động của các yếu tố Hán Việt</b>	<b>3</b>	
1.2.1. Cấu tạo từ Hán Việt	1.5	
1.2.2. Khả năng hoạt động của các yếu tố Hán Việt	1.5	
<b>1.3. Ngữ nghĩa và phong cách từ Hán Việt</b>	<b>3</b>	
1.3.1. Ngữ nghĩa từ Hán Việt	1.5	
1.3.2. Phong cách từ Hán Việt	1.5	
<b>Chương 2. Từ Hán Việt trong mối quan hệ với từ thuần Việt</b>	<b>8</b>	
<b>2.1. Sự phân công chức năng giữa từ Hán Việt và thuần Việt</b>	<b>3</b>	
2.1.1. Sự phân công chức năng giữa từ Hán Việt và thuần Việt trong ngôn ngữ giao tiếp	1.5	
2.1.2. Sự phân công chức năng giữa từ Hán Việt và thuần Việt trong tác phẩm văn học	1.5	
<b>2.2. Về hiện tượng đồng âm Hán Việt và thuần Việt</b>	<b>2</b>	
2.2.1. Hiện tượng đồng âm giữa các yếu tố Hán – Hán	1	
2.2.2. Hiện tượng đồng âm giữa các yếu tố Hán - Việt	1	
<b>2.3. Sử dụng từ Hán Việt và việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt</b>	<b>3</b>	
<b>Chương 3. Từ Hán Việt trong chương trình Tiếng Việt tiểu học và một số vấn đề về dạy học từ Hán Việt ở tiểu học</b>	<b>15</b>	
<b>3.1. Nội dung, chương trình và thực trạng dạy học từ Hán Việt ở tiểu học</b>	<b>5</b>	
3.1.1. Từ Hán Việt trong nội dung, chương trình sách Tiếng Việt tiểu học	2	SV khảo sát trên chương trình sách giáo khoa và thực tế giảng dạy ở các địa phương
3.1.2. Thực trạng dạy học và khả năng nhận hiểu từ Hán Việt	3	

của học sinh tiểu học		
<b>3.2. Một số định hướng giảng dạy từ Hán Việt cho học sinh tiểu học</b>	<b>10</b>	Hướng dẫn SV tìm hiểu và xây dựng phương pháp dạy học
3.2.1. Dạy học tích hợp từ Hán Việt trong các phân môn Tiếng Việt	4	
3.2.2. Hướng dẫn học sinh tích cực, chủ động trong tìm hiểu từ Hán Việt	6	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê A (chủ biên) – Nguyễn Quang Ninh – Bùi Minh Toán (1997), *Phương pháp dạy học từ Hán Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Phan Văn Các (1994), *Từ điển Hán Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Hoàng Trọng Canh (2009), *Từ Hán Việt và dạy học từ Hán Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Tài Căn (2000), *Nguồn gốc và quá trình hình thành các từ Hán Việt*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Phan Ngọc (1984), *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt*, NXB Đà Nẵng.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Trần Thị Lam Thủy

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

**HỌC PHẦN  
 TỪ HÁN VIỆT**

**1. Thông tin chung về học phần/môn học (HP/MH)**

- Tên HP/MH: **TỪ HÁN VIỆT**
- Mã HP/MH: 815079
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết: 30 (30,0)
- Điều kiện để học HP/MH:
- + Đòi hỏi HP/MH trước: Tiếng Việt 1 (815050)
- + Đòi hỏi môn song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và PP dạy học Văn - Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

- Đây là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học.
- Kiến thức trang bị cho sinh viên là những vấn đề về từ làm cơ sở cho việc dạy học từ ở tiểu học.
  - Kỹ năng rèn luyện cho học viên qua môn học là việc vận dụng tri thức từ Hán-Việt, nội dung và phương pháp dạy từ Hán Việt vào quá trình dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
- Vị trí của học phần trong CTĐT: Tự chọn

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

- Nhận rõ các khái niệm cơ bản có liên quan đến chữ Hán, tiếng Hán. Tiến trình du nhập và phổ biến chữ Hán, tiếng Hán ở Việt Nam. Các loại âm đọc chữ Hán ở Việt Nam. (âm Hán Việt, âm Cổ Hán Việt, âm Hán Việt Việt hoá), âm Hán - Việt (nguồn gốc và quá trình hình thành, cơ cấu ngữ âm của âm Hán Việt).
- Sự tiếp xúc ngôn ngữ Hán Việt và Việt Hán. Các loại âm tiết trong tiếng Việt có nguồn gốc từ tiếng Hán. Nhận diện âm tiết Hán Việt về mặt ngữ âm. Âm tiết Hán Việt và từ Hán Việt. Cấu tạo của từ Hán Việt. Đặc điểm ngữ nghĩa của từ Hán Việt trong cảm thức ngôn ngữ của người Việt. Chức năng và phong cách của từ Hán Việt trong ngôn ngữ văn học tiếng Việt.

## 4.2. Về kỹ năng:

- Nhận thức, nhận diện âm tiết thuần Việt, Hán Việt về mặt ngữ âm.
- Nhận thức và sử dụng hợp lý từ Hán Việt trên cơ sở nắm vững các đặc trưng chức năng và phong cách của chúng, có khả năng lý giải chúng.

## 4.3. Về thái độ:

Thấy được sự phong phú của vốn từ tiếng Việt do có cơ chế hợp lý trong việc thâm nhập từ ngoại lai trước hết là vốn từ từ tiếng Hán và Việt hóa chúng trong sử dụng.

## 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Một số giới thuyết và khái niệm cơ sở</b>	5	Chia lớp thành các Nhóm 6 -> 8 SV -GV giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên. -SV tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi ý kiến theo nhóm, trình bày trước lớp -Tiếp theo các nhóm tranh luận, rút ra nội dung của bài học -Giảng viên giải đáp thắc mắc và chốt nội dung cơ bản của bài học
1.1. Tiếp xúc Hán - Việt và tiếp xúc Việt - Hán.	1	
1.2. Tiến trình phổ biến tiếng Hán ở Việt Nam trong lịch sử.	2	
1.2.1. Phổ biến chữ Hán giai đoạn Bắc thuộc		
1.2.2. Phổ biến chữ Hán và văn ngôn chữ Hán 10 thế kỷ của thời phong kiến tự chủ.		
1.3. Ba loại âm tiết trong tiếng Việt có nguồn gốc từ tiếng Hán.	1	
1.3.1. Âm tiết Cổ Hán Việt		
1.3.2. Âm tiết Hán Việt		
1.3.3. Âm tiết Hán Việt hoá		
1.4. Nhận diện âm tiết Hán Việt về mặt ngữ âm trong mối quan hệ với âm tiết thuần Việt.	0,5	
1.5. Hai loại âm tiết Hán Việt trong tiếng Việt và trong cảm thức ngôn ngữ của người Việt	0,5	
<b>Chương 2. Cấu tạo và ngữ nghĩa của từ Hán Việt</b>	6	
2.1. Từ đơn tiết	2	
2.2. Từ đa tiết	2	
2.3. Đặc trưng ngữ nghĩa của từ Hán Việt trong cảm thức ngôn ngữ của người Việt	2	
<b>Chương 3. Tính chất và chức năng của vốn từ Hán Việt</b>	17	
3.1. Tính chất và chức năng của vốn từ Hán Việt trong cảm thức ngôn ngữ của người Việt	5	
3.1.1. Tính chất		
3.1.2. Chức năng		
3.2. Sự phân công tính chất và chức năng của từ Hán Việt và thuần Việt trong tiếng Việt văn học	5	
3.3. Phân tích từ Hán Việt qua thực tế văn bản tiếng Việt theo đặc trưng và chức năng	7	
Kiểm tra	2	Kiểm tra viết

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Thiện Giáp (1996), *Từ và nhận diện từ*, Nxb Giáo dục.
3. Phan Ngọc (1998), *Mẹo giải nghĩa từ Hán Việt*, Nhà xuất bản Thanh niên, H.

### 6.2. Tài liệu khác:

1. Nguyễn Ngọc San (2003), *Tìm hiểu tiếng Việt lịch sử*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, H.
2. Trần Trí Dõi (2005), *Giáo trình lịch sử tiếng Việt (sơ thảo)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, H.
3. Phan Văn Các (1994), *Từ điển từ Hán Việt*, Nhà xuất bản Giáo dục, H.
4. Hoàng Dân - Nguyễn Văn Bảo - Trịnh Ngọc Ánh, (1997), *Mở rộng vốn từ Hán Việt*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

## 7.7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- |   |            |
|---|------------|
| - Điểm chuyên cần:                                | hệ số 0.1; |
| - Điểm thực hành/bài tập:                         | hệ số 0,1; |
| - Điểm thảo luận trên lớp:                        | hệ số 0.1; |
| - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: | hệ số 0.2; |
| - Điểm thi kết thúc học phần:                     | hệ số 0.5  |

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**



**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 1
- Mã học phần: 815055
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

HP trang bị cho SV những hiểu biết đại cương về phương pháp dạy học toán ở Tiểu học như: mục tiêu, cấu trúc nội dung chương trình Toán Tiểu học, các loại suy luận, hệ thống các phương pháp dạy học toán, các hình thức và kiểm tra đánh giá, lập kế hoạch dạy học và sử dụng thiết bị dạy học toán ở Tiểu học.

Thông qua HP, SV có thể phân tích chương trình và sách giáo khoa (SGK) toán Tiểu học, tìm hiểu bài học, phân tích tình huống dạy học và vận dụng hệ thống các PPDH vào việc soạn bài, tập giảng.

Sau khi học xong HP này SV có thể hiểu được cách thức tổ chức các hoạt động dạy học toán của GV Tiểu học và có thể học tiếp HP PPDH Toán 2.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

SV có thể:

- Nêu mục tiêu và giải thích mục tiêu dạy học môn toán Tiểu học.
- Liệt kê các nội dung dạy học chủ yếu trong chương trình Toán ở mỗi lớp theo các tuyến kiến thức: Số học, Đại lượng, Yếu tố hình học và Giải toán. Viết được nghĩa của kiến thức qua tình huống dạy học của SGK.
- Nêu tên các loại suy luận được dùng để hình thành kiến thức mới trong bài học.

- Trình bày được những hiểu biết về các PPDH toán thường dùng ở Tiểu học (Ưu điểm, nhược điểm, nguyên tắc sử dụng)

- Mô tả quy trình dạy học giải quyết vấn đề.

#### 4.2. Về kĩ năng

SV có khả năng:

- Phân tích chương trình và SGK toán Tiểu học.

- Vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học truyền thống để thể hiện ý tưởng dạy học. Viết quy trình dạy học giải quyết vấn đề của một bài học trong SGK Toán.

- Lập sơ đồ phân tích hướng dẫn giải toán một bài toán có đến 4 phép tính.

-Soạn bài theo hướng đổi mới PPDH.

#### 4.3. Về thái độ

- Đi học chuyên cần, hoàn thành đầy đủ bài tập được giao.

- Tích cực nghiên cứu cá nhân, mạnh dạn thảo luận trong nhóm, tập giảng.

- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Mục tiêu và chương trình toán Tiểu học</b>	<b>5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b>
1.1. Một số vấn đề về dạy học toán ở Tiểu học	1	Trên lớp:
1.1.1 Đặc điểm tâm lí HS Tiểu học		+ Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần đến tri thức làm sáng tỏ.
1.1.2. Những đặc điểm cần chú ý		
<b>1.2. Mục tiêu dạy học môn toán Tiểu học</b>	<b>1</b>	+ Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên làm những bài tập rèn kỹ năng thực hành. GV góp ý, chỉnh sửa cho SV.
1.2.1. Tìm hiểu mục tiêu chung và giải thích mục tiêu		
1.2.2. Tìm hiểu mục tiêu dạy học toán ở từng lớp		
<b>1.3. Chương trình và sách giáo khoa toán Tiểu học</b>	<b>2</b>	+ Kết thúc buổi dạy: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập ở nhà chuẩn bị cho buổi học kế tiếp.
1.3.1. Cấu trúc chương trình môn toán Tiểu học		
1.3.2. Đặc điểm cấu trúc nội dung, chương trình		
1.3.3. Đặc điểm về SGK, SGV		
<b>1.4. Chuẩn học tập môn toán Tiểu học</b>		
<b>1.5. Nghĩa của kiến thức qua tình huống</b>	<b>1</b>	
<b>Chương 2. Các phương pháp suy luận thường dùng trong dạy học toán ở Tiểu học</b>	<b>3</b>	
2.1. Phương pháp quy nạp	1	
2.2. Phương pháp suy diễn	1	
2.3. Phương pháp tương tự		
2.4. Phương pháp phân tích và tổng hợp	1	
<b>Chương 3. Một số phương pháp và hình thức tổ chức</b>	<b>6</b>	

<b>dạy học toán ở Tiểu học</b>		<b>Kiểm tra, đánh giá:</b>
<b>3.1. Các phương pháp dạy học thường dùng : Quan niệm, vai trò, tác dụng, phạm vi sử dụng, nguyên tắc sử dụng</b>	4	Làm bài tập nhà : 0,1 Kiểm tra viết : 0,2
3.1.1. PP trực quan		
3.1.2. PP hỏi – đáp		
3.1.3. PP giảng giải – minh họa		
3.1.4. PP thực hành – luyện tập		
3.1.5. Vận dụng các PP dạy học thường dùng trong một số bài dạy toán Tiểu học.		
<b>3.2. Các hình thức tổ chức học tập trong dạy học toán ở Tiểu học.</b>	2	
3.2.1. Tổ chức học tập theo nhóm tương tác		
3.2.2. Tổ chức học tập cá nhân bằng phiếu giao việc		
3.2.3. Tổ chức hoạt động trò chơi		
3.2.4. Tổ chức hoạt động ngoại khóa		
<b>Chương 4. Vận dụng dạy học giải quyết vấn đề và dạy học kiến tạo trong dạy học toán ở Tiểu học</b>	<b>10</b>	
<b>4.1. Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề.</b>	4	
4.1.1. Vấn đề và tình huống có vấn đề		
4.1.2. Quá trình dạy học giải quyết vấn đề		
4.1.3. Tạo tình huống có vấn đề		
<b>4.2. Vận dụng lý thuyết kiến tạo trong dạy học toán</b>	2	
4.2.1. Lý thuyết kiến tạo		
4.2.2. Đặc trưng, mô hình, quá trình dạy học theo lối kiến tạo và thiết kế bài dạy		
<b>4.3. Soạn bài dạy (Thiết kế bài dạy) môn toán.</b>	2	
<b>4.4. Thực hành dạy phần kiến thức mới đã soạn</b>	2	
<b>Chương 5. Một số hình thức và PP đánh giá trong dạy học toán ở Tiểu học</b>	<b>2</b>	
5.1. Quan niệm về đánh giá và các hình thức đánh giá	0,5	
5.2. Thu thập thông tin phục vụ cho đánh giá: Quan sát, trao đổi, giao nhiệm vụ, kiểm tra.		
5.3. Tự đánh giá	0,5	
5.4. Lập hồ sơ học tập của HS	0,5	
5.5. Trắc nghiệm khách quan	0,5	
<b>Chương 6. Sử dụng thiết bị trong dạy học môn toán ở Tiểu học</b>	<b>4</b>	
6.1. Đồ dùng dạy học thông thường	0,5	
6.2. Các thiết bị dạy học hiện đại	0,5	
6.3. Thực hành soạn bài trên phần mềm Power Point	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Quốc Chung (chủ biên) (2007), *Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học*, NXB Giáo dục và Nhà xuất bản ĐHSP.
2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác:

1. Đỗ Trung Hiệu (1995), *Phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học*, Nhà xuất bản giáo dục.
2. Phạm Ngọc Bảo (2011), *Bài giảng Phương pháp dạy học Toán 1* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Khoa GD Tiểu học Trường ĐHSG.
3. Các đĩa hình của Dự án phát triển giáo viên Tiểu học.
4. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở Tiểu học*, Nhà xuất bản giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kinh Đức

ThS. Nguyễn Kinh Đức

TS. Phạm Thị Thanh Tú

ThS. Trần Thế Hiển

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 2
- Mã học phần: 815315
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: PPDH Toán 1 (815055)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

HP trang bị cho SV những hiểu biết cơ bản về phương pháp dạy học các chủ đề: số học, yếu tố hình học, đại lượng - đo đại lượng.

Thông qua HP, rèn luyện cho SV soạn bài, các thao tác lên lớp, tổ chức dạy học các bài học thuộc chủ đề đang học.

Sau khi học xong HP, SV có khả năng đứng lớp trong đợt thực tập SP.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

SV có thể:

- Nêu mục tiêu, nội dung và yêu cầu khi dạy các chủ đề: số học, các yếu tố hình học, đại lượng - đo đại lượng, giải toán ở Tiểu học.

- Mô tả quy trình dạy học các loại bài dạy: Khái niệm ban đầu về số tự nhiên, các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, phân số và số thập phân, so sánh hai số tự nhiên, các bảng tính.

- Nêu được phương pháp dạy học các biểu tượng hình học và các đại lượng và đơn vị đo thông dụng.

4.2. Về kỹ năng

- Soạn được các bài thuộc chủ đề đang học theo hướng đổi mới phương pháp dạy học ở dạng văn bản và trình chiếu (Slides)

- Sinh viên làm việc theo nhóm: trình bày được một chủ đề đang học.
- Vận dụng phương pháp dạy học tích cực để dạy kiến thức mới thuộc chủ đề đang học.

#### 4.3. Về thái độ

- Đi học chuyên cần, hoàn thành đầy đủ bài tập được giao.
- Tích cực nghiên cứu cá nhân, mạnh dạn thảo luận trong nhóm, tập giảng.
- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Dạy học Số và các phép tính ở Tiểu học</b>	<b>20</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b>
<b>1.1. Dạy học số tự nhiên và các phép tính trên số tự nhiên.</b>	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trước khi đến lớp: SV đọc trước tài liệu và làm bài tập đã được GV dặn dò.</li> <li>• Trên lớp:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần đến tri thức làm sáng tỏ.</li> <li>+ Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành</li> <li>+ Kết thúc buổi dạy: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập ở nhà chuẩn bị cho buổi học kế tiếp.</li> </ul> </li> </ul> <b>Kiểm tra, đánh giá:</b> Làm bài tập nhà : 0,1 Kiểm tra viết : 0,2
1.1.1. Nội dung, mục đích, yêu cầu		
1.1.2. Phương pháp dạy học các số tự nhiên		
1.1.3. Phương pháp dạy học các phép tính trên số tự nhiên		
<b>1.2. Dạy học phân số và các phép tính trên phân số</b>	4	
1.2.1. Nội dung, mục đích, yêu cầu dạy học phân số trong SGK toán Tiểu học		
1.2.2. Phương pháp dạy học khái niệm phân số		
1.2.3. Phương pháp dạy học các phép tính trên phân số		
<b>1.3. Dạy học số thập phân và các phép tính trên số thập phân</b>	4	
1.3.1. Nội dung, mục đích, yêu cầu dạy học số thập phân trong SGK toán 5		
1.3.2. Phương pháp dạy học khái niệm số thập phân		
1.3.3. Phương pháp dạy học các phép tính trên số thập phân		
<b>1.4. Dạy học các yếu tố đại số ở Tiểu học (YTĐS) ở Tiểu học</b>	4	
1.4.1. Nội dung, mục đích, yêu cầu dạy học các YTĐS		
1.4.2. Phương pháp dạy học các YTĐS		
<b>Chương 2. Dạy học các yếu tố hình học ở Tiểu học (YTHH)</b>	<b>13</b>	
2.1. Nội dung, mục đích, yêu cầu dạy học các YTHH ở Tiểu học	1	
2.2. Tìm hiểu sự phát triển các kiến thức HH ở Tiểu học.	1	
2.3. Phương pháp dạy học các YTHH	11	

2.3.1. Dạy học hình thành biểu tượng HH: luận điểm và vận dụng vào dạy học một số bài học cụ thể		
2.3.2. Dạy học phân tích, tổng hợp hình.		
2.3.3. Dạy học vẽ, cắt, ghép hình.		
<b>Chương 3. Dạy học đại lượng và đo đại lượng ở Tiểu học</b>	<b>11</b>	
<b>3.1.</b> Nội dung, mục đích, yêu cầu dạy học các đại lượng ở Tiểu học	1	
<b>3.2.</b> Tìm hiểu phép đo đại lượng	1	
<b>3.3.</b> Phương pháp dạy học một số đại lượng cụ thể	9	
3.3.1. Dạy học đại lượng độ dài		
3.3.2. Dạy học đại lượng khối lượng		
3.3.3. Dạy học đại lượng thời gian		
3.3.4. Dạy học đại lượng diện tích		
3.3.5. Dạy học đại lượng thể tích		
<b>Chương 4. Dạy học các yếu tố thống kê ở Tiểu học (YTTK)</b>	<b>1</b>	
<b>4.1.</b> Nội dung, mục đích, quan điểm dạy học YTTK	0,5	
<b>4.2.</b> Phương pháp dạy học các YTTK	0,5	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Quốc Chung (chủ biên) (2007), *Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học*, NXB Giáo dục và Nhà xuất bản ĐHSP.
2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác:

1. Trần Diên Hiền (2004), *Thực hành giải toán tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP.
2. Phạm Đình Thực (2009), *Phương pháp dạy toán tiểu học (Tập 2)*; Nhà xuất bản giáo dục Tp HCM.
3. Các đĩa hình của Dự án phát triển giáo viên Tiểu học.
4. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở Tiểu học*, Nhà xuất bản giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

## 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kính Đức

ThS. Nguyễn Kính Đức

TS. Phạm Thị Thanh Tú

ThS. Trần Thế Hiển



**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 3
- Mã học phần: 815057
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: PPDH Toán 1 (815055)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

HP trang bị cho SV những hiểu biết cơ bản về phương pháp dạy học giải toán Tiểu học; về các dạng toán khó ở Tiểu học, các phương pháp giải toán khó Tiểu học.

HP hình thành cho SV khả năng:

- Thông qua học phần rèn luyện cho SV soạn bài, các thao tác trên lớp, tổ chức dạy học giải toán.
- Phân tích và nhận dạng bài toán.
- Suy luận và trình bày bài giải các bài toán khó theo cách giải Tiểu học.

\* Sau khi học xong HP, SV có khả năng học tiếp HP Phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

SV có thể:

- Phân loại và mô tả các dạng toán khó ở Tiểu học.
- Nêu các phương pháp giải toán Tiểu học thường dùng.

4.2. Về kỹ năng

- SV có khả năng:
  - Biết hướng dẫn giải các bài toán hợ, toán điển hình.
  - Phân tích, tóm tắt và suy luận tìm cách giải bài toán.

- Giải được các bài toán số học có và không có lời văn.
- Giải được các bài toán hình học ở Tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Đi học chuyên cần, hoàn thành đầy đủ bài tập được giao.
- Tích cực nghiên cứu cá nhân, mạnh dạn thảo luận trong nhóm, tập giảng.
- Tôn trọng, hợp tác cùng hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Dạy học giải toán có lời văn ở Tiểu học</b>	<b>6</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b>  Trước khi đến lớp: SV đọc trước tài liệu và làm bài tập đã được GV dặn dò.  • Trên lớp: + Sinh viên sửa chữa những bài tập đã cho, nêu những thắc mắc và những câu hỏi liên quan cần đến tri thức làm sáng tỏ.  + Giảng viên hướng dẫn để sinh viên trao đổi, từ đó rút ra những tri thức cần lĩnh hội. Sau đó sinh viên tự giải quyết những bài tập thực hành  + Kết thúc buổi dạy: Giảng viên hướng dẫn, giao nhiệm vụ để sinh viên nghiên cứu tài liệu và làm bài tập ở nhà chuẩn bị cho buổi học kế tiếp.  <b>Kiểm tra, đánh giá:</b> Làm bài tập nhà : 0,1 Kiểm tra viết : 0,2
<b>1.1. Nội dung, mục đích dạy học giải toán</b>	0,5	
<b>1.2. Tổ chức dạy học giải toán</b>	2,5	
1.2.1. Các mức độ của dạy học giải toán		
5.2.2. Dạy giải toán đơn		
1.2.3. Dạy giải toán hợp		
<b>1.3. Thực hành giải toán điển hình</b>	3	
<b>Chương 2. Phương pháp giải các bài toán không có lời văn</b>	<b>4</b>	
2.1. PP giải các bài toán dùng chữ thay số	2	
2.2. PP giải các bài toán dạng phân số.	1	
2.3. PP giải các bài toán về dãy số	1	
<b>Chương 3. Phương pháp giải các bài toán có lời văn</b>	<b>5</b>	
3.1. Phương pháp dùng sơ đồ đoạn thẳng	1	
3.2. Phương pháp sử dụng đơn vị quy ước	1	
3.3. Phương pháp khử	1	
3.4. Phương pháp thế	0,5	
3.5. Phương pháp thử chọn	0,5	
3.6. Phương pháp dùng tỉ số và rút về đơn vị	1	
<b>Chương 4: Phương pháp rèn kỹ năng giải toán</b>	<b>10</b>	
4.1. PP giải các bài toán điển hình	2	
4.2. PP giải toán trồng cây	2	
4.3. PP giải toán đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch	2	
4.4. PP giải toán chuyển động thẳng	4	
<b>Chương 5: PP giải toán hình học ở Tiểu học</b>	<b>5</b>	
5.1. PP giải các bài toán về chứng minh	3	
5.2. PP giải các bài toán cắt, ghép hình	2	

### 6. Tài liệu học tập

#### 6.1. Tài liệu chính:

Trần Diên Hiền (2004), *Thực hành giải toán tiểu học*, Nhà xuất bản ĐHSP.

#### 6.2. Tài liệu khác:

1. Nguyễn Danh Ninh, Vũ Dương Thụy (1995), *140 bài toán về phân số*, Nhà xuất bản giáo dục.

2. Vũ Dương Thụy (2006), *Các dạng toán cơ bản ở Tiểu học*, Nhà xuất bản giáo dục.

3. Phạm Đình Thực (2001), *Đề thi học sinh giỏi toán bậc Tiểu học*, Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Kinh Đức

ThS. Nguyễn Kinh Đức

TS. Phạm Thị Thanh Tú

ThS. Trần Thế Hiền

**HỌC PHẦN**  
**RÈN KĨ NĂNG SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Rèn kĩ năng sử dụng tiếng Việt**
- Mã học phần: 815095
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;

0)

- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt

**3. Mô tả học phần**

- Bồi dưỡng và nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học; nhằm chuẩn bị tốt cho việc dạy phân môn tiếng Việt cho học sinh sau khi tốt nghiệp.

- Rèn cho sinh viên những kĩ năng cơ bản và nâng cao sau: Đọc văn bản theo thể loại; viết và trình bày bảng; kể chuyện và tóm tắt văn bản; viết văn miêu tả.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên những kĩ năng sử dụng tiếng Việt nhằm đáp ứng tốt cho việc dạy phân môn tiếng Việt cho học sinh tiểu học sau này.

**4.2. Về kĩ năng**

- Rèn luyện kĩ năng đọc đúng, đọc nhanh; kĩ năng kể chuyện; kĩ năng viết bảng và trình bày bảng; kĩ năng viết văn miêu tả;

- Vận dụng những kĩ năng trên vào việc giảng dạy học sinh tiểu học.

**4.3. Về thái độ**

- Sinh viên phải tự rèn luyện ở nhà trước giờ lên lớp theo tinh thần học tín chỉ;

- Sinh viên từng bước tự tìm hiểu, cập nhật những kỹ năng sử dụng tiếng Việt mà một giáo viên Tiểu học cần phải nắm vững và thành thạo để chuẩn bị tốt cho từng phân môn, từng tiết học ở trường Tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Rèn luyện kỹ năng đọc</b>	<b>7</b>	Hình thức nhóm – lớp – cá nhân
1.1. Mục tiêu		
1.2. Một số khái niệm cơ bản		
1.3. Những kỹ năng đọc văn bản theo thể loại		
1.3.1. Rèn kỹ năng đọc thơ, văn vần		
1.3.2. Rèn kỹ năng đọc truyện (phân môn tập đọc, kể chuyện)		
1.2.3. Rèn kỹ năng đọc các loại văn bản khác		
<b>Chương 2. Rèn luyện kỹ năng kể chuyện</b>	<b>7</b>	Hình thức nhóm – lớp – cá nhân
2.1. Mục tiêu		
2.2. Một số khái niệm cơ bản		
2.3. Các bước chuẩn bị		
2.3.1. Tóm tắt văn bản		
2.3.2. Phân tích tính cách nhân vật; ý nghĩa của chuyện		
2.4. Yêu cầu trong quá trình kể chuyện		
2.4.1. Giọng điệu, cử chỉ, điệu bộ		
2.4.2. Đóng vai nhân vật		
2.4.3. Kể chuyện theo tranh		
<b>Chương 3. Rèn luyện kỹ năng viết bảng; trình bày bảng</b>	<b>8</b>	- Hình thức nhóm – lớp – cá nhân - Phối hợp các PPDH - Kiểm tra miệng – viết; cá nhân – nhóm – lớp
3.1. Mục tiêu		
3.1. Rèn luyện kỹ năng viết bảng		
3.1.1. Những yêu cầu chung		
3.1.2. Các bước chuẩn bị; kỹ thuật viết chữ		
3.1.3. Thực hành viết bảng trên lớp		
3.2. Rèn kỹ năng trình bày bảng		
3.2.1. Những yêu cầu chung		
3.2.2. Rèn kỹ năng trình bày bảng theo từng phân môn tiếng Việt.		
<b>Chương 4. Rèn luyện kỹ năng viết văn miêu tả</b>	<b>8</b>	Hình thức nhóm – lớp – cá nhân
4.1. Mục tiêu		
4.2. Rèn kỹ năng lập dàn ý cho một bài văn miêu tả		
4.3. Luyện viết văn miêu tả theo chương trình, SGK		
4.3.1. Luyện viết văn tả đồ vật		
4.3.2. Luyện viết văn tả cây cối		
4.3.3. Luyện viết văn tả loài vật		
4.3.4. Luyện viết văn tả cảnh thiên nhiên		
4.3.5. Luyện viết văn tả người		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt, Tài liệu lưu hành nội bộ của Khoa Giáo dục tiểu học, Trường Đại học Sài Gòn.

2. Hoàng Thị Mai (Chủ biên) – Lê Thị Lan Anh – Nguyễn Văn Đông – Mai Hảo Yên, *Rèn luyện kỹ năng thực hành Tiếng Việt cho học sinh Tiểu học*, Bộ GD&ĐT – Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, 2007.

3. Lê A, *Chữ viết và dạy chữ viết ở Tiểu học*, NXBĐHSP, 2002.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5 hiện hành.

2. Mẫu chữ viết trong trường Tiểu học, theo quyết định 31/2002/QĐ/BGD&ĐT ngày 14/02/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Ngô Tuyết Phượng

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1**
- Mã học phần: 815062
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Việt 1 (815050)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và PP dạy học Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về Phương pháp dạy học tiếng Việt và các kĩ năng giảng dạy phân môn Học vần.
- Giúp sinh viên áp dụng vào thực tế giảng dạy sau này.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về đối tượng, nhiệm vụ của Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học, các cơ sở khoa học, những đặc điểm của học sinh tiểu học trong quá trình chiếm lĩnh tiếng Việt, mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học.

- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về vị trí nhiệm vụ, các cơ sở khoa học và nguyên tắc dạy Học vần, nắm được chương trình, nội dung, cách tổ chức dạy học phân môn này.

**4.2. Về kĩ năng**

- Có kĩ năng phân tích các cơ sở khoa học của Phương pháp dạy học tiếng Việt, tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ của học sinh tiểu học, kĩ năng phân tích, tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học, lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học tạo cơ sở để tổ chức dạy học tiếng Việt một cách khoa học và có hiệu quả.

- Có kỹ năng đánh giá kết quả học tập Tiếng Việt của học sinh.
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá thực tế dạy học tiếng Việt ở Tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Bồi dưỡng cho sinh viên tình cảm, thái độ yêu quý tiếng mẹ đẻ
- Có ý thức rèn luyện năng lực tiếng mẹ đẻ cho học sinh
- Yêu mến, đồng cảm với học sinh tiểu học

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Lý luận về Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học</b>	<b>15</b>	Hình thức nhóm – lớp – cá nhân
<b>1.1. Đại cương về Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học</b>	5	Phối hợp các PPDH Kiểm tra miệng – viết; cá nhân – nhóm – lớp
1.1.1. Khái luận về Phương pháp dạy học tiếng Việt		Soạn giảng
1.1.1.1. Khái niệm về “ <i>Phương pháp</i> ”		
1.1.1.2. Phương pháp dạy học là gì?		
1.1.1.3. Phương pháp dạy học tiếng Việt là gì?		
1.1.2. Đối tượng của Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học		
1.1.3. Nhiệm vụ của Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học		
1.1.3.1. Cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về việc dạy học môn tiếng Việt ở trường tiểu học		
1.1.3.2. Rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản về dạy học môn tiếng Việt ở tiểu học		
1.1.3.3. Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức cho người giáo viên		
1.1.3.4. Phát triển năng lực tự đào tạo, tự nghiên cứu cho người học về Phương pháp dạy học tiếng Việt		
1.1.4. Mối quan hệ giữa Phương pháp dạy học tiếng Việt với các khoa học khác		
g pháp dạy học tiếng Việt với Ngôn ngữ học		
1.1.4.2. Phương pháp dạy học tiếng Việt với tâm lý học		
1.1.4.3. Phương pháp dạy học tiếng Việt với giáo dục học		
1.1.4.4. Phương pháp dạy học tiếng Việt với triết học Mác - Lênin		
1.1.5. Phương pháp nghiên cứu của Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học		
ọc Tiếng Việt trong trường tiểu học	5	
1.2.1. Mục tiêu của hành động học		
1.2.2. Mục tiêu của môn tiếng Việt trong trường tiểu học		



1.2.3. Yêu cầu về kỹ năng và kiến thức sử dụng tiếng Việt		
1.2.3.1. Yêu cầu về kỹ năng		
1.2.3.2. Yêu cầu về kiến thức sử dụng tiếng Việt		
1.2.4. Nguyên tắc biên soạn sách giáo khoa tiếng Việt ở tiểu học		
1.2.4.1. Nguyên tắc giao tiếp		
1.2.4.2. Nguyên tắc tích hợp		
1.2.4.3. Nguyên tắc tích cực hóa hoạt động của học sinh		
1.2.5. Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học		
1.2.6. Cấu trúc bài học tiếng Việt ở tiểu học theo hình thức mô-đun		
1.2.6.1. Khái niệm		
1.2.6.2. Cấu trúc bài học tiếng Việt ở tiểu học theo hình thức mô-đun		
<b>1.3. Các nguyên tắc và Phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học</b>	5	
1.3.1. Nguyên tắc dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học		
1.3.1.1. Khái niệm		
1.3.1.2. Các nguyên tắc đặc trưng của dạy học tiếng Việt ở tiểu học		
1.3.2. Các phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học		
1.3.2.1. Khái niệm		
1.3.2.2. Các phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học		
1.3.3. Một số phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa ở tiểu học và kỹ thuật triển khai		
1.3.3.1. Phân loại phương pháp		
1.3.3.2. Cách thức triển khai một số phương pháp dạy học		
<b>Chương 2. Phương pháp dạy học phân môn Học vần</b>	<b>15</b>	Hình thức nhóm – lớp – cá nhân
<b>2.1. Vị trí, nhiệm vụ của phân môn Học vần</b>	1	Phối hợp các PPDH
2.1.1. Vị trí của phân môn Học vần		Kiểm tra miệng – viết; cá nhân – nhóm – lớp
2.1.2. Nhiệm vụ của phân môn Học vần		Soạn giảng
2.2. Chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt 1	2	
2.2.1. Phân bố chương trình phân môn Học vần		
2.2.2. Sách giáo khoa Tiếng Việt 1		
<b>2.3. Phương pháp và phương tiện dạy Học vần</b>	2	
2.3.1. Một số cách đánh vần		
2.3.2. Phương pháp dạy học phân môn Học vần		
2.3.3. Các phương tiện dạy học phân môn Học vần		
<b>2.4. Quy trình dạy học và giáo án bài Học vần</b>	10	
2.4.1. Quy trình dạy bài Học vần		
2.4.2. Giáo án bài Học vần		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Lê Phương Nga (chủ biên)- Lê A- Đỗ Xuân Thảo- Đặng Kim Nga (2012), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Tài liệu lưu hành nội bộ (2012), *Bài giảng, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1*, Khoa Giáo dục Tiểu học- Trường ĐHSG.

3. Sách giáo khoa, Sách giáo viên Tiếng Việt tiểu học lớp 1, NXBGD.

### **6.2. Tài liệu khác:**

1. Lê Phương Nga- Đặng Kim Nga (2007), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng và đại học sư phạm), NXB Đại học Sư phạm.

2. Lê Phương Nga- Lê A- Lê Hữu Tinh- Đỗ Xuân Thảo- Đặng Kim Nga (2007), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1*, NXB Đại học Sư phạm.

3. Lê Phương Nga- Lê A- Đỗ Xuân Thảo- Đặng Kim Nga (2009), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1*, NXB Đại học Sư phạm.

4. Lê Phương Nga- Đỗ Xuân Thảo- Lê Hữu Tinh (1998), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1*, NXB Giáo dục Hà Nội.

5. Đỗ Hữu Châu- Bùi Minh Toán, (1993), *Đại cương Ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục.

6. Đỗ Đình Hoan (2002), *Một số vấn đề cơ bản của chương trình tiểu học mới*, NXB Giáo dục Hà Nội.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Ngô Tuyết Phương

**HỌC PHẦN  
PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 2****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2**
- Mã học phần: 815316
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45,0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 (815062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học.

**3. Mô tả học phần**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về PP dạy học Tiếng Việt và các kỹ năng sư phạm.
- Giúp người học có năng lực tổ chức quá trình dạy học các phân môn: Tập viết, Tập đọc, Chính tả, kể chuyện ở Tiểu học một cách khoa học và hiệu quả.
- Giúp sinh viên áp dụng vào thực tế giảng dạy sau này.

**4. Mục tiêu học phần****4.1. Về kiến thức**

- Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về vị trí, tính chất, nhiệm vụ, các cơ sở khoa học, các nguyên tắc dạy học Tập viết, Tập đọc, Chính tả, Kể chuyện ở Tiểu học.

- Giúp sinh viên nắm được chương trình, nội dung dạy học, sách giáo khoa và cách thức dạy học các phân môn Tập viết, Tập đọc, Chính tả, Kể chuyện ở Tiểu học.

**4.2. Về kỹ năng**

- Trang bị cho sinh viên kỹ năng soạn giáo án, kỹ năng tổ chức quá trình dạy học, kỹ năng sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học và kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh Tiểu học một cách cụ thể và khoa học.

- Sinh viên biết nhận xét, đánh giá giờ dạy của bạn và tự rút kinh nghiệm cho giờ dạy của mình.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên nhận thức đúng tầm quan trọng của phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học. Có ý thức tự học, tự rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ để ngày càng tiến bộ

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Phương pháp dạy học Tập viết</b>	<b>9</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chia lớp thành các Nhóm 6 -&gt; 8 SV</li> <li>- GV giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên.</li> <li>- SV tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi ý kiến theo nhóm, trình bày trước lớp</li> <li>- Tiếp theo các nhóm tranh luận, rút ra nội dung của bài học</li> <li>- Giảng viên giải đáp thắc mắc và chốt nội dung cơ bản của bài học</li> </ul>
<b>1.1. Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của phân môn Tập viết</b>		
1.1.1. Vị trí của phân môn Tập viết		
1.1.2. Tính chất của phân môn Tập viết		
1.1.3. Nhiệm vụ của phân môn Tập viết		
<b>1.2. Cơ sở khoa học của dạy học Tập viết</b>		
Chữ viết là một phương tiện – chất liệu biểu hiện ngôn ngữ		
1.1.4. Cơ chế của việc viết và vấn đề dạy học Tập viết		
<b>1.3. Chương trình dạy học, SGK</b>		
1.3.1. Chương trình dạy học Tập viết ở Tiểu học		
1.3.2. Nội dung dạy học Tập viết ở Tiểu học		
1.3.3. SGK		
<b>1.5. Những điều kiện để dạy học Tập viết</b>		
1.1.5. Điều kiện về cơ sở vật chất để dạy học Tập viết		
1.1.6. Điều kiện chuẩn bị học Tập viết của HS		
<b>1.6. Tổ chức dạy học Tập viết</b>		
1.1.7. Các biện pháp dạy học chủ yếu		
1.1.8. Quy trình lên lớp một bài Tập viết		
1.1.9. Soạn giáo án, giảng tập		
<b>Chương 2. Phương pháp dạy học Tập đọc</b>	<b>15</b>	
<b>2.1. Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của phân môn Tập đọc ở TH</b>		
2.1.1. Vị trí của phân môn Tập đọc		
2.1.2. Tính chất của phân môn Tập đọc		
2.1.3. Nhiệm vụ của của phân môn Tập đọc		
<b>2.2. Cơ sở khoa học của dạy học Tập đọc</b>		
2.2.1. Cơ chế của quá trình đọc		
2.2.2. Bình diện âm thanh của ngôn ngữ		
2.2.3. Bình diện ngữ nghĩa của văn bản		
<b>2.2. Chương trình, nội dung dạy học, SGK</b>		
2.3.1. Chương trình dạy Tập đọc		
2.3.2. Nội dung dạy học tập đọc		
<b>2.3. Tổ chức dạy học Tập đọc</b>		
2.4.1. Các biện pháp dạy học chủ yếu		
2.4.2. Quy trình lên lớp một bài tập đọc		
2.4.3. Tổ chức dạy đọc thành tiếng		
2.4.4. Tổ chức dạy đọc hiểu		
2.4.5. Soạn giáo án, giảng tập		

<b>Chương 3. Phương pháp dạy học Chính tả</b>	<b>9</b>	
<b>3.1. Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của phân môn Chính tả</b>		
3.1.1. Vị trí của phân môn Chính tả		
3.1.2. Tính chất của phân môn Chính tả		
3.1.3. Nhiệm vụ của phân môn Chính tả		
<b>3.2. Cơ sở khoa học của việc dạy học Chính tả</b>		
3.2.1. Cơ sở ngôn ngữ học		
3.2.2. Cơ sở tâm lý học		
<b>3.3. Các nguyên tắc dạy học Chính tả</b>		
3.3.1. Nguyên tắc dạy học Chính tả theo vùng phương ngữ		
3.3.2. Nguyên tắc kết hợp chính tả có ý thức và không có ý thức		
3.3.3. Nguyên tắc phối hợp giữa xây dựng cái đúng và loại bỏ cái sai		
<b>3.4. Chương trình, nội dung, SGK</b>		
3.4.1. Chương trình dạy học Chính tả		
3.4.2. Nội dung dạy học Chính tả		
3.4.3. SGK		
<b>3.5. Một số điểm cần lưu ý khi tổ chức thực hiện các bài tập Chính tả</b>		
3.5.1. Các bài tập chính tả âm – vần		
3.5.2. Bài tập chính tả bắt buộc và bài tập chính tả lựa chọn		
<b>3.6. Tổ chức dạy học chính tả</b>		
3.6.1. Các biện pháp dạy học chủ yếu		
3.6.2. Quy trình lên lớp một bài chính tả		
3.6.3. Tổ chức dạy kiểu bài chính tả tập chép		
3.6.4. Tổ chức dạy kiểu bài chính tả nghe – viết		
3.6.5. Tổ chức dạy kiểu bài chính tả tập trí nhớ		
3.6.6. Soạn giáo án, giảng tập		
<b>Chương 4. Phương pháp dạy học Kể chuyện</b>	<b>10</b>	
<b>4.1 Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của phân môn Kể chuyện</b>		
4.1.1. Vị trí của phân môn Kể chuyện		
4.1.2. Tính chất của phân môn Kể chuyện		
4.1.3. Nhiệm vụ của phân môn Kể chuyện		
<b>4.2. Chương trình, nội dung dạy học, sách giáo khoa</b>		
4.2.1. Chương trình dạy học Kể chuyện		
4.2.2. Nội dung dạy học Kể chuyện		
4.2.3. Sách giáo khoa		
<b>4.3. Tổ chức dạy học Kể chuyện</b>		
4.3.1. Các biện pháp dạy học chủ yếu		
4.3.2. Quy trình lên lớp một bài Kể chuyện		
4.3.3. Tổ chức dạy học Kể chuyện lớp 1		
4.3.4. Tổ chức dạy học Kể chuyện lớp 2 + 3		
4.3.5. Tổ chức dạy học Kể chuyện lớp 4 + 5		
4.3.6. Soạn giáo án, giảng tập		
Kiểm tra	<b>2</b>	Kiểm tra viết

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Lê Phương Nga (Chủ biên) – Lê A – Đặng Kim Nga – Đỗ Xuân Thảo, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học I*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2012.

2. Lê Phương Nga, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II*, NXB ĐHSP, Hà Nội, 2012.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5*, NXB GD (SGK hiện hành).

2. Nguyễn Thị Hạnh, *Dạy đọc hiểu ở Tiểu học*, NXB ĐHQG HN, 2002

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Ngô Tuyết Phượng

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT 3****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Phương pháp dạy học Tiếng Việt 3**
- Mã học phần: 815064
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 (815062)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt.

**3. Mô tả học phần**

Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về PPDH TV và các kỹ năng sư phạm, giúp người học có năng lực tổ chức quá trình dạy học phần môn: Luyện từ và câu, Tập làm văn ở Tiểu học một cách khoa học và hiệu quả.

**4. Mục tiêu học phần**

## 4.1. Về kiến thức

- Cung cấp cho SV những hiểu biết về vị trí, tính chất, nhiệm vụ, các cơ sở khoa học và các nguyên tắc dạy học Luyện từ và câu, Tập làm văn.
- Giúp sinh viên nắm được chương trình, nội dung dạy học, SGK và cách thức dạy học các phân môn Luyện từ và câu, Tập làm văn ở Tiểu học.

## 4.2. Về kỹ năng

- Trang bị cho SV kỹ năng soạn giáo án, kỹ năng tổ chức quá trình dạy học, kỹ năng sử dụng đồ dùng - thiết bị dạy học và kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực học tập của HS Tiểu học một cách cụ thể và khoa học.

- SV biết nhận xét, đánh giá giờ dạy của bạn và tự rút kinh nghiệm cho giờ dạy của mình.

## 4.3. Về thái độ

- SV nhận thức đúng tầm quan trọng của của phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học, có ý thức tự học tự rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, để ngày càng tiến bộ.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Phương pháp dạy học Luyện từ và câu</b>	<b>14</b>	- Chia lớp thành nhóm 6 -> 8 SV - GV giao nhiệm vụ học tập cho sinh viên. - SV tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, trao đổi ý kiến theo nhóm, trình bày trước lớp - Tiếp theo các nhóm tranh luận, rút ra nội dung của bài học - Giảng viên giải đáp thắc mắc và chốt nội dung cơ bản của bài học
<b>1.1. Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của phân môn Luyện từ và câu</b>	<b>1</b>	
Vị trí của phân môn Luyện từ và câu		
1.1.1. Tính chất của phân môn Luyện từ và câu		
1.1.2. Nhiệm vụ của phân môn Luyện từ và câu		
<b>1.2. Các nguyên tắc dạy học Luyện từ và câu</b>	<b>3</b>	
1.2.1. Nguyên tắc giao tiếp		
1.2.2. Nguyên tắc tích hợp		
1.2.3. Nguyên tắc trực quan		
1.2.4. Nguyên tắc bảo đảm tính hệ thống của từ, câu trong dạy học Luyện từ và câu		
1.2.5. Nguyên tắc đảm bảo tính thống nhất giữa nội dung và hình thức ngữ pháp trong dạy học Luyện từ và câu		
<b>1.3. Chương trình, nội dung dạy học Luyện từ và câu</b>	<b>3</b>	
1.3.1. Chương trình dạy học Luyện từ và câu		
1.3.2. Nội dung dạy học Luyện từ và câu		
1.3.3. SGK		
1.2.4. Các kiểu bài học Luyện từ và câu trong SGK		
1.3.5. Các dạng bài tập luyện từ và câu		
<b>1.4. Tổ chức dạy học Luyện từ và câu</b>	<b>7</b>	
1.4.1. Các biện pháp dạy học chủ yếu		
1.4.2. Quy trình lên lớp một bài luyện từ và câu		
1.4.1. Tổ chức dạy bài lí thuyết về từ, câu		
1.4.2. Tổ chức dạy bài thực hành Luyện từ và câu		
1.4.7. Soạn giáo án, giảng tập		
<b>Chương 2. Phương pháp dạy học Tập làm văn</b>	<b>14</b>	
<b>2.1. Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của phân môn TLV</b>	<b>1</b>	
2.1.1. Vị trí của phân môn Tập làm văn		
2.1.2. Tính chất của phân môn Tập làm văn		
2.1.2. Nhiệm vụ của phân môn Tập làm văn		
<b>2.2. Các cơ sở khoa học của dạy học Tập làm văn</b>	<b>3</b>	
2.2.1. Hoạt động giao tiếp và ứng dụng vào dạy học TLV		
2.2.2. Ngữ pháp văn bản và ứng dụng vào dạy học TLV		
2.2.3. Loại thể văn học và dạy học Tập làm văn		
<b>2.3. Chương trình, nội dung dạy học, SGK</b>	<b>3</b>	
2.3.1. Chương trình dạy học Tập làm văn		
2.3.2. Nội dung dạy học Tập làm văn		
2.3.3. SGK		
2.3.2. Các kiểu bài học Tập làm văn trong SGK		



2.3.3. Các kiểu dạng bài tập Tập làm văn		
<b>2.4. Tổ chức dạy học Tập làm văn</b>	7	
2.4.1. Các biện pháp dạy học chủ yếu		
2.4.2. Quy trình lên lớp một bài Tập làm văn		
2.4.3. Tổ chức dạy bài thực hành Tập làm văn (lớp 2 +3)		
2.4.4. Tổ chức dạy bài lý thuyết Tập làm văn (lớp 4 +5)		
2.4.5. Tổ chức dạy tiết trả bài Tập làm văn (lớp 4 +5)		
2.4.2. Soạn giáo án, giảng tập		
Kiểm tra	2	Kiểm tra viết

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Lê Phương Nga (2012), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học II*, NXB Giáo dục Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

Bộ giáo dục và đào tạo (2010), *Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5, Sách giáo viên 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Ngô Tuyết Phượng

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TỰ NHIÊN - XÃ HỘI 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội 1
- Mã học phần: 815067
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;

0)

- Trình độ đào tạo: Đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Cơ sở Tự nhiên – xã hội 1 (815065)
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tự nhiên xã hội và PPDH tự nhiên xã hội

**3. Mô tả học phần**

Sau khi học phần này, Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản đó là: Nắm được mục tiêu và nội dung môn Tự nhiên – xã hội ở trường tiểu học. Ngoài ra, nắm được hệ thống các phương pháp dạy học và hình thức tổ chức dạy học đặc trưng môn Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học. Nêu được ý nghĩa của đồ dùng dạy học và tự làm đồ dùng dạy học trong quá trình dạy học môn Tự nhiên – Xã hội. Nêu được ý nghĩa của kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Tự nhiên – Xã hội.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Giúp sinh viên nắm được mục tiêu của môn Tự nhiên – Xã hội lớp 1, 2, 3. Qua đó xác định được những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần cung cấp cho học sinh lớp 1,2,3.

- Giúp sinh viên nắm được nội dung và đặc điểm của chương trình bao gồm các giai đoạn, chương trình được xây dựng trên quan điểm tích hợp, chương trình có cấu trúc đồng tâm và chương trình chú ý tới những hiểu biết, vốn sống của học sinh tiểu học.

- Biết phân tích chương trình, sách giáo khoa, sách giáo viên môn Tự nhiên – Xã hội.

- Sinh viên nắm được khái niệm, các ưu nhược điểm và cách tiến hành sử dụng các hình thức tổ chức dạy học được sử dụng trong dạy học môn Tự nhiên – Xã hội lớp 1,2,3

- Sinh viên nắm được khái niệm, các ưu nhược điểm và cách sử dụng các phương pháp dạy học đặc trưng trong dạy học môn Tự nhiên – Xã hội lớp 1,2,3

- Sinh viên biết sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học và phương pháp dạy học trên theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh tiểu học.

#### 4.2. Về kĩ năng

- Sinh viên biết phân tích chương trình sách giáo khoa, sách giáo viên môn Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học

- Sinh viên sử dụng kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học một cách hiệu quả trong dạy học Tự nhiên – Xã hội ở Tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Sinh viên biết được ý nghĩa thực tiễn của môn Tự nhiên – Xã hội đối với học sinh Tiểu học, từ đó có ý thức trau dồi kiến thức và nghiệp vụ sư phạm. Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp, rèn luyện nhân cách và phát triển, giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh tiểu học.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Môn tự nhiên – xã hội ở trường tiểu học</b>	<b>10</b>	
<b>1.1. Mục tiêu môn Tự nhiên – xã hội</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sơ đồ hóa kiến thức</li> <li>- Phân nhóm làm việc</li> <li>- GV hướng dẫn</li> <li>- Sinh viên thuyết trình</li> <li>- Tương tác nhóm lớp</li> <li>- Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.</li> </ul>
1.1.1. Mục tiêu chủ đề Con người và sức khỏe		
1.1.2. Mục tiêu chủ đề Xã hội		
1.1.3. Mục tiêu chủ đề Tự nhiên		
<b>1.2. Quan điểm xây dựng chương trình môn Tự nhiên – xã hội</b>		
1.2.1. Chương trình được xây dựng theo quan điểm tích hợp		
1.2.2. Chương trình có cấu trúc đồng tâm và phát triển dần qua các lớp		
1.2.3. Chương trình chú ý tới những vốn sống, vốn hiểu biết của HS trong việc tham gia xây dựng các bài học		
<b>Chương 2: Các hình thức tổ chức dạy học và phương pháp dạy học môn Tự nhiên – xã hội</b>	<b>15</b>	
<b>2.1. Hình thức tổ chức dạy học</b>		- Sơ đồ hóa kiến thức

2.1.1. Dạy học trong lớp		- Phân nhóm làm việc - GV hướng dẫn - Sinh viên thuyết trình - Tương tác nhóm lớp - Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.	
2.1.2. Dạy học ngoài lớp			
2.1.3. Dạy học tham quan			
<b>2.2. Phương pháp dạy học</b>			
2.2.1. Phương pháp quan sát			
2.2.2. Phương pháp thảo luận nhóm			
2.2.3. Phương pháp Trò chơi			
2.2.4. Phương pháp đóng vai		<b>5</b>	
2.2.5. Phương pháp động não			
2.2.6. Phương pháp điều tra			
<b>Chương 3: Phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá môn Tự nhiên – xã hội</b>			
<b>3.1. Phương tiện dạy học môn Tự nhiên – xã hội</b>			
3.1.1. Ý nghĩa của phương tiện dạy học môn Tự nhiên – xã hội			- Sơ đồ hóa kiến thức - Phân nhóm làm việc - GV hướng dẫn - Sinh viên thuyết trình - Tương tác nhóm lớp - Hỏi – đáp giữa GV và sinh viên; giữa các nhóm sinh viên với nhau.
3.1.2. Phân loại phương tiện dạy học môn Tự nhiên – xã hội			
3.1.3. Yêu cầu phương tiện dạy học môn Tự nhiên – xã hội			
3.2. Kiểm tra đánh giá môn Tự nhiên – xã hội			
3.2.1. Mục đích kiểm tra đánh giá môn Tự nhiên – xã hội			
3.2.2. Ý nghĩa kiểm tra đánh giá môn Tự nhiên – xã hội			
3.2.3. Các hình thức kiểm tra đánh giá môn Tự nhiên – xã hội			

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3*, Nxb Giáo dục.
2. Bộ giáo dục và Đào tạo – Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2007), *Tự nhiên – Xã hội và phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội*, Nxb Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Bộ giáo dục và Đào tạo – Tập đoàn giáo dục Unet (2011), *Skycare Khoa học sống động trong mắt em*, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Thị Thân (2010), *Phương pháp dạy học Tự nhiên Xã hội*, Nxb ĐHSB.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Chương trình tiểu học*, Nxb Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Kiên Quyết

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TỰ NHIÊN - XÃ HỘI 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội 2
- Mã học phần: 815068
- Số tín chỉ: 2 (2,0)
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30;0)
- Trình độ đào tạo: Đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- Đòi hỏi học phần học trước: Cơ sở tự nhiên – xã hội 2 (815066)
- Đòi hỏi học phần song hành: Không
- Sĩ số sinh viên tối đa: 60

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:**

Tự nhiên xã hội và Phương pháp dạy học

**3. Mô tả học phần**

Gồm có các nội dung về những vấn đề cơ bản khi sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực. Hướng dẫn sử dụng các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí lớp 4, lớp 5. Hướng dẫn việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí ở tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Nắm vững đặc trưng, cách tiến hành các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí ở tiểu học theo hướng tích cực.

Hiểu được những nội dung cơ bản trong hướng dẫn dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí lớp 4, lớp 5.

Biết đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học trong quá trình học môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí.

4.2. Về kỹ năng

Biết lựa chọn và sử dụng hợp lý các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí ở tiểu học theo hướng tích cực

Thực hành lập kế hoạch bài học, sử dụng thiết bị dạy học hiệu quả.

4.3. Về thái độ

Có ý thức tự học, tự nghiên cứu nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

Có ý thức chủ động, sáng tạo xây dựng kế hoạch bài học, làm việc theo nhóm.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Sử dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng tích cực</b>		Sử dụng phương pháp: thuyết trình, động não, thảo luận nhóm
<b>1.1. Quan niệm về dạy và học tích cực</b> 1.1.1. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học 1.1.2. Đặc trưng của dạy và học tích cực	2	
<b>1.2. Một số tiêu chí thể hiện dạy và học tích cực trong môn Khoa học, Lịch sử - Địa lí.</b> 1.2.1. Làm việc trực tiếp với đối tượng học tập 1.2.2. Đặt câu hỏi, nêu thắc mắc 1.2.3. Làm việc hợp tác 1.2.4. Vận dụng kiến thức, kĩ năng 1.2.5. Trình bày những thông tin đã phát hiện	2	
<b>1.3. Sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực trong dạy học các môn Khoa học, Lịch sử - Địa Lí</b> 1.3.1. Phương pháp dạy học truyền thống 1.3.2. Phương pháp dạy học hiện đại	7	Sử dụng giáo án điện tử kết hợp xem phim.
<b>Chương 2: Đánh giá kết quả học tập của học sinh trong quá trình dạy học môn Khoa học, Lịch sử - Địa lý lớp 4 và 5</b>	3	Thuyết trình, giảng giải, Thảo luận, vấn đáp
<b>2.1. Quan điểm đánh giá</b> <b>2.2. Nội dung đánh giá</b> 2.2.1. Đánh giá thường xuyên 2.1.2. Đánh giá định kỳ		
<b>Chương 3: Hướng dẫn dạy học môn Khoa học, Lịch sử - Địa lý lớp 4 và 5</b>		Sử dụng giáo án điện tử kết hợp với các phương pháp học nhóm, đàm thoại, thảo luận, giảng giải.
<b>3.1. Hướng dẫn dạy học môn Khoa học</b>	7	
3.1.1. Chương trình, sách giáo khoa môn Khoa học		
3.1.2. Hướng dẫn dạy học môn Khoa học		
<b>3.2. Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử - Địa lí</b>	9	
3.2.1. Chương trình, sách giáo khoa môn Lịch sử - Địa lí		
3.2.2. Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử - Địa lí		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. TS. Bùi Phương Nga và nhiều tác giả (2006), *Tự nhiên – xã hội và phương pháp dạy học Tự nhiên - xã hội ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Thị Thân và nhiều tác giả (2008), *Giáo trình phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, NXB ĐHSP.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Nguyễn Thượng Giao (2007), *Giáo trình phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và xã hội*, NXBĐHSP.
2. Lê Văn Trường (chủ biên) và nhiều tác giả (2007), *Tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học*, Tập 2 – Dự án phát triển GVTH, NXBGiáo dục.
3. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn Tự nhiên và xã hội lớp 4 và lớp 5*, NXBGiáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài (giữa kì)
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn



**HỌC PHẦN**  
**THỦ CÔNG – KỸ THUẬT VÀ PPDH THỦ CÔNG – KỸ THUẬT**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thủ công – Kỹ thuật và PPDH Thủ công – Kỹ thuật
- Mã học phần: 815316
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Bộ môn Tự nhiên – Xã hội và Phương pháp dạy học

**3. Mô tả học phần**

Nội dung học phần gồm hai phần:

- Thủ công – Kỹ thuật: nội dung là những kiến thức cơ sở về Thủ công – Kỹ thuật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Thủ công, Kỹ thuật (kỹ thuật tạo hình bằng giấy, bìa: xé, gấp, cắt, dán giấy, đan nan bằng giấy; kỹ thuật làm đồ chơi; kỹ thuật tự phục vụ: cắt khâu, thêu, nấu ăn); hình thành các kỹ năng cần thiết về Thủ công, Kỹ thuật cho người học.
- PPDH Thủ công – Kỹ thuật: nội dung cung cấp những kiến thức cơ bản về PPDH Thủ công – Kỹ thuật, tổ chức dạy học Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học; kỹ năng dạy học cơ bản môn Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm được những kiến thức cơ bản về Thủ công – Kỹ thuật theo chương trình Tiểu học: kỹ thuật tạo hình bằng giấy, bìa; kỹ thuật làm đồ chơi; kỹ thuật đan nan bằng giấy, bìa; kỹ thuật cắt, khâu, thêu; kỹ thuật nấu ăn.
- Xác định được mục tiêu, đặc điểm, nhiệm vụ của môn Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học. Nắm được các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, phương

tiện dạy học Thủ công, Kỹ thuật và phương pháp đánh giá môn Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học.

#### 4.2. Về kĩ năng

- Thực hiện được các sản phẩm Thủ công, Kỹ thuật theo chương trình Tiểu học đúng quy trình, đạt yêu cầu kỹ thuật.

- Làm được một số đồ dùng dạy học đơn giản.

- Ứng dụng được kiến thức vào thực tiễn.

- Thiết kế được kế hoạch bài học Thủ công, Kỹ thuật.

- Tổ chức dạy học được bài học Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học.

#### 4.3. Về thái độ

- Hiểu biết và yêu thích bộ môn.

- Rèn tính kiên nhẫn, tỉ mỉ, cẩn thận, cẩn cù, tiết kiệm, ....

- Phát huy tính sáng tạo, óc thẩm mỹ.

- Sẵn sàng tích cực tham gia đổi mới PPDH Thủ công, Kỹ thuật.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Kỹ thuật tạo hình bằng giấy, bìa</b>	<b>12</b>	
<b>1.1. Mục đích, ý nghĩa, đặc điểm của việc gia công giấy, bìa đối với học sinh tiểu học</b>	<b>0.5</b>	Thuyết trình, giảng giải Giải thích minh họa Trực quan Làm mẫu Huấn luyện- Luyện tập
1.1.1. Mục đích		
1.1.2. Ý nghĩa		
1.1.3. Đặc điểm của gia công giấy, bìa		
<b>1.2. Kỹ thuật xé, ghép, dán hình</b>	<b>2.5</b>	
1.2.1. Kỹ thuật xé, dán các hình cơ bản		
1.2.2. Kỹ thuật xé, dán một số hình đơn giản		
1.2.3. Kỹ thuật phối hợp xé, ghép, dán hình		
<b>1.3. Kỹ thuật gấp hình</b>	<b>4</b>	
1.3.1. Một số ký hiệu và quy ước trong gấp hình		
1.3.2. Các nếp gấp cơ bản và mẫu gấp ứng dụng		
<b>1.4. Kỹ thuật cắt, dán hình</b>	<b>2</b>	
1.4.1. Kỹ thuật cắt, gấp cắt		
1.4.2. Thực hành phối hợp gấp, cắt, dán hình		
<b>1.5. Kỹ thuật đan trang trí</b>	<b>3</b>	
1.5.1. Khái niệm		
1.5.2. Đan nong một		
1.5.3. Đan nong đôi		
1.5.4. Đan hoa chữ thập		
1.5.5. Đan mặt sàng		
<b>Chương 2. Kỹ thuật làm đồ chơi</b>	<b>4</b>	

<b>2.1. Mục đích, ý nghĩa của việc hướng dẫn HSTH kỹ thuật làm đồ chơi</b>	<b>0.5</b>	
2.1.1. Mục đích		
2.1.2. Ý nghĩa		
<b>2.2. Kỹ thuật làm đồ chơi từ giấy, bìa</b>	<b>3.5</b>	
2.2.1. Kỹ thuật làm đồ chơi		
2.2.2. Thực hành làm đồ chơi từ giấy, bìa		
<b>Chương 3. Kỹ thuật phục vụ</b>	<b>9</b>	
<b>3.1. Kỹ thuật cắt, khâu, thêu</b>	<b>6</b>	
3.1.1. Những kiến thức cơ bản trong kỹ thuật cắt, khâu, thêu		
3.1.2. Các mũi khâu cơ bản		
3.1.3. Các mũi thêu cơ bản		
<b>3.2. Kỹ thuật nấu ăn cơ bản</b>	<b>3</b>	
3.2.1. Một số kiến thức cơ bản về kỹ thuật nấu ăn		
3.2.2. Kỹ thuật chế biến một số món ăn đơn giản		
<b>Chương 4. Phương pháp dạy học Thủ công - Kỹ thuật</b>	<b>20</b>	
<b>4.1. Môn Thủ công - Kỹ thuật ở Tiểu học</b>	<b>2</b>	
4.1.1. Vị trí của môn TC – KT ở tiểu học		
4.1.2. Mục tiêu chương trình TC – KT ở tiểu học		
4.1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình TC - KT		
4.1.4. Sách TC – KT và các yêu cầu khi sử dụng sách		
<b>4.2. Các PPDH Thủ công - Kỹ thuật ở Tiểu học</b>	<b>10</b>	
4.2.1. Các PPDH TC – KT ở tiểu học		
4.2.2. PPDH và cách tổ chức thực hiện các nội dung trong các hoạt động dạy – học		
4.2.3. Lựa chọn PPDH		
<b>4.3. Tổ chức dạy học Thủ công - Kỹ thuật ở Tiểu học</b>	<b>6</b>	
4.3.1. Các dạng bài học trong dạy học TC – KT ở tiểu học và những đặc trưng của nó		
4.3.2. Kế hoạch dạy học môn TC – KT ở tiểu học		
<b>4.4. Dạy học các nội dung trong chương trình Thủ công - Kỹ thuật ở Tiểu học</b>	<b>2</b>	
4.4.1. PPDH phần Thủ công		
4.4.2. PPDH phần Kỹ thuật		

Thuyết trình  
Giải thích minh họa  
Đàm thoại  
Thảo luận nhóm

Xem băng hình  
Tập giảng

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

10. Bộ GD & ĐT (2004), *Nghệ thuật 1, 2, 3 - SGK*, NXB Giáo dục.
11. Bộ GD & ĐT (2006), *Kỹ thuật 4, 5*, NXB Giáo dục.
12. Bộ GD & ĐT (2006), *Kỹ thuật 4, 5 - SGK*, NXB Giáo dục.

13. Đào Quang Trung (chủ biên), Nguyễn Huỳnh Liễu, Trần Thị Thu, Hoàng Hương Châu (2007), *Thủ công – Kỹ thuật & PPDH Thủ công – Kỹ thuật*, Dự án PTGVTH, NXB Đại học Sư phạm.
14. Bảng hình các tiết dạy mẫu Thủ công, Kỹ thuật.  
6.2. Tài liệu khác
15. Zulal Aytüre – Scheele (2006), *Nghệ thuật xếp giấy Nhật Bản Origami*, NXB Mỹ thuật.
16. Xuân Tùng (2008), *Nghệ thuật xếp giấy Nhật Bản Origami*, NXB Đồng Nai.
17. Bộ GD & ĐT (2007), *Đạy lớp 1, 2, 3, 4, 5 theo chương trình tiểu học mới*, NXB Đại học Sư phạm.
18. Bộ GD & ĐT (2007), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở tiểu học lớp 1, 2, 3, 4, 5*, NXB. Giáo dục.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- |   |            |
|---|------------|
| - Điểm chuyên cần:                                | hệ số 0.1; |
| - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: | hệ số 0.4; |
| - Điểm thi kết thúc học phần:                     | hệ số 0.5  |
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Thị Minh Trâm

**HỌC PHẦN**  
**ĐẠO ĐỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức
- Mã học phần: 815104
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45(45; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 55

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Tự nhiên xã hội và Phương pháp dạy học

**3. Mô tả học phần**

Gồm có các nội dung về những vấn đề cơ bản của đạo đức học và giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay. Cơ sở lí luận của dạy học môn Đạo đức ở tiểu học. Hướng dẫn sử dụng các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức. Cách kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức ở tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Những nội dung cơ bản của một số phạm trù đạo đức học; những giá trị đạo đức của con người Việt Nam trong thời kì đổi mới;
- Sự cần thiết của giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học;
- Mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức;
- Cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức.

4.2. Về kĩ năng

- Xác định được những con đường cơ bản của giáo dục đạo đức nói chung và theo chuẩn mực hành vi nói riêng cho học sinh tiểu học;
- Xác định, lựa chọn mục tiêu, nội dung, phương pháp phương tiện, hình thức, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học theo từng bài đạo đức một cách hợp lí;
- Tiến hành giờ lên lớp môn Đạo đức một cách chủ động, có chất lượng;
- Lựa chọn những con đường giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học.

## 4.3. Về thái độ

- Coi trọng giáo dục đạo đức nói chung và dạy học môn Đạo đức nói riêng cho học sinh tiểu học;
- Phê phán các hiện tượng coi nhẹ giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Một số vấn đề cơ bản của đạo đức học và giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay</b>		Phương pháp động não, đàm thoại, thảo luận nhóm
<b>1.1. Đạo đức học là một khoa học</b>	<b>4</b>	
1.1.1. Khái quát chung về đạo đức		
1.1.2. Đạo đức học là một khoa học		
<b>1.2. Một số phạm trù đạo đức cơ bản</b>	<b>5</b>	
1.2.1. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học		
1.2.2. Những vận dụng vào thực tiễn		
<b>1.3. Một số vấn đề về giáo dục đạo đức hiện nay</b>	<b>6</b>	Nghe giảng và thảo luận
1.3.1. Những giá trị đạo đức cơ bản của con người Việt Nam thời kì Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa		
1.3.2. Vai trò của quá trình giáo dục đạo đức		
1.3.3. Giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học		
<b>Chương 2. Một số vấn đề cơ bản của dạy học môn Đạo đức ở tiểu học</b>		Giảng giải + thảo luận (hoặc xêmina) + Tự đọc giáo trình và tài liệu tham khảo.
<b>2.1. Vị trí, nhiệm vụ, mục tiêu và đặc điểm môn Đạo đức</b>	<b>6</b>	
2.1.1. Vị trí môn Đạo đức		
2.1.2. Nhiệm vụ môn Đạo đức		
2.1.3. Mục tiêu môn Đạo đức		
2.1.4. Đặc điểm môn Đạo đức		
<b>2.2. Nội dung môn đạo đức</b>	<b>6</b>	phương pháp thuyết trình và hỏi đáp
2.2.1. Chương trình môn Đạo đức		
2.2.2. Sách học sinh và sách giáo viên môn Đạo đức		
<b>2.3. Phương pháp, phương tiện và hình thức dạy học môn Đạo đức</b>	<b>12</b>	Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm, quan sát
2.3.1. Phương pháp dạy học môn Đạo đức		
2.3.2. Phương tiện dạy học môn Đạo đức		
2.3.3. Các hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức		
<b>2.4. Hướng dẫn thiết kế giáo án môn Đạo đức</b>	<b>4</b>	
<b>2.5. Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức ở tiểu học</b>	<b>2</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

Nguyễn Hữu Hợp (chủ biên) và Lưu Thu Thủy (2007), *Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức*, NXB ĐHSP và NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

1. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Dũng, Lưu Thu Thủy (1997), *Phương pháp dạy học đạo đức*, NXB Giáo dục.

2. Hà Nhật Thăng (1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức và nhân văn*, NXB Giáo dục.

3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Vở bài tập Đạo đức từ lớp 1 đến lớp 3, SGK lớp 4 và lớp 5*, NXB Giáo dục.

4. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *SGVmôn Đạo đức các lớp 1,2,3,4 và 5*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

ThS. Nguyễn Ngọc Toàn

**HỌC PHẦN  
THỰC HÀNH SƯ PHẠM 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Thực hành sư phạm 1**
- Mã học phần: 815090
- Số tín chỉ: 1 (0,1)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0;30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy :**Toán và Phương pháp dạy học, Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học, TNXH và Phương pháp dạy học.

**3. Mô tả học phần**

- Quản lý, phân công, theo dõi sinh viên tập giảng.
- Dự giờ tập giảng để hỗ trợ, nhận xét, đánh giá sinh viên về những kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học nhằm chuẩn bị tốt cho công tác thực tập sư phạm tại các trường phổ thông.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Vận dụng những kiến thức tổng hợp đã học từ các học phần trước để tập giảng.
- Giúp sinh viên nắm được yêu cầu về tác phong, các cách thức, các thao tác tổ chức hoạt động dạy học.
- Nắm bắt thực tế hoạt động ở trường Tiểu học.

**4.2. Về kỹ năng**

- Thành thạo thao tác và kết hợp nhuần nhuyễn các cách thức lên lớp để thực hiện từng thao tác.



- Biết phân tích, đánh giá giờ dạy của bạn, qua đó tích lũy kinh nghiệm cho bản thân.

#### 4.3. Về thái độ

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện trước giờ lên lớp để chuẩn bị tốt nội dung tương tác nhóm lớp theo tinh thần của đào tạo tín chỉ.

- Hiểu được tầm quan trọng của học phần thực hành sư phạm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Xem và phân tích tiết dạy mẫu</b>	<b>4</b>	- Cá nhân, nhóm tự làm việc trước giờ lên lớp - Cá nhân / nhóm lớp - Phối hợp các PPDH - Kiểm tra miệng : thực hành cá nhân / nhóm lớp
1.1. Xem tiết dạy mẫu qua băng đĩa	2	
1.2. SV nhận xét các thao tác lên lớp của GV trong tiết dạy mẫu, đặt câu hỏi với GV	1	
1.3. GV phân tích tiết dạy mẫu, giải đáp thắc mắc của SV, nhấn mạnh các kỹ năng cốt lõi cần đạt	1	
<b>2. Thực hành các cách thức, thao tác trong giờ lên lớp</b>	<b>14</b>	
<b>2.1. Thực hành cách thức ổn định tổ chức, kiểm tra bài cũ</b>	<b>3</b>	
2.1.1. SV thực hành thao tác	1	
2.1.2. Cá nhân, nhóm nhận xét	1	
2.1.3. GV nhận xét, rút kinh nghiệm	1	
<b>2.2. Thực hành cách thức, thao tác dạy bài mới</b>	<b>8</b>	
2.2.1. SV thực hành cách giới thiệu bài mới	1	
2.2.2. SV thực hành cách đọc mẫu	2	
2.2.3. SV thực hành cách chốt ý, lưu ý học sinh sau mỗi nội dung của bài giảng	2	
2.2.4. SV thực hành cách chuyển ý giữa các nội dung của bài giảng	1	
2.2.5. Cá nhân, nhóm nhận xét	1	
2.2.6. GV đánh giá, rút kinh nghiệm	1	
<b>2.3. Thực hành cách thức, thao tác củng cố, dặn dò</b>	<b>3</b>	
2.3.1. SV thực hành thao tác	1	
2.3.2. Cá nhân, nhóm nhận xét	1	

2.3.3. GV nhận xét, rút kinh nghiệm	1	
<b>3. Thực hành các cách thức, thao tác hỗ trợ cho giờ dạy</b>	12	
<b>3.1. Thực hành tư thế, tác phong sư phạm</b>	3	
3.1.1. SV thực hành các tư thế, tác phong sư phạm (trang phục, nét mặt, đi, đứng,...)	1	
3.1.2. Cá nhân, nhóm nhận xét	1	
3.1.3. GV đánh giá, rút kinh nghiệm	1	
<b>3.2. Thực hành cách thức sử dụng sách giáo khoa, đồ dùng, phương tiện dạy học hiện đại</b>	3	
3.2.1. SV thực hành cách thức sử dụng sách giáo khoa, đồ dùng, phương tiện dạy học hiện đại	1	
3.2.2. Cá nhân, nhóm nhận xét	1	
3.2.3. GV đánh giá, rút kinh nghiệm	1	
<b>3.3. Thực hành cách thức sử dụng ngôn ngữ trong giờ dạy</b>	4	
3.3.1. SV thực hành cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ với học sinh: xưng hô, giọng điệu, dung lượng âm thanh,...	1	
3.3.2. SV thực hành cách gợi ý, đặt câu hỏi, yêu cầu, khuyến khích, phê bình, khen thưởng,... học sinh	1	
3.3.3. Cá nhân, nhóm nhận xét	1	
3.3.4. GV đánh giá, rút kinh nghiệm	1	
<b>3.4. Thực hành cách thức trình bày bảng</b>	2	
3.4.1. SV thực hành cách phân chia bảng, viết bảng, xóa bảng	1	
3.4.2. Cá nhân, nhóm nhận xét	0,5	
3.4.3. GV đánh giá, rút kinh nghiệm	0,5	
<b>3.5. Thực hành cách thức phân công, hướng dẫn học sinh làm việc theo nhóm</b>	2	
3.5.1. SV thực hành phân công học sinh làm việc theo nhóm	0,5	
3.5.2. SV thực hành hướng dẫn học sinh làm việc theo nhóm và trình bày kết quả làm việc của nhóm	1	
3.5.3. GV đánh giá, rút kinh nghiệm	0,5	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Huỳnh Văn Sơn (2013), *Những cơ sở tâm lý của việc tổ chức hoạt động dạy và học tích cực*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục
3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục
4. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK TN-XH 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

### 6.2. Tài liệu khác

1. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục
2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục
3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV TN-XH 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 0 phút. Đánh giá bằng các bài thực hành, không tổ chức thi kết thúc HP.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,9;
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG NGÀNH**    **TRƯỞNG BỘ MÔN**    **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**ThS. Nguyễn Thị Minh Phương**

**HỌC PHẦN  
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **THỰC HÀNH SỰ PHẠM 2**
- Mã học phần: 815091
- Số tín chỉ: 1 (0,1)
- Số tiết : 30 (0,30)
- Trình độ đào tạo: Đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Toán và PPDH Toán

**3. Mô tả học phần**

- Rèn luyện các thao tác dạy học trên lớp
- Sau khi học xong HP này SV có thể hiểu được cách thức tổ chức các hoạt động dạy học của GV Tiểu học.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Biết cách lập kế hoạch 1 tiết dạy học, giáo dục. Tổ chức dạy học một tiết (tự chọn) ở trường tiểu học có sử dụng các kỹ năng sự phạm cần thiết.
- Sinh viên biết cách phân tích, đánh giá, nhận xét và góp ý tiết dạy của bạn.
- Biết cách làm đồ dùng dạy học. Sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học.
- Tiếp cận một số mẫu chuyện về “nghệ thuật dạy học/giáo dục” cho học sinh tiểu học.

**4.2. Về kỹ năng**

- Kỹ năng sử dụng đồ dùng dạy học và trình chiếu slides;
- Kỹ năng đàm thoại và dùng lời để giới thiệu kiến thức mới;
- Kỹ năng viết, vẽ và sử dụng cụ học tập;
- Kỹ năng tổ chức hoạt động học tập cá nhân (học sinh);

- Kỹ năng tổ chức hoạt động học tập theo nhóm (học sinh): dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề.

#### 4.3. Về thái độ

- SV dự các buổi thực hành đầy đủ, tích cực hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, mạnh dạn trình bày trong nhóm và trước lớp.

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện trước giờ lên lớp để chuẩn bị tốt nội dung tương tác nhóm lớp theo tinh thần của đào tạo tín chỉ.

- Hiểu được tầm quan trọng của học phần thực hành sư phạm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Thực hành vận dụng các PPDH để dạy kiến thức mới</b>	<b>18</b>	-SV thực hành rèn kỹ năng theo cá nhân.
1.1.Thực hành PP Trực quan	5	
1.1.1.SV sử dụng ĐDDH, slides chiếu để dạy kiến thức mới	3	-GV nhận xét, cho điểm.
1.1.2.SV khác nhận xét	1	
1.1.3.GV nhận xét, rút kinh nghiệm các thao tác, phối hợp với lời nói.	1	
1.2.Thực hành PP Hỏi – Đáp	5	
1.2.1.SV sử dụng PP Hỏi – Đáp để dạy kiến thức mới	3	
1.2.2.SV khác nhận xét	1	
1.2.3.GV nhận xét, rút kinh nghiệm, chú ý các yêu cầu khi sử dụng PP Hỏi – Đáp: nội dung câu hỏi; cách hỏi, câu trả lời mong đợi của học sinh.	1	
1.3.Thực hành PP Giảng giải	4	
1.3.1. SV sử dụng PP Giảng giải để dạy kiến thức mới	2	
1.3.2. SV khác nhận xét	1	
1.3.3. GV nhận xét, rút kinh nghiệm, chú ý các yêu cầu khi dùng PP Giảng giải: nội dung lời giảng, ngữ điệu, . . .	1	
1.4.Thực hành dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề	4	- SV rèn kỹ năng dạy học theo nhóm học sinh.
1.4.1.SV tổ chức các hoạt động dạy học để dạy kiến thức mới	2	- GV nhận xét, cho điểm.
1.4.2.SV khác nhận xét	1	
1.4.3.GV nhận xét, rút kinh nghiệm, chú ý tên các hoạt động, sự phân nhóm và các phương án trả lời của học sinh.	1	
<b>2: Thực hành dạy luyện tập</b>	<b>12</b>	
2.1. SV chọn bài tập của một bài học cụ thể, giới thiệu nội dung kiến thức và thực hành dạy luyện tập	8	
2.2. SV khác nhận xét	2	
2.3. GV nhận xét, rút kinh nghiệm	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Huỳnh Văn Sơn, *Những cơ sở tâm lý của việc tổ chức hoạt động dạy và học tích cực*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2013.
2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
4. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
5. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
6. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK TN-XH 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.
7. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV TN-XH 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác:

1. Các đĩa hình của Dự án phát triển giáo viên Tiểu học.
2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở Tiểu học*, Nhà xuất bản giáo dục .

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Hình thức thi kết thúc HP/MH: Đánh giá bằng các bài thực hành, không tổ chức thi kết thúc HP.

7.3. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:

- Chuyên cần: hệ số 0,1

- Điểm trung bình các bài thực hành : hệ số 0,9

7.4. Cách đánh giá HP/MH: Điểm của HP/MH là điểm trung bình chung của điểm thực hành và điểm chuyên cần.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Trần Thị Lợi

**HỌC PHẦN  
THỰC HÀNH SỰ PHẠM 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **THỰC HÀNH SỰ PHẠM 3**
- Mã học phần: 815092
- Số tín chỉ: 1 (0,1)
- Số tiết : 30 (0,30)
- Trình độ đào tạo: Đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy**

Tự nhiên – Xã hội và PPDH

**3. Mô tả học phần**

Sinh viên chọn và thực hành dạy 1 tiết ở trường Tiểu học. Trong quá trình dạy phải hoàn thiện các kỹ năng sư phạm cần thiết, kết hợp sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học hiện đại. Bước đầu xử lý một số tình huống sư phạm thường gặp ở trường tiểu học.

Tương tác, nhận xét, đánh giá giờ dạy của nhóm lớp để từng bước hoàn chỉnh một tiết dạy học.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

- Biết cách lập kế hoạch 1 tiết dạy học, giáo dục. Tổ chức dạy học một tiết (tự chọn) ở trường tiểu học có sử dụng các kỹ năng sư phạm cần thiết.
- Sinh viên biết cách phân tích, đánh giá, nhận xét và góp ý tiết dạy của bạn.
- Biết cách làm đồ dùng dạy học. Sử dụng thành thạo các phương tiện dạy học.
- Tiếp cận một số mẫu chuyện về “nghệ thuật dạy học/giáo dục” cho học sinh tiểu học.

#### 4.2. Về kĩ năng

- Hoàn thiện kĩ năng đã học ở học phần Thực hành Sư phạm 1, 2 thông qua tiến hành tập giảng một tiết học (tự chọn). Cụ thể: kĩ năng viết bảng, tổ chức điều khiển lớp, giao tiếp sư phạm và kĩ năng tổ chức dạy học cho một tiết lên lớp.

- Vận dụng bước đầu nghệ thuật dạy học/ giáo dục trong một số tình huống giả định thường gặp ở trường tiểu học ở tiết tập giảng.

- Biết phân tích, đánh giá khách quan giờ dạy của bạn, góp ý và đề xuất những cách dạy hoàn thiện hơn cho tiết tập giảng.

#### 4.3. Về thái độ

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện trước giờ lên lớp để chuẩn bị tốt nội dung tương tác nhóm lớp theo tinh thần của đào tạo tín chỉ.

- Hiểu được tầm quan trọng của học phần thực hành sư phạm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Một số vấn đề chung của học phần thực hành sư phạm 3 và các kỹ năng thực hành sư phạm cơ bản</b>	<b>4</b>	
<b>1.1. Giới thiệu học phần</b> Mục tiêu, phương pháp học, hình thức tổ chức, kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá, tài liệu tham khảo.	1	
<b>1.2. Hoàn thiện các kỹ năng sư phạm cơ bản</b>	3	
<b>1.2.1. Hoàn thiện kỹ năng viết bảng.</b> - Trình bày bảng đúng, đẹp; - Bố cục và phong cách đặc thù từng môn học; - Sử dụng kết hợp một số loại bảng (bảng lớp, bảng nhóm, màn chiếu).	1	- HTTC: Cá nhân, nhóm - PPDH: Nghe giảng, thảo luận và trao đổi, thực hành. - Kiểm tra/đánh giá: vấn đáp
<b>1.2.2. Hoàn thiện kỹ năng điều khiển lớp.</b> - Đặt câu hỏi đóng/mở; - Phản hồi; - Quản lý nhóm học tập		
<b>1.2.3. Hoàn thiện kỹ năng giao tiếp sư phạm, xử lý tình huống sư phạm.</b> - Kỹ năng giao tiếp trong dạy học, giáo dục, những nguyên tắc chung. - Kỹ năng giao tiếp giữa: giáo viên – học sinh, giáo viên – phụ huynh, giáo viên - đồng nghiệp... - Giới thiệu một số câu chuyện thể hiện nghệ thuật dạy học/giáo dục cho học sinh tiểu học.	2	
<b>Chương 2: Thực hành dạy học và giáo dục</b>	<b>25</b>	- HTTC: Cá nhân/ nhóm - PPDH: thực hành (1sv hoặc một nhóm cùng tham gia dạy 1 tiết 30 phút), thảo luận nhóm, sắm vai. - Kiểm tra/đánh giá: Qua các bài
<b>2.1. Thực hành tìm hiểu, phân tích tiết dạy.</b> - Xem video và tập phân tích, đánh giá tiết dạy tham khảo.	2	
<b>2.2. Thực hành thiết kế đồ dùng dạy học, sử dụng thiết</b>	6	



<p><b>bị dạy học hiện đại ở tiểu học.</b>  2.2.1. Chế tạo đồ dùng dạy học sử dụng ở trường tiểu học. Dạy một hoạt động có sử dụng đồ dùng đó.  2.2.2. Sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại.  2.2.3. Tổ chức cho lớp nhận xét, góp ý và đánh giá.</p>		thực hành, vấn đáp
<p><b>2.3. Thực hành tổ chức dạy học.</b>  2.3.1. Lập kế hoạch dạy, tổ chức dạy học cho môn đã chọn, lưu ý hoàn thiện các kỹ năng sư phạm.  2.3.2. SV và GV phân tích, rút ra kết luận sư phạm sau mỗi tiết dạy  2.3.3. Xây dựng tình huống sư phạm cho sinh viên tập giảng giải quyết trong tiết dạy.</p>	14	
<p><b>2.4: Thực hành lên lớp tiết giáo dục</b>  2.4.1. Thực hành lập kế hoạch, tổ chức dạy tiết chủ nhiệm lớp, sinh hoạt lớp, hoạt động ngoài giờ lên lớp.  2.4.2. SV và GV phân tích, rút ra kết luận sư phạm sau mỗi tiết dạy  2.4.3. Xây dựng tình huống sư phạm cho sinh viên tập giảng giải quyết trong tiết dạy.</p>	3	
<p><b>6. Tổng kết: Kết luận sư phạm chung; giải đáp những thắc mắc (nếu có)</b></p>	1	- HTTC: Cá nhân, nhóm - PPDH: Thảo luận và trao đổi, thực hành.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Huỳnh Văn Sơn (2013), *Những cơ sở tâm lý của việc tổ chức hoạt động dạy và học tích cực*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục
3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục
4. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK TN-XH 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

### 6.2. Tài liệu khác

1. Bùi Văn Huệ, *Nghệ thuật ứng xử sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm, 2012
2. GS. Đinh Văn Tiến, *Cẩm nang phương pháp sư phạm*, Nxb Tổng hợp Tp.HCM, 2012.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Hình thức thi kết thúc HP/MH: Đánh giá bằng các bài thực hành, không tổ chức thi kết thúc HP.

7.3. Các điểm quá trình và trọng số tương ứng:

- Chuyên cần: hệ số 0,1

- Điểm trung bình các bài thực hành : hệ số 0,9

7.4. Cách đánh giá HP/MH: Điểm của học phần là điểm trung bình chung của điểm thực hành và điểm chuyên cần.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH      TRƯỞNG BỘ MÔN      NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Phạm Thị Yến

**HỌC PHẦN  
 THỰC HÀNH SƯ PHẠM 4**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **Thực hành sư phạm 4**
- Mã học phần: 815093
- Số tín chỉ: 1 (0,1)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (0; 30)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy :** Toán và Phương pháp dạy học, Văn – Tiếng Việt và Phương pháp dạy học, TNXH và Phương pháp dạy học.

**3. Mô tả học phần**

- Quản lý, phân công, theo dõi sinh viên tập giảng.
- Dự giờ tập giảng để hỗ trợ, nhận xét, đánh giá sinh viên về những kỹ năng lên lớp đã được trang bị ở các học phần THSP 1, 2, 3; giảng dạy thành thực những bài cụ thể nhằm chuẩn bị tốt cho công tác thực tập sư phạm tại các trường phổ thông.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Vận dụng những kiến thức tổng hợp đã học từ các học phần trước soạn giảng những bài học cụ thể.
- Giúp sinh viên củng cố lại những yêu cầu về tác phong, các cách thức, các thao tác cần thiết và bắt buộc cho một tiết lên lớp. Kiểm tra các kỹ năng cốt lõi đã hình thành ở các học phần trước thể hiện ở việc thành thực một giờ dạy (tự chọn).

#### 4.2. Về kỹ năng

- Thành thạo việc lựa chọn, sử dụng phối hợp các bước, các thao tác và kết hợp nhuần nhuyễn các cách thức lên lớp trong một giờ dạy cụ thể.

- Biết phân tích, đánh giá giờ dạy của bạn, qua đó tích lũy kinh nghiệm cho cá nhân.

#### 4.3. Về thái độ

- Có ý thức tự học tập, rèn luyện trước giờ lên lớp để chuẩn bị tốt nội dung bài dạy cụ thể, tương tác nhóm lớp để nhận xét giờ dạy của bạn. Qua đó rút kinh nghiệm và có ý thức tự rèn luyện bổ sung cho bản thân.

- Yêu thích và say mê với nghề nghiệp trong tương lai.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>1. Sinh viên thực hành dạy một giờ hoàn chỉnh</b>	<b>20</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân, nhóm tự làm việc trước giờ lên lớp</li> <li>- Cá nhân / nhóm lớp</li> <li>- Phối hợp các PPDH</li> <li>- Kiểm tra miệng: thực hành cá nhân / nhóm lớp</li> </ul>
1.1. Thuyết trình việc chuẩn bị cho giờ dạy, lựa chọn cách thức cho từng thao tác và mục tiêu của việc lựa chọn	4	
1.1.1. Hướng triển khai giờ dạy	2	
1.1.2. Nội dung, chuẩn bị đồ dùng và phương tiện dạy học	2	
1.1.3. Thao tác, mục tiêu của mỗi cách thức triển khai từng thao tác	3	
1.2. Tổ chức hoạt động dạy học	9	
<b>2. Sinh viên nhận xét đánh giá tiết dạy</b>	<b>7</b>	
2.1. Các nhóm hội ý, thảo luận tiết dạy	2	
2.2. Đại diện nhóm lên nhận xét giờ dạy	2	
2.2.1. Ưu điểm	0,5	
2.2.2. Hạn chế	0,5	
2.2.3. Cách khắc phục hạn chế	1	
2.3. Đại diện nhóm biểu diễn cách thức thay thế	3	
<b>3. Tổng kết</b>	<b>3</b>	
3.1. Giảng viên chốt nội dung nhận xét	1	
3.2. GV biểu diễn mẫu một số thao tác	1,5	
3.2.1. Ôn định tổ chức (một mẫu chuyện, một cuộc phỏng vấn, một bài hát, một câu đố,...)	0,25	
3.2.2. Giới thiệu bài mới (trực tiếp hoặc gián tiếp)	0,25	
3.2.3. Kỹ năng đọc mẫu	0,5	
3.2.4. Kỹ năng gợi ý (câu hỏi và giả định các phương án trả lời)	0,5	
3.3. GV tổng kết	0,5	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Huỳnh Văn Sơn (2013), *Những cơ sở tâm lý của việc tổ chức hoạt động dạy và học tích cực*, NXB Đại học Sư phạm.

2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

4. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGK TN-XH 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

### 6.2. Tài liệu khác

1. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

2. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV Tiếng Việt 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

3. Bộ Giáo Dục và Đào tạo (2005), *SGV TN-XH 1, 2, 3, 4, 5*, NXB Giáo dục

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 0 phút. Đánh giá bằng các bài thực hành, không tổ chức thi kết thúc HP.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,9;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2016*

**DUYỆT TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Thị Minh Phương